

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN

CHÍNH TRỊ

KINH TẾ

XÃ HỘI

VĂN HÓA

Số 35

Tháng 6-1970

nguyên sỹ tế
hồng an

tôn thất tiết

rené huyghe

bình nguyên lộc

túy hồng

kobo abé

huỳnh phan anh

đặng phùng quán

bùi giáng

ngụy ngữ

tuấn anh

- | | |
|----|--|
| 1 | phong trào thanh niên học đường |
| 9 | những kẻ thoát ly trên đường tiến về nam |
| 21 | vũ trụ tính trong âm nhạc |
| 25 | nghệ thuật trong cơn khủng hoảng |
| 33 | hai lớp mờ |
| 41 | những sợi sắc không |
| 47 | người đàn bà trong cơn cát |
| 57 | khuôn mặt ngày mưa |
| 63 | lý trí và hiện hữu |
| 70 | thơ |
| 78 | mùa thu |
| 94 | thời sự và sinh hoạt |

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ : **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO : **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

NGUYỄN SỸ TẾ phong trào thanh niên học đường

Những ai theo dõi lịch sử cận đại và hiện đại đều nhận thấy một hiện tượng đặc thù trong xã hội con người thế kỷ 20, đó là sự trỗi dậy của thanh niên học đường, nhất là của sinh viên đại học. Nếu như thế kỷ 19 đánh dấu sự lên ngôi của thợ thuyền ở Tây phương như là một thế lực chính trị đáng kể thì thời hiện đại ghi nhận sự đăng đàn của thanh niên học đường trên toàn thế giới ít nhất cũng như một tiếng nói chính trị.

Sự trỗi dậy của tuổi trẻ đi học này tất nhiên cũng làm đổi thay cán cân giữa các thế lực xã hội và chính trị nơi các quốc gia và cùng với sự vùng lên của những tiểu nhược quốc lại trị, sự lan tràn của chủ nghĩa xã hội và sự tiến bộ của khoa học đang hứa hẹn những đổi thay căn bản trong sắc diện hoàn cầu.

Nói riêng về phong trào thanh niên học đường người ta còn nhớ những phong trào đã qua ở Việt Nam từ đòi độc lập năm 1945 qua chống chia cắt năm 1954 đến phá độc tài năm 1963. Những phong trào sinh viên thế giới trong mấy năm gần đây lại còn dữ dội hơn, diễn ra khắp các thủ đô lớn không phân biệt bên đây hay bên kia bức màn sắt : Ba Lê, Luân Đôn, Hoa thịnh Đốn, Đông Kinh, Prague, Varsovie, Moscou...

Nay nhân vụ sinh viên học sinh tranh đấu ở Thủ đô và một

vài trung tâm văn hóa khác ở Việt Nam, ta thử hệ thống hóa một số những nhận định có tính cách phân tích và phê bình trong quá trình xã hội và chính trị có liên quan tới các phong trào nói trên. Trước khi xét xem những nguyên nhân nào đã khiến người học trở thành động, hậu quả của những hành động đó và ta phải xử sự với họ ra sao, tưởng cũng nên lập lại những chân lý sơ đẳng về bản chất, khả năng và vai trò của sinh viên trong xã hội thời mới.

Có lẽ không một ai là không có những kinh nghiệm đúng đắn về bản chất của thanh niên học đường. Với tuổi trẻ và sinh lực còn dư, họ là những phần tử hăng say, ham hoạt động và thích đổi thay nhất. Có khá nhiều thì giờ rỗi rãi ngoài số giờ hạn định của học trình, với kiến thức sách vở khác xa với thực tại chung quanh, họ thường có đầu óc lãng mạn, tru phiêu lưu, mạo hiểm, kết bạn, kết đoàn, ước mong vượt cả gia đình lẫn học đường.

Nói về hoạt động tính của thanh niên, kinh nghiệm phổ thông cho thấy hành động của tuổi trẻ nặng về đường phá phách hơn là đường xây dựng. Đó cũng là một bản năng của con người trong thời xung mẫn nhất của bản năng đó. Hồn nhiên, phải trẻ sống với hiện tại nhiều hơn là tương lai và ít khi ôn lại quá khứ. Bởi vậy, giáo dục, muốn theo chiều hướng nào chăng nữa, vẫn bao hàm công tác diệt trừ một số bản năng xấu, những bản năng nghịch hướng trong đó ta phải kể bản năng thống trị và bản năng phá hủy. Sự tự giáo dục lấy mình cũng phải làm công tác đó.

Khung cảnh học đường, thì giờ rỗi rãi, các môn học là những gì giúp cho sự giáo dục cảm quan của thanh niên. Kết quả là sinh viên học sinh khá nhạy cảm và thường dễ bị kích động. Vì thế, người ta thường nhắc nhở rằng phải xử sự theo tình cảm đối với các phần tử ấy. Với ngọt ngào, người ta dễ lôi cuốn sinh viên, với vụng về người ta dễ làm phật lòng họ, dễ động chạm tới lòng tự ái của họ. Nói về tự ái, ta lại thấy thanh niên học đường là những người có nhiều tự ái hơn các lớp người khác, cái tự ái hồn nhiên của tuổi trẻ, cái tự ái do học vấn tạo ra, cái tự ái do khủng hoảng nhân cách đi tìm độc đáo tinh mà có ; tất cả tạo nên những mặt

cảm mâu thuẫn bù đắp nhau làm nên cái tâm lý cực kỳ phức tạp và tế nhị của thành phần xã hội này.

Nói về thanh niên học đường, sau rốt, ta chớ nên quên môi trường chữ nghĩa, những giá trị tinh thần nơi họ sinh sống, những khuynh hướng lý tưởng ở nơi họ nhất là khuynh hướng đòi tự do và công lý không phải chỉ cho họ mà cho toàn thể mọi người. Chính sinh viên là kẻ thừa kế tốt đẹp nhất của cái mà tâm lý học và xã hội học gọi là cái di sản văn minh của loài người trong tiến trình miên viễn của nó. Bởi thế nội đến sinh viên là nói đến tiến bộ. Và bằng ngôn từ chính trị, với vài dè dặt nào đó, ta có thể nói đa số sinh viên có khuynh hướng « thiên tả », dầu là ở ngay tại các nước theo xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là vì hàng ngày thanh niên học đường đã làm quen với sách vở, với lý thuyết, với những sự vật cao quý và lý tưởng, với những điều hoàn hảo, tuyệt đối. Trong khi đó thì ngoài xã hội thực tại, chẳng bao giờ có thể tốt đẹp như mong muốn. Thật là một điều mâu thuẫn trong thời hiện đại rằng « bất luận nhà cầm quyền nào cũng luôn thể vừa muốn giác ngộ dân chúng rằng những định chế mà họ sống chưa phải là hoàn hảo và rằng họ còn phải cố gắng thêm lại vừa muốn dân chúng quên đi hay không biết tới điều đó ?

Tâm lý thanh niên học đường nói chung là như thế. Điều đó giúp ta lý hội sâu xa hơn bản chất của phong trào sinh viên học sinh. Tổ chức sinh viên vốn là một tổ chức lỏng lẻo. Nó chẳng phải là một nhóm đoàn chính trị, kinh tế, tôn giáo hay nghề nghiệp. Nó là một tổ chức theo đuổi mục đích văn hóa và xã hội nhiều hơn, vì thế nó không thể có và không nên có một nội quy chặt chẽ theo kiểu đảng phái chính trị. Sự lỏng lẻo trong tổ chức này chính là cơ hội tốt cho sự xâm nhập của các đảng phái chính trị, các tôn giáo có khuynh hướng chính trị, nhất là các tổ chức chính trị bí mật. Tất cả những tổ chức này đã tìm thấy nơi học đường một môi trường hoạt động tốt đẹp nhất, tập hợp sẵn, dễ kích động, và sẵn có uy thế đối với quốc dân.

Với tuổi trẻ và sự thiếu kinh nghiệm đấu tranh chính trị của sinh viên, ta phải nhận rằng họ khó có khả năng lãnh đạo vượt tập thể của mình. Điều động sinh viên cũng như điều động trí thức quả là một công tác tế nhị, khó khăn. Chính ngay việc sinh viên

bảo lẫn nhau nhiều lúc cũng rất khó vì tổ chức lỏng lẻo nói trên cũng có, mà cốt yếu vì mỗi sinh viên là một thế giới xúc cảm muốn giữ trọn sự độc lập và tự do cho riêng mình. Vả lại, sự lãnh đạo trong hàng ngũ sinh viên đâu có được liên tục như các nhóm đoàn xã hội khác. Trung bình sinh viên chỉ sống qua khuôn viên đại học từ 2 tới 4 năm, sau đó họ được đổ vào các môi trường vững bền liên tục hơn quân đội, chính quyền, nghề nghiệp với những mối lo toan thiết thực hơn chờ đợi họ.

Do nhiệm kỳ chấp hành từng năm, do thành phần và khuynh hướng quá phức tạp của sinh viên, do đòi hỏi của nhiệm vụ học đường, do sự tranh thủ đến xâu xé nhau của các tổ chức chính trị trong môi trường học đường kể các việc chính quyền muốn lũng đoạn hàng ngũ sinh viên, phong trào thanh niên học đường khó thống nhất ý chí và hành động, kết quả là sức mạnh của phong trào cũng suy giảm đi nhiều.

Ở một phương diện khác, trong giai đoạn lịch sử của một quốc gia còn yếu kém về chính trị thì khả năng và vai trò tương đối của sinh viên quả lớn lao, trọng đại, tiền phong. Trong giai đoạn lịch sử mà tổ chức chính trị, tôn giáo, nghề nghiệp đã vững vàng, tất nhiên vai trò và khả năng tác động xã hội và chính trị của sinh viên cũng kém phần đáng kể.

Người ta còn nhớ vấn đề đã đặt ra giữa hàng ngũ các nhà mác xít là « có nên hay không mở rộng động cơ của cách mạng vô sản từ giai cấp thợ thuyền qua lớp thanh niên học đường ». Đây không phải chỉ là một vấn đề kết liên trong giai đoạn giữa hai thành phần xã hội nói trên mà là vấn đề xấp nhập hẳn hoi sinh viên vào hàng ngũ làm cách mạng. Người ta cũng nhớ rằng hàng ngũ mác xít đã chia làm hai phe rõ rệt chống đối nhau : phải tin tưởng và phải nghi ngờ sinh viên, tức là phải chủ trương xấp nhập và phải chủ trương không xấp nhập thanh niên học đường vào cách mạng.

Tất nhiên, phải chủ trương « không xấp nhập » không phải là không nghĩ tới việc lợi dụng sinh viên cho mục phiếu tranh đất của họ. Lịch sử thế giới cho hay bước đầu cách mạng, các nhĩ cách mạng thường khai thác những khuynh hướng lý tưởng nơ

các thanh niên học đường ; nhưng đến khi cách mạng thành công rồi sinh viên lại trở thành một chướng ngại vật cho những mục phiếu đặt định trước hay cho những mục phiếu thiết thực khác của họ. Người ta không phải chỉ sống bằng những giá trị tinh thần, không biết tới những điều kiện thực tại của vấn đề, phiếu lưu mãi mãi và thực hiện mọi tiến bộ một cách dễ dàng như sinh viên tưởng.

Tóm lại, thanh niên học đường cùng với những hành động phức tạp một cách hỗn nhiên của họ không gì khác ngoài hơn là những phần tử tiêu biểu cho từng thế hệ ưu tú của quốc gia, lớp người nhạy cảm và lý tưởng báo động cho những đổi thay cần thiết trong xã hội, rao hàng cho những công cuộc cách mạng toàn diện, cấp thời. Cốt yếu là một tổ chức văn hóa, giáo dục và xã hội, không phải là một tổ chức chính trị, hàng ngũ sinh viên là một tiếng nói ý thức hệ khó có thể chuyển thành một thế lực chính trị.

Bàn về những nguyên nhân khiến thanh niên học đường phải nổi dậy, ta không thể nào kể hết những nguyên nhân cá biệt của từng thời, từng nơi. Ta hãy tự giới hạn vào những nguyên nhân tổng quát.

Trong lãnh vực văn hóa và giáo dục, — lãnh vực của họ, — đó là những bồn phận đòi hỏi và những quyền lợi dành cho họ. Một nền giáo dục lạc hậu với những lý thuyết quá cũ, không thích hợp với nhu cầu xã hội, quá nặng về khu vực tri thức này hay khu vực tri thức kia, một đường lối nhồi sọ, một học trình quá nặng, những thử thách thi cử quá khắt khe, những phương tiện làm việc quá nghèo nàn thiếu thốn, sự thu nạp bất công, sự quản trị vô đoán ở học đường... v.v... đó từng là những gì tạo nên sự bất mãn và tác động xung kích tinh của giới trẻ nhà trường. Bên cạnh những quyền lợi có tính cách tinh thần còn có những quyền lợi vật chất. Mặc dầu là những phần tử kém lo xa, sinh viên không phải là không nghĩ tới tương lai gần của họ : việc làm của họ sau đại học, sinh kế của họ hôm nay và ngày mai. Đây là vấn đề hướng dẫn và kế hoạch hóa giáo dục mà ở nhiều nơi kể cả

nước nhà, ta thấy hãy còn quá luộm thuộm, thiên cận và giả tưởng.

Xa hơn, ta phải kể những nguyên nhân xã hội và chính trị : chế độ độc tài, bất công, tham nhũng, quân phiệt, tôn giáo phiệt, tư bản phiệt... ; chính sách đế quốc, sự can thiệp của ngoại bang, chiến tranh, sự sa đọa, sự mua chuộc, cảnh thua trận... Loại nguyên nhân này muốn có tác động tích thường phải có hai điều kiện : hoặc là sâu xa và quá phơi bày, hoặc là sự kích động của những tổ chức chính trị nhất là tổ chức chính trị ngầm của đối phương. Nói về sự kích động từ ngoài vào tập thể sinh viên thời hiện đại, người ta không thể nào quên được những thành công lớn lao của những cán bộ mác xít và của những tổ chức mật vụ quốc tế. Cho nên phải có những quan sát, theo dõi, suy luận đầy công, thanh niên học đường mới nhận thức được những động lực trên đề mà giữ — thuần chất sinh viên cho phong trào của mình.

Chuyển qua những hành động của thanh niên học đường ngày nay, ta thấy họ đã tiềm ẩn những hình thức đấu tranh của các tổ chức chính trị. Hành động của họ có chương trình, kế hoạch, giai đoạn tùy theo những nguyên nhân nổi dậy, phản ứng của nhà cầm quyền và của quốc dân, những điều kiện thực tế chung quanh : lãng khóa, bãi khóa, mít tinh, biểu tình tuần hành, tuyệt thực, tự thiêu, chiếm giữ trụ sở, phá phách công trường v.v...

Hậu quả của hành động thanh niên còn tùy thuộc ở mức độ và thời gian tranh đấu : khủng hoảng giáo dục, xã hội, chính trị... Kết quả còn tùy thuộc ở thái độ của các nhà cầm quyền, của các tổ chức chính trị, tôn giáo, nghiệp đoàn, của quốc dân, của ngoại bang có quyền lợi trong quốc gia... Tới lúc nào đó, vấn đề trở thành một cuộc tranh đấu lẫn nhau, mặc cả ráo riết giữa những thành phần kể trên và phong trào sinh viên cũng bị gạt ra ngoài hay ngập chìm trong đó.

Nhìn vào cuộc đấu tranh hiện nay của sinh viên và một phần học sinh ở thủ đô và một vài trung tâm văn hóa nước nhà, nhiều người không khỏi lo âu, thắc mắc. Không cần phải có những phương tiện thông tin và kiểm chứng dồi dào, người ta cũng thấy ngay cái tính chất hỗn tạp của nó. Trong phong trào ngoài những phần tử và những mục phiêu thuần túy sinh viên ra, không phải là

không có những mục phiêu chính trị đặc biệt và không có bàn tay của đối phương, của ngoại bang, của đảng phái, của tôn giáo và của cả một phân số các nhà cầm quyền. Những bàn tay này theo đuổi những mục đích cực kỳ phức tạp đến độ mâu thuẫn nhau và tới một lúc nào đó có thể làm mất cả bản chất của phong trào thanh niên học đường tranh đấu cho họ, cho những giá trị ý thức hệ cao viễn mà quốc dân mong mỏi.

Nói về thái độ của mọi giới đối với phong trào người ta trông thấy những vụng về, chẫu chập của chính quyền, những im lặng dè dặt của mọi giới. Sự hưởng ứng công khai của các tổ chức chính trị chưa thấy có. Sự hưởng ứng của báo chí chỉ có tính cách nguyên tắc, đôi khi có tính cách miễn cưỡng như đề trả nợ việc sinh viên lúc trước ủng hộ báo chí trong vụ chống việc tăng giá giấy in báo. Giới giáo chức can thiệp trên bản vị tình cảm nhiều hơn. Khuynh hướng mị dân không phải là không có nơi một vài giới chính trị. Nhiều người bị quan nói tới tình trạng « khủng hoảng trách nhiệm » khiến thực giả không lên tiếng ; số người lạc quan nghĩ rằng tất cả sẽ được dàn xếp ổn thỏa, tốt đẹp ; một số người cho rằng đây là bước đầu của một tranh chấp cực bộ trên nhiều phân tuyến quyền lợi ; và rất nhiều phản ứng cùng giả thuyết khác...

Những phản ứng phức tạp trên đây có thể rút về hai sự trạng lớn : phong trào thanh niên học đường mới chỉ gặt hái được một hưởng ứng trên nguyên tắc với thận trọng hay dè dặt, và mới chỉ gặp phải một sức chống đối ngấm ngấm ở ngoài học đường, từ phía các giới lại. Dầu sao phong trào thanh niên học đường cũng chưa đến độ chín mùi. Đa số tuổi trẻ đi học tại đa số các nơi trong nước đến nay vẫn chưa nhập cuộc. Trong tình trạng đặc biệt của nước nhà, nhiều yếu tố quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao tác động mạnh cục diện quốc gia. Phong trào thanh niên học đường nằm trong quay cuồng đó và khó có thể dễ cho người ta nhận định và tiên đoán một cách biệt lập. Tương lai gần sẽ mang thêm ánh sáng cho người quan sát và bình luận.

Thanh niên học đường là tiếng nói trong lành của quốc gia,

của nhân loại. Giữ cho tiếng nói đó trong lành vượt lên trên những mâu thuẫn và tranh chấp chung quanh là nhiệm vụ mãi mãi của tuổi trẻ học trò. Quy nhập tiếng nói trong lành đó vào sinh hoạt quốc gia là nhiệm vụ của chính quyền, các đoàn thể và toàn thể quốc dân. Ta còn thì giờ để làm công việc đó, miễn có nhiều thiện chí và sự trông rộng, nhìn xa.

nguyễn sỹ tế

Thân gửi bạn đọc,

Từ nhiều tháng nay, giá giấy tăng lên đã kéo theo nhiều phí khoản khác về ấn loát trên đã leo thang vật giá. Nếu không muốn tự đình bản, chúng tôi sẽ không còn cách nào khác là tăng giá báo, từ 40 đồng lên 50 đồng mỗi số.

Chúng tôi hi vọng toàn thể bạn đọc sẽ thông cảm với hoàn cảnh khó khăn mà các tập san văn học nghệ thuật đang phải đương đầu, và sẵn lòng ủng hộ chúng tôi. Chân thành cảm ơn chung quý bạn.

Ô. Lê Ngô Châu (Bách Khoa)

Ô. Vũ Công Trục (Văn Đề)

Ô. Nguyễn-dinh Vượng (Văn)

HỒNG AN

những kẻ thoát ly trên đường tiến về Nam

Khởi đầu đề tài « những kẻ thoát ly trên đường tiến về Nam », tôi muốn mượn lại mẫu chuyện đối thoại giữa một phóng viên Mỹ và một người bạn già của tôi khoảng hai năm trước đây trong một công tác của anh tại Định Tường. Khi đáp lại câu hỏi của phóng viên Mỹ, anh đã cho biết tình hình rất đáng lạc quan. Câu trả lời của anh đã làm cho phóng viên ngạc nhiên và ngỡ vực :

— Tôi đi đâu người ta cũng cho biết tình hình Việt-nam rất bi quan. Duy chỉ có ông thì trái lại. Tôi không biết có phải ông đã cố tình tạo sự lạc quan cho chính ông, cho chính tôi. Bởi theo tôi, Cộng-sản vẫn có thể tạo được những thế chủ động trên khắp các chiến trường, đồng thời vẫn duy trì được sự khùng bố giết chóc trên thành phố cũng như thôn quê.

Đề trả lời thắc mắc đó, anh bạn già của tôi đã bày tỏ :

— Với một vấn đề như thế, đích thực phải đòi hỏi ở chúng tôi một số thời gian cần thiết để trả lời mà ít nhất là trong lúc này chúng tôi không có được. Chúng tôi muốn thay bằng một ví dụ : Phía trước mặt chúng ta, một chiếc xe hơi hiệu tối tân, bóng

loảng và đang phóng thật nhanh trên mặt đường nhựa. Chắc ông sẽ nghĩ rằng chiếc xe thật mới, thật tốt. Nhưng đối với chúng tôi, chúng tôi là những người thợ trong cái garage có nhiệm vụ sửa chữa chiếc xe đó. Do đó chúng tôi biết được những bộ phận nào hư hỏng và bao giờ thì chiếc xe đó không còn xử dụng được nữa bởi chỉ còn là một đồng sắt vụn.

Dẫn lại mẫu đối thoại đó, mục đích của tôi là muốn giới thiệu vị trí của người đặt vấn đề. Đồng thời trong một giới hạn khiêm tốn tôi muốn được trình bày về tình trạng đào ngũ của cán binh Cộng sản trên đường tiến về Nam.

Sau hiệp định Genève 1954, đa số cán bộ chiến đấu chống Pháp trong hàng ngũ Cộng-sản đã theo kế hoạch của Đảng tập kết ra Bắc. Sau những giây phút sống trong cái ảo tưởng của những người con kiêu hùng của dân tộc, đi qua những tràng vỗ tay, những hàng biểu ngữ đón tiếp nồng nhiệt « Hoan hô bộ đội anh dũng miền nam » họ được đẩy vào thực tế trong kế hoạch của Đảng, vì kháng chiến đã thắng lợi, tình thế chuyển từ tinh chất quân sự sang chính trị, nhiệm vụ của bộ đội là học tập để thực thi chính sách cải cách ruộng đất vào giữa năm 1955. Cho đến năm 1957 khi chính sách sửa sai được công bố, bộ đội mới bắt đầu thức tỉnh, tự biết mình đã dần thân vào con đường tách biệt với quần chúng, tự đẩy mình trong tư thế thù nghịch với quần chúng. Và khoảng cuối năm 1958, đầu năm 1959, trong kế hoạch của Đảng và Nhà nước vai trò của bộ đội là tập trung nỗ lực vào công tác sản xuất cho đúng với tình hình mới, hợp tác với toàn dân tăng gia sản xuất, có nghĩa là người bộ đội được chuyển sang công tác nông trường. Chiến sĩ lúc này trở thành một tên cu-li, đầu đội nón lá, tay cầm rựa (coupe) như một kẻ tội đồ khổ sai.

Những tháng ngày dài tại nông trường, trong sự kiểm chế tinh thần, sự thiếu thốn vật chất và sự nhọc nhằn của thể xác, họ đã sống trong nỗi nhớ tiếc miền Nam, một nỗi khát thèm không nguôi của quá khứ, đẩy dần vào trạng thái vô vọng, buông xuôi.

Cũng liệu nhắm mắt đưa chân,

Thử xem ông Giáp đưa mình đến đâu.

Giữa khung cảnh đó, họ tiếp đón nguồn tin về sự vùng dậy

của Mặt trận giải phóng miền Nam như một đặc ân kỳ diệu, một niềm ước vọng bao la lớn dậy trong lòng họ. Sở dĩ chỉ có sự kiện đó mới là cơ hội độc nhất cho họ trở về miền Nam, nơi chôn nhau, cắt rốn của họ, mà họ đã đành ly biệt. Bởi sau ngày tập kết, hy vọng trở về Nam được hướng vào cuộc Tổng tuyển cử 1956. Nhưng cuộc tổng tuyển cử đã bị bác bỏ bởi điện văn của chính quyền miền Nam gọi nhà cầm quyền miền Bắc tại Hà Nội.

Theo lệnh của Đảng và Nhà nước, nửa đêm họ bị gọi trình diện Trung đoàn bộ kiêm Ban chỉ huy Nông trường mỗi đoàn khoảng hơn 100 người ra đi một cách bí mật. Chính những người ở lại nông trường vẫn tưởng họ được chuyển sang công tác tại một nông trường khác hơn là cho rằng họ được đưa vào Nam chiến đấu. Sự kiện này, mục đích Đảng và Nhà nước muốn đồng hóa họ thành những người miền Nam đầu tiên đứng lên chống chế độ miền Nam, từ trong nội bộ của miền Nam mà không phải động lực đó do từ bên ngoài, hay đúng hơn do chính miền Bắc chủ xướng, thúc hối.

Đề rồi, sau đó nhu cầu chiến trường và tình hình bắt buộc, Đảng và Nhà nước mới chính thức động viên tất cả thanh niên miền Bắc từ 18 đến 45 tuổi, số tuổi này được giảm xuống trong những tháng sau này ; họ là những thanh niên sinh ra và lớn lên tại miền Bắc. Trên nguyên tắc, nghĩa vụ quân sự tại miền Bắc cũng được quan niệm như một đặc ân, một vinh dự. Nghĩa là sẽ căn cứ vào giai cấp, thành phần và tư tưởng. Nhưng trên thực tế vì cần phải đáp ứng với nhu cầu chiến trường, không còn có vấn đề vinh dự, mà là sự cưỡng bách toàn diện. Do đó, tại miền Bắc vẫn có tình trạng trốn tránh trách nhiệm. Sự trốn tránh này có nhiều hình thức hoặc có thể vì là con cái của cán bộ cao cấp, hoặc do những lỗ hổng trong cơ chế tổ chức của chính quyền đã để ra loại người lợi dụng thời cơ buôn bán, bất chính, có tiền mua chuộc những thành phần trong Hội đồng giám định y khoa để được miễn dịch, hoãn dịch với một vài căn bệnh nào đó. Ở tại những thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Vinh v.v... là những nơi có nhiều điều kiện dung nạp thành phần trốn nhập ngũ. Duy chỉ có những thanh niên ở nông thôn, khó có thể trốn

tránh được, họ phải đành vâng lệnh nhà nước lên đường đi nhập ngũ. Nói như thế không có nghĩa là tôi phủ nhận đa số thanh niên miền Bắc đã tình nguyện nhập ngũ, khởi bằng một tình tự dân tộc bất nguồn bởi kỹ thuật tuyên truyền chống Mỹ, cứu nước của Đảng và nhà nước Bắc Việt.

Khi được lệnh gọi nhập ngũ, các thanh niên được đưa đến những vị trí huấn luyện quân sự trên khắp miền Bắc. Thời gian huấn luyện có thể từ 3 đến 5 tháng. Chương trình ngoài phần huấn luyện về căn bản quân sự, chiến thuật và kỹ thuật tác chiến, họ còn được học tập hai tài liệu quan trọng: Chiến tranh nhân dân và tình hình cách mạng miền Nam.

Theo đó, miền Nam là một phần của lãnh thổ Việt Nam. Sau hội nghị Genève 2 năm sẽ có một cuộc tổng tuyển cử để thống nhất. Nhưng sau 2 năm đất nước vẫn chưa thống nhất và vẫn bị chia cắt. Sự kiện này có được bởi bàn tay của Đế quốc Mỹ tham dự. Bởi miền Nam là một vị trí chiến lược quan trọng, cho nên đế quốc Mỹ muốn chiếm miền Nam làm bàn đạp tấn công miền Bắc, rồi tấn công phe xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của bộ đội là phải bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam. Nhiệm vụ của bộ đội trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước là phải hăng hái, không quản ngại khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc. Và tình hình cách mạng Việt Nam được giải thích đang ở giai đoạn thắng lợi. Ở miền Bắc đang xây dựng thành cộng sản chủ nghĩa miền Nam với Mặt trận giải phóng miền Nam ra đời, quân giải phóng được trưởng thành càng đánh càng thắng, nói chung cách mạng V.N. đang đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời gian học tập quân sự vẫn đã có tình trạng đào ngũ. Một số là thanh niên từ khoảng 27-28 tuổi trở lên. Họ nhớ vợ, nhớ con bởi gia đình họ không được hợp tác xã giúp đỡ, cho nên cuộc sống của gia đình họ thật thiếu thốn khổ cực. Vì thế họ đào ngũ với mục đích giải quyết vấn đề cơm áo cho gia đình. Nhưng sau đó họ bị bắt mang giao trả lại đơn vị, nếu lần thứ hai họ sẽ bị xét xử bởi Hội đồng xã có thể bị truất quyền và bị cô lập. Một số khác, đa số, là những thanh niên ở thành thị, bị ảnh hưởng bởi nếp sống của thanh niên Tây Đức qua các phim

tinh báo của Liên-sô, sống rất phóng túng tư cách cắt tóc, cách mặc áo quần cho đến cách làm tình được mệnh danh là phong trào « sống gấp sống vội » như những gì chúng ta được nghe, được thấy trên đường phố Sài Gòn bởi cái phong trào Hyppy ». Bọn thanh niên này vì đã quen dư ăn, dư mặc và phóng túng cho nên khi phải chịu đựng kỷ luật của quân sự, họ đã tìm cách trốn tránh và tìm lại nếp sống cũ.

Sau khi đã hoàn tất giai đoạn thụ huấn quân sự, họ được chuyển đến những vị trí các trạm ga xe lửa để đưa vào Quảng bình. Trước khi lên đường họ phải viết quyết tâm thư, nhưng nếu có người nào phảng kháng, chống đối không viết quyết tâm thư họ sẽ được học tập chính trị, để sửa sai tư tưởng. Trước giờ con tàu khởi hành, có những người lợi dụng sự tấp nập, rộn rịp để tìm cách chạy trốn khỏi cuộc đi về Nam để trở lại với gia đình vợ, con. Còn những người khác vào đến Quảng bình họ được lệnh vượt Trường Sơn qua Lào, thời gian dành cho cuộc hành trình này dài khoảng 4 tháng vào mùa mưa và sẽ được rút ngắn vào những mùa nắng.

Đến đất Lào, họ phải đối diện với sự thiếu hụt lương thực, và sự thiếu thích hợp khí hậu cộng thêm vào đó sự khổ nhọc, vất vả trong một cuộc hành trình vượt Trường sơn. Có một số chiến sĩ đã rời hàng ngũ trốn về Bắc, bởi viễn ảnh của chuyển đi về Nam đầy những ám ảnh, ghê rợn của cái chết, của một tương lai đầy bóng tối và họ đã chọn lựa con đường quay trở lại cho dù chắc chắn con đường đó đầy chông gai và tù đày, nhưng ít nhất họ được thấy mặt vợ con lần cuối.

Đề rồi, khi kiểm điểm, cán bộ đã hiểu được sự thật và họ đã lên tiếng trấn an đoàn với lập luận: « Những kẻ đào ngũ là những kẻ ham sống, sợ chết. Đối với họ gia đình là trên hết. Họ không nghĩ đến tổ quốc, đến nhân dân miền Nam đang sống đau khổ, quần quai dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ ».

Vốn đã sống trong truyền thống tuyên truyền của Cộng sản, đồng thời họ tự nhận họ chính là kẻ đi giải phóng; họ đã đồng ý với lập luận của cán bộ và chèn trách kẻ đào ngũ là kẻ hèn nhát trốn tránh sứ mạng cao đẹp mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Họ lại tiếp tục đi dọc theo Trường sơn về Nam, suốt cuộc hành trình này họ phải đối diện với thật nhiều trở ngại, với sự thiếu hụt lương thực, bệnh tật, họ lại còn phải sống trong tình trạng căng thẳng, đe dọa thường xuyên của cái chết do B. 52. Có những đoàn sau khi B.52 bắn phá đã không một người sống sót. Trong hoàn cảnh này, một số cán binh vượt đường dây trở về Bắc, bởi họ không còn tìm thấy một niềm hy vọng nào cho sự thắng lợi tại miền Nam. Dù thực sự cái chết vẫn còn phảng phất trên tất cả những nét mặt hốt hoảng, kinh sợ. Cán bộ vẫn cố gắng trấn an đoàn quân bằng một lập luận: Đây là giai đoạn hiểm nguy cuối cùng, chúng ta chắc chắn sẽ đến miền Nam thắng lợi. Và từ đó họ theo nhiều ngã tiến vào trên khắp chiến trường miền Nam.

Bây giờ họ thực sự đặt chân trên chiến trường miền Nam, và chính ở đó cũng là nơi kết tụ tất cả những bất mãn, chống đối phát sinh bởi một ý hướng muốn thoát ly; hay nói đúng hơn đó là nơi làm nảy sinh những lý do của một cuộc chọn lựa dứt khoát, một cuộc hành trình mới ngoài mục tiêu của Đảng và Nhà nước.

— Sự thực lý do đầu tiên không những cho cán binh Bắc viết mà cho bất cứ ai đang sống trên xã hội cộng sản, đó là sự bất mãn về cơ cấu tổ chức chính quyền, Bởi trong xã hội đó con người vẫn cảm thấy cô đơn, bị bóc lột những quyền tự do căn bản của con người, nghĩa là vẫn bị cướp đoạt hạnh phúc. Thực chất họ vẫn là kẻ cai trị, với một quan niệm lịch sử cổ chấp và hiếu chiến. Nhưng với kỹ thuật tuyên truyền tiến bộ và đặc biệt của Đảng và Nhà nước đã làm quần chúng quên mất sự kiện này.

— Lý do thứ hai bắt nguồn bởi nền kinh tế kiệt quệ. Nền kinh tế không đáp ứng nhu cầu sinh sống của dân chúng mà chỉ để tiêu liệu cho một cuộc chiến tranh xâm lược trường kỳ. Nói tóm lại nền kinh tế đó biểu lộ một cách thể bóc lột sức lao động 1 cách trắng trợn; biến con người thành một thứ máy móc, làm việc suốt tháng mà không đủ ăn, đủ sống, đau ốm không được trợ cấp còn bị mất phần lương hàng ngày, đẩy dân chúng Bắc Việt vào tình trạng: đói. Và cán binh của họ cũng ở trong tình trạng tương tự. Nhìn vào diện tiến của vấn đề

tiếp liệu, sẽ nhận rõ sự thực. Như đoàn Hậu Cần 83 gồm có các đoàn kế hoạch, quân nhu chính trị, hậu cần với các đại đội 139, 212, 135, 335 trước đây đóng tại thị xã Kiến An, quận Bến Cát, có tầm hoạt động rộng lớn đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Trung ương cục Miền Nam. Trước Tết Mậu Thân, đoàn có thể cung cấp cho mỗi Trung đoàn, mỗi ngày 300 bao gạo, nhưng sau đó tình hình bắt buộc đoàn Hậu cần 83 rút qua Miền gây trở ngại cho các đơn vị chiến đấu tại Miền Nam. Các trung đội chủ lực phải phân tán thành từng tổ 3, 4 người tự kiếm gạo ăn, và chính họ còn phải hái củ mì trong rừng để ăn độn.

Và Đoàn 59 tại mặt trận Quảng Đà có ba nhiệm vụ chính yếu trên đường dây toàn Miền Nam:

1) Khai thác các đường dây như đường chiến thuật đường tuyến, đường xe hơi.

2) Chỉ huy đồn đốc các đoàn xe vận chuyển.

3) Tổ chức chỉ huy các Trung đoàn đường dây. Với mục tiêu và địa bàn hoạt động lớn rộng như thế mà phải tề liệt vì sự tàn phá của B.52 và những cuộc hành quân truy kích của Q.Đ. V.N.C.H, đẩy bộ đội vào tình trạng nguy ngập, đói kém, tạo nhiều khiếm khuyết trong hàng ngũ bộ đội. Nhất là thời gian sau Tết Mậu Thân, tình trạng ăn cấp lương khô, thực phẩm của nhau trong các đơn vị xảy ra rất thường xuyên. Cán binh còn mang vũ khí đánh đổi thức ăn với dân Miền.

— Lý do thứ ba phát sinh bởi sự khác biệt giữa ý niệm tuyên truyền và thực tế. Họ đã vỡ mộng khi ở miền Bắc họ được tuyên truyền là M.T đã giải phóng được 3/4 đất đai và 4/5 dân chúng. Nhưng khi đặt chân đến miền Nam, cuộc chiến lại quá khốc liệt, họ phải sống lẫn lộn trong núi, sâu, rừng rậm và cái chết vẫn đe dọa, ám ảnh bất cứ lúc nào: đồng thời họ cũng được tuyên truyền vào Nam chiến đấu để giải phóng nhân dân miền Nam khỏi sự thống trị của Đế quốc Mỹ, họ vào chiến đấu theo lời yêu cầu của nhân dân miền Nam nhưng thực tế, nhân dân miền Nam không đón tiếp họ, đa số có vẻ sợ sệt lo lắng về sự hiện diện của họ. Thêm vào đó đời sống nhân dân miền Nam không như họ biết qua tuyên truyền, mà đời sống đó còn cao và tự do hơn miền Bắc,

— Lý do kế tiếp là cuộc chiến tranh không biết đến bao giờ mới chấm dứt. Bởi thực tế cho thấy không hy vọng gì giải phóng được miền Nam. Mà nếu như giả thử đã giải phóng được thì nhiệm vụ vẫn chưa hoàn tất, phải còn giúp các nước bạn Lào, Cam bốt thành lập xây dựng xã hội chủ nghĩa và chiến tranh chỉ chấm dứt khi nào đạt được thể giới Đại đồng. Như thế có nghĩa là chiến đấu cho đến chết. Đồng thời trong cuộc giải phóng đó, họ cũng đã nhận thức được rằng Đảng và Nhà nước đã đẩy họ vào con đường phi nhân, bắn vào mặt đồng bào ruột thịt, nhất là những kẻ vô tội không có khí giới tự vệ.

— Một trong lý do mạnh mẽ nhất tạo cho người cán binh C.S thoát ly đó là tình cảm gia đình. Đó là một sự thực dễ trả lời cho chủ trương của Cộng sản trong ý định tận diệt đức tin tôn giáo, tình tự dân tộc và gia đình. Bởi tình cảm gia đình vẫn là một cái gì không thể phủ nhận nơi con người. Người cán binh Cộng Sản vẫn chỉ là con người. Và hơn ai hết họ thêm khát tình cảm gia đình. Họ có thể bằng lòng chấp nhận tất cả mọi hình phạt của Đảng và Nhà nước để được trở về với gia đình dù chỉ một lần trước khi chết. Phủ nhận tình gia đình nơi con người, thì chính Đảng và Nhà nước đã tự tạo cho mình sự thất bại.

— Lý do cuối cùng mà tôi muốn đề cập đến là sự phân hóa mâu thuẫn giữa cán bộ mùa đông (cán bộ địa phương) và cán bộ mùa thu (cán bộ tập kết), giữa cán bộ già và trẻ. Cũng như sự kỳ thị mâu thuẫn rõ rệt giữa người Nam và người Bắc. Cũng như giữa hàng ngũ cán binh và cán bộ lãnh đạo. Sự phân hóa trên thật trầm trọng, và cũng là lý do tạo nên sự mất tin tưởng ở Đảng và Nhà nước đây người cán binh đến dự tính thoát ly.

Bởi những lý do trên, đây người cán binh vào con đường bắt buộc chọn lựa, và sự chọn lựa là cần thiết đó chính là những ý thức khởi đầu cho cuộc hành trình thoát ly, tôi diễn tả sự lựa chọn đó như chính những ngã rẽ trên con đường tiến về Nam :

— Cách thể chọn lựa trước hết đó là con đường trở về Bắc. Sự trở về Bắc đối với họ là sự bắt buộc bởi họ cũng biết rằng về Bắc Đảng và Nhà nước sẽ không tha thứ, sẽ kết án họ. Nhưng

họ chấp nhận vì họ không muốn chết một cách phi lý trên chiến trường miền Nam, chết mà giây phút cuối không được nhìn thấy thân nhân. Những người trốn đời trở về Bắc thường đi tập thể theo nguyên tắc Đường dây giữ họ lại và báo cho đơn vị ra nhận. Khi gặp họ, cán bộ thuyết phục giáo dục, nhưng họ nhất tâm đòi về :

Về trường hợp này cán bộ phân tích :

1) Nếu động viên để họ tự giác quay lại là chuyện tốt. Trái lại nếu bắt giữ hoặc gây căng thẳng thì biết đâu họ lại bỏ theo Quốc gia, như thế gây ảnh hưởng tai hại.

2) Nếu bắt họ và áp dụng kỷ luật phê bình kiểm thảo thì lại càng làm cho họ bất mãn làm chuyện không hay hoặc lại trốn nữa.

Chiến sĩ ở ngoài Bắc sợ cán bộ tuyệt đối. Nhưng khi vào đến chiến trường miền Nam, họ bất chấp tất cả. Họ nghĩ rằng trước sau gì rồi cũng chết do đó lãnh đạo rất khó khăn. Có những người bị bắt 5, 10 ngày lại tạo điều kiện trốn thoát lần nữa. Nếu mang họ vào tù, thì chiến trường miền Nam vẫn có thể dễ dàng trốn thoát, còn nếu đưa họ ra Bắc thì họ chấp nhận ngay. Như trường hợp, Anh Thi, kỹ sư thủy lợi, bổ sung Trung đoàn 141. Cấp bậc Thiếu úy đã nói thẳng với cấp đảng ủy Trung đoàn : Tôi sẽ trở ra Bắc và không muốn chiến đấu trên chiến trường miền Nam. Ai có tinh thần chống Mỹ thì ở lại. Riêng cá nhân tôi không có tinh thần chống Mỹ. Tuyên bố xong anh ra đi trước sự chứng kiến của họ. Cán bộ giữ anh lại giáo dục anh nghe nhận là đúng. Nhưng vẫn phát biểu : « Riêng bản thân tôi lúc này tôi không có tinh thần chống Mỹ, tôi xin trở ra và tôi đi công khai chứ không trốn các đồng chí ».

Sự thật những người trốn ra Bắc họ có được như ý hay bị thủ tiêu hoặc đưa đến các trại tập trung xử dụng trên đường dây hậu cứ thì lại vấn đề khác.

— Phương thể đào ngũ thứ hai là số người bỏ hàng ngũ trốn qua Lào, Cam bốt. Những người này hiểu biết số phận của chính mình mà Đảng và Nhà nước sẽ dành cho khi trở về trên đất Bắc. Họ cũng không trở về với chính phủ miền Nam, một phần họ không hiểu gì về chính sách của miền Nam dành cho họ, một phần họ không muốn bị gán là một kẻ phản bội, một kẻ theo

kẻ địch bắn lại đồng bạn. Những người này sang Lào, Cam-bốt buôn bán sinh sống chờ đợi một ngày nào đó tình thế cho phép họ sẽ trở về với gia đình trên đất Bắc.

Những cán binh đào ngũ theo hình thức này thường là đi tập thể. Tình trạng này không làm sao ngăn cản kịp. Có nhiều khi những cán bộ được lệnh truy nã, họ lại không dám thi hành, tìm cách trì hoãn. Có thể do sự liên hệ tình cảm, một phần vì ngại sức kháng cự mãnh liệt, vì họ đã chọn lựa và nhất quyết ra đi. Trong số này còn có những cán bộ lấy tiền, lấy vũ khí súng ống bán cho người Miên để trác táng truy lạc với gái Miên, bởi trước hết họ không còn con đường nào để chọn lựa.

— Tiếp đến, một con số có tầm mức quan trọng là số người bỏ hàng ngũ cộng sản trở về với chính quyền VNCH nhằm trong chính sách chiêu hồi.

Khách quan mà nhận định rằng, những người này thực sự khi trở về bên này họ không mấy hiểu rõ một cách đích xác chính sách chiêu hồi của phía quốc gia. Họ bị bưng bít hoặc bị đe dọa là những ai về bên này đều bị giết chết, bởi lý lẽ đơn giản, được cán bộ cộng sản nêu ra lại thật hợp lý, bởi không ai có thể tha thứ cho kẻ đã bắn vào mình. Cho nên, như sự thú nhận của một số cán binh Việt Cộng mà tôi có dịp tiếp xúc thì mỗi khi có ý định bỏ hàng ngũ về phía Quốc gia, họ hoàn toàn giữ bí mật, bởi không dám tin vào bất cứ một ai. Và sự chọn lựa con đường này là một bắt buộc, bởi trước ngỗ chết họ phải chọn lựa một phương sống, dù chưa biết gì về con đường mới chọn lựa đó.

— Phương thế đào ngũ thứ 4, nói đúng hơn là lãng ngũ. Họ vẫn ở trên chiến trường và vẫn ở trong hàng ngũ của Bộ đội Cộng sản, nhưng họ lại là những kẻ tìm cách thế để khỏi phải chiến đấu. Họ tự hủy hoại thân thể hay dưới một hình thức khác. Điển hình là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 141 tên Nguyên là một đảng viên kỳ cựu đã từng chống Pháp trên chiến trường miền Nam. Sau đó được ra Bắc an dưỡng một thời gian cho mãi đến khi Trung đoàn 141 được lệnh vào Nam chiến đấu vào đầu năm 1968 ông cũng theo vào. Trong cuộc hành trình vào Nam, ông không biểu tỏ một dấu hiệu nào khác lạ. Nhưng khi thực sự đối diện với chiến trường ông đã khai bệnh để cho

Trung đoàn phó và Tham mưu trưởng Trung đoàn điều khiển. Đề sau trận Thương Đức thất bại, Ông bị đưa đến một nơi nào hoặc bị thủ tiêu thì không rõ.

Những người đào ngũ này phần nhiều được đưa về những hậu cứ có nhiệm vụ sản xuất để yểm trợ cho chiến trường. Ở đây, họ phải làm những công việc nặng nhọc nhưng họ cũng chấp nhận vì dù sao tại đây họ ít bị nguy hiểm, tính mạng ít bị đe dọa hơn.

— Loại người đào ngũ theo phương thế cuối cùng mà tôi muốn đề cập đến là những người đã rời khỏi hàng ngũ, tổ chức của Bộ đội Cộng sản nhưng họ lại vẫn sống trên chiến trường miền Nam. Họ bắt buộc chọn lựa một thế đứng hoàn toàn chong chính đó, bởi họ không thể trở về Bắc để nhận chịu hình phạt, sự kết án của Đảng và Nhà nước dành cho những kẻ đào ngũ. Họ cũng không thể trở về với miền Nam, bởi họ nghĩ rằng chính bàn tay họ đã bắn vào quân dân miền Nam, họ đã từng đứng trong tư thế của kẻ thù nghịch. Họ đào ngũ và sống trên các đường dây trên chiến khu. Sở dĩ họ sống được trên đó một phần vì tại mật khu sự kiểm soát không được kỹ lưỡng. Sự vụ lệnh chỉ cấp cho những cán bộ thi hành công tác, chuyên chở gửi hàng. Còn phần đông trong những công tác hoặc thu mua thực phẩm thì không cấp sự vụ lệnh cho nên họ lẫn lộn mà không bị khám phá, phát giác.

Họ đào ngũ, nhiều khi đánh cắp tiền đơn vị sống, giữa đường dây mật khu và đồng bằng buôn bán với Bộ đội cũng như dân chúng. Điển hình sau vụ oanh tạc K600 cạnh đường 14 tại Đại Lộc, Quảng Nam, cán bộ địa phương báo cáo tên tuổi trong số có 3 người chết thì có một cán bộ Đại đội và 2 cán bộ Trung đội đã đào ngũ cách đó hơn 6 tháng.

Những người này nhiều khi vì quyền lợi đã kết tụ thành đoàn và tổ chức làm ăn tập thể. Có khi được tin một đoàn gửi hàng chở ngang qua con đường cạnh họ. Họ cho người phao tin có Biệt kích và QĐVNCH hành quân. Rồi nguy trang phục kích, khi đoàn gửi đi ngang họ cho nổ súng, những người đi gửi nghe súng tưởng địch bỏ gửi hàng tháo chạy thoát thân. Khi bọn đi gửi chạy xa họ vơ vét cất dấu một nơi kín đáo.

Một trường hợp điển hình khác là vào đầu tháng 8 năm 1969 tại giữa cánh đồng thôn tên Dương Yên 8 giờ sáng, khi Trung đoàn di chuyển qua thôn có tin Biệt kích hành quân. Cho nên Trung đoàn được lệnh dừng lại tìm vị trí phòng thủ. Một toán khoảng chừng vài chục người. Cầm đầu toán là một cán bộ đại đội phó và 2 cán bộ trung đội trà trộn nằm chung. Nửa đêm họ nổ súng chôn đầu tiên bạc và thực phẩm. Điều tra thì biết là họ chủ xướng. Hỏi giấy tờ họ bảo thẳng là đào ngũ, nhưng không cùng đơn vị, không dám bắt. Và nếu có cùng đơn vị cũng chỉ thuyết phục. Nếu sự thuyết phục không kết quả, thì cũng đành chịu. Ngoài ra cũng trong số này có những người ẩn núp trong hang núi, rừng sâu làm nghề săn bắn, trồng trọt.

Tìm hiểu những kẻ thoát ly trên đường tiến về Nam tức là tìm hiểu những kẻ đang bị đặt trong thế đứng đặc biệt, hoàn toàn cô lập và thụ động. Đó là hình ảnh bi thảm trong thân phận của một kiếp người bị đọa đầy, bị đẩy vào giữa vực thẳm của trần gian. Họ là những kẻ trong cái chết muốn vươn lên tìm sự sống. Nhưng sự vươn lên đó cũng biểu hiện tính chất của một bi kịch mà sâu khấu chính là chiến trường trên đất nước chúng ta. Đồng thời nhìn trên khía cạnh chính trị, quân sự của những người phía bên này, dữ kiện đó cho thấy rõ sự suy yếu thực sự của Cộng sản hiện nay. Đó là chưa nói tới tình trạng bế tắc khủng hoảng do sự tiến quân của quân đội Việt Mỹ vào sâu trong nội địa của Miên. Như thế, đối với những người có trách nhiệm sống còn của dân tộc muốn vươn lên, muốn chọn lựa một con đường mới thì đây là những dữ kiện khách quan cho sự chọn lựa đó.

hồng an

TÔN THẤT TIẾT

vũ trụ tính trong âm nhạc

Danh từ vũ trụ tính là một danh từ rất mới trong lĩnh vực nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng. Những nhạc sĩ (sáng tác gia) lưu ý đến màu sắc vũ trụ trong âm nhạc chỉ là một thiểu số.

Hiện nay âm nhạc hay nghệ thuật nói chung không thể đóng vai trò riêng biệt, không dính liú gì đến những bước tiến của khoa học. Sáng tác gia không thể sáng tác thuần về cảm giác mà phải chú trọng đến phân trí. Vì vậy nhạc ngày nay không phải chỉ để ru hồn thánh giả buộc thịnh giả phải dùng luôn cả trí lẫn tâm để nghe nó.

Trước khi đi vào chi tiết đặc tính vũ trụ trong âm nhạc, chúng tôi xin phép đọc giả đề cập đến một lĩnh vực khác có vai trò khá quan trọng trong hầu hết các bộ môn văn nghệ hiện nay và trong tương lai. Chúng ta thấy từ xưa đến nay khoa học vẫn giữ một phần hướng dẫn sự tiến hóa nhân loại, nghĩa là trực tiếp hay gián tiếp có ảnh hưởng đến tất cả những bộ môn khác như triết lý, văn chương hay nghệ thuật. Hiện nay khoa học đóng vai trò chủ chốt trong nền văn minh thế giới. Ta có thể xem nó là bộ máy làm quay bánh xe tiến hóa. Nó hé mở dần sự bí mật của vũ trụ và luôn của cả con người nữa.

Chúng ta sống hiện nay như đứng trước ngưỡng cửa của một thời đại mới. Những phát minh khoa học đến dồn dập và thay đổi dần tư tưởng của chúng ta. Trước kia loài người nghĩ rằng chỉ có họ sống trong vũ trụ bao la, nhưng bây giờ họ đã bắt đầu nghi ngờ rằng có lẽ chung quanh họ, trong vũ trụ huyền bí kia cũng có những « kẻ » khác đang nhìn họ trong bóng tối. Có lẽ họ sẽ cảm thấy bớt cô đơn hoặc bớt kiêu hãnh vì lịch sử của họ, vì biết đâu những « kẻ » ở thế giới kia lại chẳng có một nền văn minh huy hoàng hơn của chúng ta nữa?

Nhờ khoa học chúng ta có được những nghi vấn trên và những kẻ bận tâm đến nhiều nhất là khoa học gia và văn nghệ sĩ, nghĩa là những kẻ tìm thấy và đang tạo ra một cái gì. Như Oppenheimer nói, hai hạng người đóng vai trò quan trọng trong thế giới hiện đại là khoa học gia và nghệ sĩ (muốn nói đến họa sĩ và sáng tác gia). Họ là những kẻ đi trước thời đại hoặc là những người có công tìm tòi để tiến lên. Vì vậy ta không lạ gì ngày nay nghệ thuật nhuộm màu sắc khoa học.

Khoa học có công đưa chúng ta đến một thời đại vũ trụ (ère cosmique), nghĩa là đưa chúng ta vào một « xã hội vũ trụ » mà trong đó thế giới chúng ta sẽ là một thế giới trong hàng triệu thế giới khác. Trong thời « viễn vọng » này, chúng ta sẽ sống với một căn bản tư tưởng có lẽ khác với tư tưởng chúng ta hiện có, và dĩ nhiên nghệ thuật cũng sẽ nhuộm màu sắc vũ trụ. Tôi xin lấy một ví dụ cụ thể trong lịch sử chúng ta.

Xưa kia, loài người sống riêng rẽ từng bộ lạc và sự tiếp xúc giữa các bộ lạc hầu như không có. Những bộ lạc ấy lớn dần để thành từng dân tộc. Trong phạm vi dân tộc, mỗi dân tộc đều có những đặc tính riêng và văn nghệ họ nhuộm đậm màu sắc dân tộc họ. Chúng ta hãy nhìn đến âm nhạc các dân tộc Indonésia, Nhật Bản, A Rập v.v., chúng ta sẽ thấy mỗi loại nhạc đều chứa đựng một tính cách riêng biệt. Tiếp đến, khi văn minh loài người đi đến giai đoạn mà sự tiếp xúc giữa các dân tộc hay quốc gia được bành trướng nhờ phương tiện giao thông dễ dàng thì nghệ thuật các dân tộc bắt đầu chịu ảnh hưởng lẫn nhau. Ví dụ nhạc Debussy hay Ravel nhuộm màu sắc Á đông, hay là nhạc mới Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam

v.v... nhuộm màu sắc tây phương. Nhưng dù rằng Âu hay Á, chúng ta đều là người trên quả đất này, mà đã là người thì chúng ta đều có tính cách chung của con người là nhận loại tính.

Như đã nói trên, ta thấy âm nhạc gồm màu sắc dân tộc và nhân loại.

Khi âm nhạc đã vượt ra khỏi phạm vi dân tộc hay quốc gia để đi đến toàn quốc tế hay nhân loại thì loại nhạc này cũng bớt dần tính cách dân tộc. Chúng tôi nói vậy không có dụng ý bảo rằng nhạc quốc tế không có màu sắc dân tộc. Vì rằng, nếu một sáng tác gia Việt nam viết nhạc như một sáng tác gia Đức chẳng hạn thì những nhạc phẩm ấy không có gì đặc biệt. Hơn nữa tư tưởng một người Việt nam không thể hoàn toàn giống tư tưởng một người Tây phương. Họ sẽ giữ màu sắc dân tộc bằng một cách khác hơn là ghi rõ với những âm điệu địa phương.

Trên đây, chúng tôi đã đi từ dân tộc đến nhân loại. Nhưng như chúng tôi đã nêu ra ở trên, chúng ta không hẳn là sinh vật duy nhất trong vũ trụ mà có lẽ còn có những « giống » khác trong những thế giới khác trong vũ trụ. Thế giới chúng ta sống gồm nhiều dân tộc hợp lại, và có lẽ mai kia loài người là một dân tộc trong những dân tộc của vũ trụ. Khi đã đi đến tư tưởng ấy thì nghệ thuật hay âm nhạc chẳng những có màu sắc dân tộc và nhân loại mà còn phải có màu sắc vũ trụ, nghĩa là « vũ trụ tính ».

Nói như vậy có vẻ mơ hồ, nhưng chúng ta cũng nên đề ý đến vì biết đâu nó không là sự thật trong tương lai? Tò mò và hoài nghi là hai yếu tố thúc đẩy đà tiến hóa của nhân loại.

Nếu quan niệm rằng nghệ sĩ hay tìm những chuyện mới lạ để đi, thì những khuynh hướng mới trong âm nhạc hiện nay là một sự dĩ nhiên. Nhạc thập nhị âm (musique dodécaphonique hay sérielle) hay là nhạc điện tử (musique électronique) v.v... là thực hiện của những tư tưởng đã bị ám ảnh bởi những viễn vọng tương lai. Và màu sắc vũ trụ thực hiện tùy theo ý nghĩ của mỗi sáng tác gia, và khi đã bị ảnh hưởng đến tính cách vũ trụ thì phần kỹ thuật sáng tác nhạc cũng thay đổi. Tôi rất tiếc không được nói chuyện trực tiếp với độc giả để trình bày một cách cụ thể vấn đề này, vì với ví dụ âm thanh có lẽ độc giả sẽ dễ hiểu hơn là viết trên giấy.

Tóm lại và để kết thúc bài này, chúng tôi xin thừa cùng độc giả rằng những chuyện mà chúng tôi viết ra đây mục đích để trình bày cùng các bạn ở quê nhà những tư tưởng có lẽ là mới, là viễn vông, nhưng trước sự viễn vông ấy ta có thể thắc mắc đặt dấu hỏi : Có thể thời đại ngày mai là thời đại vũ trụ chăng ?

tôn thất tiết

RENÉ HUYGHE

nghệ thuật trong khủng hoảng

(Phỏng dịch theo báo *Nouvelles littéraires*)

Những khám phá đầu tiên — và cũng là những khám phá thành công rực rỡ nhất của nghệ thuật mới đã làm cho nghệ thuật mới trở thành một đề tài cho giới thẩm mỹ tìm hiểu để giải thích những nguyên nhân phát triển : khoảng thời gian gần đây, nhất là từ sau cuộc thế chiến 39-45, những bước tiến của nghệ thuật tưởng như những bước tiến cách đây một phần tư thế kỷ dẫn đến phong trào siêu thực. Người sáng tác chối bỏ, loại trừ thực tại bên ngoài để dẫn bước vào thế giới trừu tượng. Nổi bật lên là ý chí muốn đạt tới cái đẹp tạo hình thuần túy. Nhưng tự đó dần dần, sự chối bỏ đó ôm ấp một ý nghĩa khác : nó trở thành sự chối bỏ quyết liệt của con người hôm nay — nhất là người trẻ tuổi — đối với thực tại xã hội và thực tại con người. Chối bỏ không còn do nhu cầu chiếm đoạt tự do trong nghề nghiệp. Nó là một đáp ứng cho một nỗi kinh hoàng sâu xa như tự thân xác dâng lên, một quyết tâm muốn sống vượt ra khỏi kiềm tỏa của một hoàn cảnh xã hội đầy rẫy những tàn tích của quá khứ mà chính xã hội hôm nay vẫn duy trì. Chối bỏ thực tại trở thành một thêm khát tiêu diệt thực tại.

Năm 1955, việc tự sát của một trong những nghệ sĩ nhiều hứa hẹn nhất qua Phòng Triển Lãm Tháng Năm, nghệ sĩ Nicolas de Staël, gốc Nga, nhập Pháp tịch năm 1946, đã từng giao du với Braque và Leger, hầu như điển hình gay gắt giữa hai sự chọn lựa, tích cực và tiêu cực. Thực thế, Nicolas de Staël đã phô bày trong những tĩnh vật và phong cảnh ở Antibes một thiên nhiên gọn lọc một cách tuyệt diệu được rút gọn vào sự khẳng định về cường độ và ánh sáng của nó, về sự chói chang cô đọng và hình thức chín mùi của nó. Tuy nhiên nghệ thuật này dẫn dắt ngay chính nghệ sĩ đến một ngõ cụt, đến một thứ sáo rỗng giữa nguồn gốc tượng trưng và tham vọng tạo hình. Sự sợ hãi một thất bại, thêm vào những động cơ cá nhân, đã đưa ông đến việc tự hủy diệt.

Thế giới được bộc lộ dần dần sau chiến tranh đã sớm làm nhiều người thất vọng. Con người cảm thấy bị lôi cuốn bởi những điều kiện mới mẻ trong cuộc sống mà không nắm chắc được việc kiểm soát cũng như không đoán được chiều hướng mà nó dẫn dắt tới. Càng ngày, nghệ thuật càng đi đến việc diễn tả sự quay cuồng và kinh hoàng của hoàn cảnh đang bắt ta phải chấp nhận nó, bởi một sự chối từ quyết liệt, bởi những tiêu cực mỗi lúc một gia tăng, bởi một thất vọng khuyến khích, sẵn sàng hủy bỏ mọi giá trị và lật nhào cái gì vững vàng nhất.

Nay nghệ thuật hiện đại bị lay động bởi niềm tin tưởng vào sự khám phá và thành công. Những cái này, giải thoát khỏi mọi rụt rè hoặc lăm lăm trước đây, xuất hiện như là kết quả của một sự tiến triển lâu dài và như là sự nảy sinh của một sự thật mới mẻ. Mọi mưu toan xuất hiện giữa hai cuộc đại chiến chỉ đánh dấu thêm sự tảo bạo và tin tưởng vào chiều hướng đó.

Trào lưu hiện đại mang một ý nghĩa hoàn toàn đối nghịch mà nó chỉ đo lường và xác nhận dần dần trong những năm sắp tới. Dubuffet là một trong những người thủ xướng, đã nói đến « một

sự phục hồi các giới trị bị tàn phá ». Trong định nghĩa rụt rè đó, còn nhiều nét thủ cựu. Trên thực tế, người ta sắp phải làm nhiều hơn nữa : chấp nhận giữ bỏ mọi đức hạnh tích cực để công nhận một khuynh hướng tiêu cực, tán tụng nó, đòi hỏi nó trở thành phần đối lập của mọi lý tưởng. Dẹp gọn, loại trừ, quét sạch đó là những danh từ của sự đòi hỏi luôn luôn có dưới ngòi bút của nghệ sĩ hoặc phê bình gia. Sự thủ đắc từ nay trở đi sẽ chỉ được đo lường bằng những số lượng tích cực, nhưng cũng có những số lượng tiêu cực như trong đại số vậy : cũng như vật lý hiện đại sẽ chấp nhận vật chất đối kháng (anti-matière) mà sự đụng độ với vật chất chỉ mang đến sự tàn phá, sự tìm kiếm và khám phá sẽ chỉ mang đến sự tàn phá, sự tìm kiếm và khám phá sẽ chỉ được đo lường theo một bậc thang dẫn tới giá trị đối kháng (anti-valeurs) : thực tế đối kháng, lý trí đối kháng, thẩm mỹ đối kháng, đạo đức đối kháng, nghề nghiệp đối kháng, v.v... Karel Appel xác nhận : « Hòa là hủy bỏ cái gì xuất hiện trước ». Sự thê thảm (misérabilisme) chỉ là tình trạng khởi thủy của sự lột xác, của việc đi tìm kiếm cái mà ta sẽ gọi là một « thực tại khác » (réalité autre) vì không thể cho nó ngay tức khắc một nền móng, ta sẽ tìm cách đo lường nó trong sự đối lập quyết liệt với mọi căn bản đã được xử dụng trước đây để nhận chân giá trị nghệ thuật.

Đã từ lâu người ta cố gắng loại bỏ thực để thay thế bằng những kiến trúc của trí óc hoặc những bùng phát của cảm xúc cá nhân mà những lẽ thói thông thường tới nay không cho phép. Người ta sẽ thực hiện một cố gắng hoàn toàn khác biệt : thực tại sẽ không bị từ khước, nó sẽ là mục tiêu của một công trình hủy hoại dần mòn nhằm chủ yếu vào thực tại con người. Nó sẽ được tìm kiếm, theo đuổi trong những trạng thái thô sơ nhất, ít tinh luyện nhất bởi trí thông minh hoặc cảm xúc nguần nguýt. Người ta sẽ khám phá ra sự mộc mạc (brut). Buffon đã nói một câu thật linh ứng « người ta có thể đi từ sinh vật hoàn mỹ nhất tới vật chất dị hình nhất, từ sinh vật có tổ chức chặt chẽ nhất đến khoáng vật thô sơ nhất ».

Điều khắc bộc lộ với một sức mạnh đặc biệt sự ghê tởm

thê thắm đối với thân phận con người. Giacometti sinh cùng năm 1901 với Dubuffet, mà tác phẩm biểu lộ sự phóng túng trước mỗi lo âu của thế giới hiện đại, năm 1959 đã thú nhận « chực một sự ám ảnh mà không biết được nguyên nhân » hoặc « quan tâm đến việc đền bù một khiếm khuyết nào đó ». Tôi không hiểu tôi làm việc với mục đích thực hiện một cái gì hoặc với mục đích tìm hiểu tại sao tôi không thể làm cái gì mà tôi muốn làm ». (Je ne sais si je travaille dans le but de réaliser quelque chose ou dans le but de savoir pourquoi je ne peux pas faire ce que j'aimerais faire » người ta cảm thấy rằng thế giới không là nguồn gốc của nghệ thuật nhưng là một chương ngại cho sự nảy nở của đời sống, và nghệ thuật phản kháng. Ở Anh Quốc, một Kenneth Armitage từ bỏ mọi tìm kiếm tạo hình đầy đặn và dịu dàng của mọi Henry Moore để quay về những hình ảnh đơn giản: phình căng hoặc xẹp lép của những đồ hình con người. Nói về chúng, Peter Selz gọi lại Grégor trong sự biến thái (la métamorphose) của Kafka: « Nó không có ý nghĩa gì khác hơn là sự phi lý của thân hình mà trí óc con người bắt buộc phải chiếm cứ ». Đi tiên phong ở Ý Đại Lợi có Marino Marini (1901), giáo sư ở Monza từ 1929, từ 1936 đã chuyển chủ về các kỵ sĩ lừa thê mà từ chi thường khi bị cắt cụt: vừa mang những túi da dê mềm, họ vừa vung vẩy trên ngựa nhiều khi quý ngă. Nghiệp dĩ thành thang của chàng lính đánh thuê hàng hải ở Verrochio kết thúc trong sự lẫn tuột và quỵ ngă đổ.

Với chàng kỵ sĩ ấy, sự chuyển tiếp sang thú vật được phác họa ra và theo Kafka, nó sẽ ám ảnh nhà điêu khắc hiện đại. « Chúng ta không thể quả quyết loại bỏ sự diễn tả con người trong tấn kịch của thời đại chúng ta ». Đó là lời của Germaine Richier, cũng là môn đệ của Bourdelle cùng một lúc với Giacometti. Ngay sau chiến tranh, bỏ các tượng bán thân truyền thống, bà đã chuyển sang động vật tinh đáng lo ngại nhất: nào là trùng, giời giời, nào là cóc... Bà đã kéo con người xuống gần thân phận sơ đẳng hoặc đầy thú tính, bắt đầu từ 1947 với các tác phẩm l'orage, l'ouragan, l'ogre và l'Hydre. Tác phẩm cuối cùng này, đề năm 1954, sẽ đi đến tột cùng

của sự mơ hồ đó, nơi mà bộ mặt con người trượt xuống giới hạn ngăn cách nó với mọi loài khác. Ngay chính các nhan đề đã chỉ rõ những sức mạnh sơ khởi mà nó muốn cho ta nghe thấy, đang vang rền trong phần âm u của con người.

Tôi đã chỉ rõ tầm phân tâm học của sự ám ảnh của thú vật, ở đó đời sống mang những trạng thái công kích mạnh mẽ nhất, thô bạo nhất, kinh khủng nhất. Sự ám ảnh đó luôn luôn được bộc lộ, qua các thể kỷ, khi một nền văn minh trong bước đường hình thành, cảm thấy một cách bối hoảng bí mật bất khả xâm phạm và đe dọa của Vũ Trụ. Ta phải đọc thấy ở đó sự thú nhận của thế giới chúng ta, một thế giới bối rối, như các người nguyên thủy xưa kia, trước một bí ẩn mà thế giới phải đương đầu, sợ hãi và run rẩy vì nó đã gạt bỏ mọi ý niệm vững chắc của quá khứ.

Trong hội họa, sự nổi loạn bùng ra sớm hơn với một sức mạnh điên cuồng được sự tiếp tay của chiếc bút phóng túng và màu sắc hùng cường. Bất chợt thời kỳ của tô tạo thuật bị đứt quãng do sự xuất hiện của nhóm Cobra tại Amsterdam năm 1948. Sự bùng nổ này được chuẩn bị từ lâu trong các xứ miền Bắc, nơi mà Mondrian và nhóm De Stijl đã đưa nghệ thuật đến sự vắt héo hình thể một cách cùng cực và khốc liệt, loại trừ mọi manh tâm diễn tả của cá nhân. Ngay Théo Van Doesburg đã đưa ra « Tôi ghét bất cứ cái gì là khí chất, cảm hứng, lửa thiêng và mọi đặc tính của thiên tài; những cái này chỉ che giấu sự hỗn độn của trí óc ». Vậy không có cái gì đi ngược lại khuynh hướng tiên thiên của giống người miền Bắc và Nhật Nhĩ Man nhờ họ mà chủ nghĩa biểu tượng rút ra được sức mạnh của nó. Sự khủng hoảng trầm trọng của thanh giáo chủ nghĩa đại diện bởi tân xây dựng chủ nghĩa (néo-constructivisme) đã dẫn đến sự chau chuốt (purisme) do sự thèm khát tuyệt đối mà giống người La Tinh, quen thuộc với thực tại, hiểu biết một cách khó khăn hơn. Những sức mạnh bị nén ép càng bùng nổ ra mạnh mẽ hơn khi nó bị gạt bỏ đi một cách độc đoán và trái với thiên nhiên.

Ở nơi tất cả những nghệ sĩ thuộc nhóm Cobra, đều có sự phản kháng tiềm tàng đối với xã hội, không những ở trong các

truyền thống bị từ khước, mà còn ở trong các hình thức hiện tại. Paolo Marinotti, đã quan tâm đến những sự phát triển đó và không ngừng giới thiệu chúng ở điện Grassi tại Venice trong một loạt các triển lãm. Ông đã tóm tắt trong bài tựa một cuộc triển lãm, Visione-Colore, sự nổi loạn đó như sau : « Tàn bạo, có lẽ... chống đối mọi hình thức về cơ năng; ghê tởm mọi kiến trúc đô thị có vẻ dạy đời và những khuếch trương giả dối và tiền chế của kỹ nghệ Design. Chối bỏ những tấn bộ giả tạo, kỹ thuật, cơ giới, áp chế con người ». Và Jorn xác nhận : duy nhất một nghệ thuật mới có thể tránh cho con người tương lai khỏi thành một dụng cụ đơn thuần của sự cân bằng xã hội ».

Như vậy, đã hiện ra rõ rệt dụng cụ nổi loạn là Nghệ thuật không những chống với hình thức quá hạn và tẻ liệt của một quá khứ đã bị vượt qua, mà còn chống với những hình thức quá máy móc mà, bằng một nền kinh tế thực dụng một cách bần thiêu, thế giới hiện tại muốn bắt con người phải chấp nhận, dù có phải cắt bỏ thực tại thâm kín nhất là thực tại của đời sống tình cảm. Bằng sự chối bỏ tự nhiên và mạnh mẽ, Cobra chứng tỏ rằng hiểm nguy của hủy diệt cũng lớn trong sự tiếp tục quá lạm cái gì đã mất lẽ sống, như một giải pháp quá vội vã đối với những vấn đề mới mẻ do thời đại mới đặt ra. Một duy lý luận quá r đơn giản chỉ giấu chúng đi và làm hại cho cuộc sống mà thôi.

Tuy nhiên, giới hạn trong vai trò tuần canh báo động, Cobra chưa đi vào giai đoạn sáng tạo, nơi mà người ta có thể tổ chức những sức mạnh phòng ngự. Ông không chuẩn bị tương lai. Ông mới chỉ ở « sự phấn khởi gào thét của một đời sống mà sự hỗn độn khởi thủy vang rền » (l'élan hurle d'une vie où résonne le chaos originel) theo danh từ của bài tựa thượng dẫn. Ít ra ông đã báo nguy kịch liệt chống với sự đe dọa của những quán lệ mới phát sinh từ De Stijl và Bauhaus. Ông lên án cái mà một vài người đã coi như là hình thức dứt khoát và hầu như thiêng liêng của canh tân chủ nghĩa, dường như được Op Art và trường phái mới của Mỹ tin tưởng.

Nếu nguyên tắc chỉ hướng của sự tiến triển nghệ thuật mới có thể xuất hiện, từ lập thể đến trừu tượng, như là một đề tài lớn

mạnh của mọi tương quan với các hình thức bên ngoài, hình như bắt đầu từ Cobra một áp lực mới hoàn toàn khác biệt đã được xuất hiện. Từ bỏ « luật lệ vàng son » đó, nó lại quay về thiên nhiên, được coi như là một cực đầy lui hơn là cuốn hút, như từ trước đến nay vẫn thế. Có lẽ người ta nói rằng nghệ sĩ thời hậu chiến giống như Picasso năm 1945, chỉ hướng về thiên nhiên và đặc biệt về các khía cạnh nhân bản dễ cảm thấy một sự sợ hãi bài trừ việc sùng bái hình tượng. Nghệ sĩ chỉ xử dụng những nhắc nhở để phân tán chúng, làm mất tính cách thiêng liêng của chúng và làm chúng tan nát thành nhiều mảnh. Sự hung hăng công kích đó, chất chứa niềm thù hận đối với thực tại, nhất là với thực tại xã hội, có thể được giải thích như là một sự biểu lộ niềm phẫn khích tiêu cực hình như lời cuốn nghệ thuật và biện minh cho những sự tảo bạo của nó.

Tuy nhiên, sự phẫn nộ đó, cũng như sự hăng hái biểu lộ ra nó, đánh dấu sự can thiệp của một yếu tố tích cực.

Nghệ thuật quyết định hiến dâng, không trở ngại, không dè dặt, cho một sức mạnh mà nó bắt đầu cảm thấy sự hiện diện một cách mơ hồ chung quanh nó : đó là cường độ. Do cái này, một nguyên tắc được mới mẻ và cách mạng dùng làm nền móng cho thế giới hiện đại, đang đi tìm kiếm những hình thức và tổ chức của nó. Phải chăng sự xuất hiện khăn trương của năng lực với việc xử dụng nó trong kỹ nghệ đã làm lay chuyển và tàn phá thế giới cũ, được tạo dựng khổ công bởi năm ngàn năm văn minh quần cư, tĩnh và bảo thủ? Chính nó, sự khám phá các cách xử dụng tăng gia của nó, sự tìm kiếm các nguồn gốc bí mật của nó, được thiên nhiên che dấu kỹ càng nhất, ngay trong lòng nguyên tử, đã trở nên sự quan tâm trọng yếu của thời đại mới.

Các họa sĩ được chấp nhận sau chiến tranh đã hiểu rõ sự ràng buộc của họ đối với sức mạnh mới mẻ đó lôi cuốn tất cả, dù phải trả giá bằng những sự tàn phá quyết liệt. Họ đã linh cảm rằng việc xử dụng nó, dù là tự nhiên, phải đảm bảo cho họ sự bài kiến nồn nóng của những người nổi danh là tân tiến nhất.

Sự tiến triển của nghệ thuật hiện đại, chắc chắn, có thể được biện minh bởi sự tiến triển trọn vẹn mà xã hội hiện đại của loài

người trải qua, nhưng cũng như nó, cần phải tuân theo cùng một nhu cầu : vượt qua vực thẳm giữa các vì sao để đi tới những thế giới mới cần phải khám phá và đề thiết lập ở đó một hoạt động xây dựng. Cái mà một vài người trong niềm phấn khởi của họ, đã muốn coi là một kết quả, mới chỉ là một khoảng cách, một chỗ trống giữa một hấp dẫn bị hủy bỏ, mất đi và một hấp dẫn chưa biết đến cần thiết lập nên và chịu vòng cương tỏa.

rené huyghe

(Hàn lâm viện Pháp quốc)

BÌNH NGUYÊN LỘC

hai lớp mô

Đôi dép Bình-Trị-Thiên không chứng minh được nguồn gốc của xác chết. Có thể đó là một thanh niên Quảng Trị, mà cũng có thể đó là một thanh niên Cà Mau, được phát quân trang đồng phục chẳng ?

Nhưng không. Nón của người cán binh thương vong này đã bay mất, có lẽ bị một luồng hơi của bom lớn hút đi. Không thấy máu, không thấy vết thương. Hắn có thể chỉ bỏ mạng vì hơi bom mà thôi. Cái đầu trần của hắn cho thấy rất rõ cái mặt đang nhìn trời của hắn. Mặt đó rất trắng da. Xác chết nào lại không mang màu da trắng bệch, nhưng người Nam, người Trung sống quá gần Xích Đạo không trắng nhiều như người châu thổ sông Côi.

Chắc là lính chánh qui miền Bắc mới vào tới nơi, chưa bị mặt trời miền Nam đốt da. Hắn chắc chưa tới tuổi trưởng thành về mặt sanh lý và y học, còn về mặt pháp luật thì không thể biết bởi mỗi nước mỗi quan niệm khác nhau, như con gái Ấn Độ được cho phép lấy chồng năm 12 tuổi thì cái sự trưởng thành pháp lý ấy rất là phiêu lưu.

Người chết nằm dưới cội một cây cao su già mà những cây chung quanh đều trốc gốc hết. Gần đầu đây, phải có ít lắm là một lỗ bom ghê rợn mà nông dân miền Nam ban đầu gọi là *Bom đĩa*, nhưng giờ thì họ gọi là *Bom Kinh*. Đó là bom do phi cơ B.52 thả xuống.

Đĩa là một thứ giếng rộng, trực kính lớn đến bốn năm thước mà nông dân đào giữa ruộng sâu. Vào đám mưa cuối cùng trong mùa, bao nhiêu cá đồng đều theo bản năng, theo linh tánh đồ xô về các cái đĩa đó vì đĩa chứa nước mưa suốt mùa khô mà không bị mặt trời hút hết hơi.

Lỗ bom lớn, giống hệt một cái đĩa. Nhưng về sau, B.52 thả xuống từng dây bom, nó đào hàng trăm cái đĩa gần khít nhau, nếu có ai dùng cuốc, cuốc thêm tí xíu là những dục đĩa ấy sẽ dính lại và hóa thành một con sông đào mà miền Nam gọi là *Kinh*. Danh từ *Bom Kinh* xuất hiện sau kỹ thuật ném bom đây nói trên.

Rừng cao su Haut Chlong này thỉnh linh nhắc nhở Đức nguồn gốc của anh, và bỗng anh nao nao buồn, và buồn giùm cho kẻ chết chưa có mồ.

Ông nội anh cũng đã bỏ xác ở đây, cách đây năm mươi năm, mặc dầu nơi này thuộc lãnh thổ Cao Miên mà cánh quân của anh vừa tiến sâu vào.

Khu tứ giác Hớn Quản — Mimot — Snoul — Bù Đốp nằm chằng chằng trên hai quốc gia Việt và Miên mà vùng Haut Chlong này chỉ là một vị trí nhỏ trong khu đó thôi. Cả hai quốc gia nói trên, mỗi bên làm chủ đất phân nửa, nhưng ông chủ thật quyền về phía Cam Bốt là người Pháp, cho đến ngày nay cũng thế. Chánh phủ Cao Miên bị mặc cảm thần dân cũ, lơ đi không kiểm soát vùng đó và nếu có ai ở trong đó để đánh giặc với ai, thì phải có sự ưng thuận nếu không nói là sự giúp đỡ, của người chủ thật sự đó bởi sở Cao su ở Cao Miên không bao giờ ngưng hoạt động vì chiến tranh như một số sở bên đất ta, và nhà của anh, tôi làm thế nào để vào đặt súng được trong sân anh?

Cách đây sáu mươi năm, người Pháp đã khấn hoang ở đó, bằng nhân công Việt, vì người Cao Miên không ưa làm việc

hiều. Cần nói rõ hơn là bằng công nhân mộ ở châu thổ sông Côi, con sông phản bội đã mang tên Tàu là Nhĩ Hà sau đó, bỏ tên Lạc Việt cổ hữu CÔI đi.

Nông dân sông Côi không đủ gạo ăn, ký hợp đồng lấy vài mươi đồng bạc thế là như bị bán mọi cho tới trọn kiếp. Thật ra thì cái kiếp đó không hơn kiếp của một con bướm bao nhiêu rồi bình ngã nước đã đánh ngã hăng vạn thanh niên tiên phuông ngay trong vài năm đầu.

Nói có trời làm chứng, họ vẫn có cho phu cao su uống ký ninh chó chẳng phải không và phát lương đủ ăn no. Nhưng rừng già ngàn năm chưa thấy vết chơn người đã nuôi dưỡng con a-nô-phen rất đặc địa thành thử ký ninh không làm gì được để chống trùng độc của nó.

Ông nội anh Đức là tay lì lợm nhứt nên mới sống được tới bốn năm và để cha của anh ra, tại đất Haut Chlong này. Chlong, người Cao Miên gọi là Prech Chlong tức Rạch, tức phụ lưu Chlong. Người Pháp phân biệt Hạ Chlong gần bờ Cửu Long, không có trồng cao su và Haut, tức Thượng Chlong nằm trong khu tứ giác nói trên.

Vì thật ra không phải là mãi nô thật sự nên bà nội anh đã âm cha anh ra khỏi vùng nước độc, sau khi chôn ông của anh, và mò về sống ở Bình Dương từ ấy những nay.

Mồ của phu cao su nhiều hàng vạn mà không có cái nào có mộ bia. Cũng chẳng được ai tảo mộ hằng năm vì đa số vào Nam một mình, không có gia đình. Những góa phụ hiếm hoi ra khỏi các sở thì không có phương tiện trở lại, thế là bỏ luôn.

Họ ra đi là kẻ chết rồi, vì sự què mùa dốt nát của họ, cho họ tưởng tượng như vậy chứ không vì biết sự thật. Nhưng tưởng tượng ấy, lại không sai sự thật bao nhiêu.

Giờ khu tứ giác này đã khang trang, khí hậu đã lành mạnh, nhưng những kẻ tiên phuông lại không được hưởng gì. Mà đừng nói là hưởng lợi, nắm mồ của họ chắc cũng đã li xuống thành bình địa rồi, vì mộ đất không to thì đâu có trơ gan được với năm sáu mươi năm mưa gió.

Và ngày nay, cũng lại có một thanh niên ở Châu thổ sông Côi tới đây để gởi xương. Mà kẻ này lại không có được một nắm mồ

như ông nội anh. Hẳn sẽ được chôn trong một lỗ huyết chung, thế là hết. Hẳn không có lấy một đứa cháu nội như ông nội của anh để mà nhớ đến hẳn.

Lớp mồ trước đã bị mưa gió san bằng, lớp mồ sau nhô lên, nhưng được mấy năm?

Ở đây có tới hai ông chủ đất, một ông chủ trên giấy tờ là dân Cao Miên, ông chủ này muốn vào sở, phải xin phép ông chủ thật sự, thì còn khuya mới có người đủ kiên nhẫn đi thăm mộ bà con, một khi thái bình trở lại.

Tại sao lại phải đi tìm chỗ chôn xa đến thế? Ông nội anh có lý do. Đó là cái bao tử của ông nó thúc giục. Còn anh này? Không biết. Có điều là anh ta không nghĩ thiện cận như anh về năm mỗ, về con cháu nhớ ông cha. Anh ta có tham vọng được sống dai trong lịch sử, như vậy không có mộ vẫn được lưu danh hậu thế đến ngàn năm, chớ có ngôi mộ nào mà còn được sau bốn trăm năm đâu?

Có ai thấy mộ vua Đường Minh Hoàng hay không nè? Vua Tần Thi Hoàng thì còn đồ thừa rằng bị kẻ thù đào mồ, chớ Đường Minh Hoàng không bị ai phá phách mộ phần hết, vậy mà có còn gì của ông vua đa tình ấy đâu.

Nhưng cái mộng ấy cũng chỉ là mộng, tức cũng chỉ là những ngôi mộ đất mà Đức tha thiết xem như lưu vật trường cửu. Lịch sử nào sẽ ghi chép tên của một anh bình nhĩ?

Đức cũng chưa có vợ, nhưng anh còn mẹ. Nếu anh có mệnh hệ nào thì mẹ anh sẽ nuôi cháu nội nuôi. Xác anh sẽ được chôn về Sài Gòn, và cái thằng con nuôi không biết mặt cha nuôi ấy sẽ đi viếng mộ anh.

Nghĩ tới đây, Đức bật cười, thấy mình quá mê ngôi mộ không kém những ông vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Khải Định chút nào. Các ông ấy xây mộ rất to, nhưng ngày nay cũng chỉ được du khách viếng mà thôi, mà có lắm du khách quên cả tên người dưới mồ, họ vào đó chỉ để xem cảnh, những thế hệ Vĩnh, Bảo, Qui, Định, Long, Tường, xem ra đã có nhân sinh quan khác hẳn những thế hệ Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng rồi.

Đức hơi hơi thấy rằng mình vô lý, nhưng cứ còn thấy mạnh

rằng những năm xương khô trên đất khách vô lý hơn nhiều. Nếu vào Haut Chlong để mà ngã gục thì thà là ngã tại châu thổ sông Côi, có phải là đỡ mỗi chân phải đi xa hay không?

Tại sao ông nội anh lại không nghĩ như vậy mà bằng lòng đi vào đây, trong khi mạn ngược là đất nước nhà, không độc hơn Haut Chlong chút nào, mà không ai dám đi?

Đức ngược lên nhìn trời và chợt thấy rằng cao su ở đây cũng gần là cô thụ rồi. Những cây này đã được trồng từ thời ông nội anh lặn kia mà!

Và ai đang hưởng lợi ở đây? Cả ở các nơi khác trong vùng nhiệt đới, ai hưởng lợi? Ở Mã Lai Á, cũng đã có hàng vạn phu cao su người Tàu ngã gục, và giờ thì người Tàu hưởng đó, nhưng không phải là những chú Thoòng, chú Duyên năm xưa mà là những ngân hàng như nhà băng Thượng Hải Tân Gia Ba chẳng hạn.

Câu hỏi không được giải đáp khi này, giờ không hiểu sao, lại trở lại với Đức, không phải lúc. Tại sao ông nội anh lại lặn lội vào đây để bỏ xương.

Đức nhớ có nghe bà nội anh kể chuyện thuở ấy vài ông Tây mộ phu cao su ở châu thổ sông Côi đã bị dân ta ám sát. Những kẻ ám sát không hề biết gì hết về điều kiện làm việc trong này bởi công việc khẩn hoang chưa bắt đầu, mà lương bổng trong hợp đồng thì cũng không phải là lương bóc lột sánh với lương bổng cho nông dân ta do các địa chủ ta trả.

Anh không hiểu ẩn tình trong đó, nhưng đoán rằng có lẽ ông ta thương mến chân trời quen thuộc, thương mến mồ ông mã cha, nên ít có người ra đi, và bọn mộ phu đã dựa quyền của nhà nước để làm áp lực, đôi khi bắt ép trắng trợn, nên mới xảy ra cái phản ứng khó hiểu nói trên.

Dầu sao, ông cụ cũng chỉ là lẽ thú, ở vào cái thế phải đi, đi đánh Chiêm Thành hay đi khẩn hoang trồng cao su gì cũng cứ là các người đó, chớ không thể là con em của cụ Hoàng Cao Khải hay cụ Hoàng Trọng Phu.

Đức nhìn lại lần cuối cùng xác của anh cán binh không tên tuổi này, không ghét cũng không thương. Anh ta ngỡ anh ta biết, nhưng anh ta không biết gì đâu. Anh ta chỉ biết có nửa

chừng, chớ không biết tới trên đỉnh là anh ta ở vào cái thế phải đi.

Anh Đức chưa kịp bước đi thì bỗng nghe nổ ầm lên một tiếng, rồi hai tiếng rồi ô bay nổ quanh anh tưởng không bao giờ tắt giọng.

Cả đại đội anh đều nằm sát mặt đất, ngay sau tiếng nổ đầu không biết có gây thiệt hại nào hay không. Đơn vị của anh lưu động chớ chưa đóng đồn, đóng trại gì hết mà địch biết chắc tọa độ. Họ chỉ bắn nhắm chừng vậy thôi, kẻ nào có tên trong sổ thiên tào mới trúng số độc đắc được.

Đức quên mất rằng đây là giữa ban ngày và không phải là họ bắn phá khuấy, bởi đại bác khó mang đi, họ có đồng lắm, họ mới dám ra mặt, và phải có trận xung sau loạt ô bay này.

Quả nhiên có lệnh hô bố trí, ngay giữa lúc ô bay còn nổ rền trời.

Đức chỉ phải chạy lúp xúp theo tiểu đội trưởng của anh có vài mươi thước là tới nơi được chỉ định phòng ngự. Trước mặt anh là một lỗ bom đĩa.

Anh cười khà. Lọt xuống đó thì kêu ba ngày cũng chẳng ai nghe đề mà cứu. Đó là thứ chương ngại vật nguy hiểm nhất trong rừng, vì lắm khi cạnh bờ đĩa vẫn còn cây cối và vô phúc cho kẻ chườn quan ban đêm nào mà gặp trên bước đường của họ những lỗ bom thuộc loại gài bẫy đó.

Đây là sở cao su, trồng trái, chắc không ai rơi xuống những cái hố ấy đâu, dầu sao, nó cũng là bức tường bảo vệ tiểu đội của anh một cách an toàn.

Đạn B.40 có thể bay từ bên kia miệng hố tới đây. Nhưng anh Đức cũng không sợ. Anh tưởng tượng thử xem giữa những cán binh bên kia với anh, ai phải sợ nhiều hơn.

Không chủ quan, anh cũng đi đến kết luận rằng họ sợ nhiều hơn. Họ luôn luôn hò hét, mà hò hét là dấu hiệu không thể chớ của nỗi sợ hãi.

Sự căm thù có thể giúp họ thích đánh, nhưng không thể xóa được sợ hãi. Phải có cái gì khác nữa kia. Nhưng cái gì?

Đức chưa kịp trả lời vì tiếng hô xung phong đã nổi lên từ phía.

Đại đội của anh mắc bệnh á khẩu hết thảy còn đơn vị bên kia, ước chừng cũng đông tới một tiểu đoàn thì lại mắc bệnh la. Thật là hai thái cực. Người cùng một nước, một ngôn ngữ, một dòng máu mà lại có tác phong khác nhau như đen với trắng trong lúc lâm trận.

Những trận la hét này, nghe rất là ghê rợn vào giữa đêm khuya, chớ giữa ban ngày thì nó chẳng ăn nhằm gì hết. Mà giữa đêm khuya, kẻ bị tấn công cũng chỉ sợ hãi có lần đầu mà thôi, những lần sau, họ đã biết rằng đó chỉ là trò rung cây nhát khí, nên họ không đề làm tới nữa. Chính sự im lặng hoàn toàn mới làm cho họ mọc da gà, vì họ không biết địch tiến tới đâu, đồng được bao nhiêu.

Bên kia, hẳn là họ không có đốt tâm lý đâu. Nhưng họ cứ giữ chiến thuật la hét, tức họ có mục đích khác: đó là họ tự giúp họ đỡ sợ.

Đức rất ít bắn, y như bạn đồng đội của anh. Cuộc xung phong này có vẻ là xung phong lấy lệ, hay chỉ là giai đoạn đầu của một cuộc xung phong ồ ạt lát nữa đây. Bắn mất công vì mục tiêu quá lẻ tẻ quá còn ở quá xa.

Họ chỉ bắn dữ khi nào bên kia dùng chiến thuật biến người sắp tràn ngập vị trí, trong trường hợp đó thì viên đạn nào cũng có lời hết chớ không lỗ vốn như bây giờ.

Nhưng hình như là họ chỉ đánh lấy lệ, không biết với mục đích nào, có thể là để cảm chơn đơn vị của anh mãi ở đây.

Tại sao mình không sợ? Đức lại tự hỏi thăm trở lại câu đó. Và anh nghĩ ngay đến nắm mồ của anh sau đó. Chắc một trăm phần trăm là xác anh sẽ được chôn về Sài-gòn, nếu anh vẫn sống. Con nuôi anh sẽ viếng mộ anh sẽ nhắc nhở đến anh.

Nhưng không phải bấy nhiêu đó là đủ. Còn cái khác nữa, nhưng nó quá mờ mờ, anh không nói ra được, mặc dầu là chỉ nói thầm với chính anh.

Cái đó là sự còn nữa, sau khi anh chết. Anh chưa đi chưa lần nào hết, nhưng anh hơi tin như vậy, mà từ bé đến giờ lận, tức

tin tưởng ấy đã thăm căn cốt để nơi trí và lòng anh. Anh tin rằng còn một cuộc sống ở bên kia thế giới người trần.

Nghĩ rằng người chết giống như một tấm ngói bị đập bể, không còn gì nữa thì sao mà nó chán nản như là đang đi giữa sa mạc mà không thấy bóng dáng một ốc đảo thấp thoáng đằng chơn trời.

Anh nhớ bà nội anh đã bình thản chuẩn bị cái chuyến đi của bà trong mười năm liền mà không hề sợ sệt. Bà sắm đồ tuy táng, và vì không tiền, nên sắm lần sắm hồi mỗi năm một ít. Thấy chiếc khăn nhiều điều đẹp quá, anh hỏi bà để làm gì, bà nói :

— Để « xuống dưới » ăn trầu cho có mà lau miệng vì không biết « ở dưới có bán hay không ».

Bà nội Đức không hề là nữ anh hùng, nhưng bà nhìn cái chết y như ta coi xi-nê-ma, khiến anh cũng đâm ra thấy âm phủ là một nơi rất thường như dương thế. Và chết, chỉ là thay đổi chỗ ở. Chắc là không đúng sự thật đâu. Nhưng anh đã trót tin như vậy và thấy rằng tin tưởng đó, chẳng những không hại, còn giúp anh không sợ chết, trong bất cứ trường hợp nào, nên anh không buồn kiểm soát kỷ lưỡng mà khi có ai cho anh biết rằng chết là giống một cục nước đá tan, anh không buồn nghe.

Và anh thương xót kẻ ấy lắm. Bất giác Đức nhớ lại cái xác sau lưng anh. Anh chiến sĩ ấy chết rất lạ lùng, nhưng đầu sao cũng đã trải qua vài giây hấp hối. Chắc anh ta đã sợ hãi dữ lắm trong mấy giây đó, bởi anh đã trót nghe suy luận và tự suy luận rằng chết là không còn gì nữa cả.

Địch đã hạ cường độ la hét và rút lui lần lần. Đức day qua người bạn đồng đội bên anh và hỏi :

— Sợ lắm không bồ ?

— Có sợ nhưng không sợ lắm.

— Sao vậy ?

— Tao cũng chẳng biết tại sao.

bình nguyên lộc

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(tiếp theo)

Hai người bước bộ trên con đường dẫn vào cửa Đông Ba, Trầm đi xích vào Sinh nắm lấy ngón tay trở của chàng. Sinh vùng nhẹ bước mau lên trước người đàn bà. Trầm nói : phải ghé vào chợ Xếp mua me ăn cái đã... phải không anh Sinh? Sinh nhẩn nhẩn. Trầm cười : đồ đàn ông, chưa ăn me mà đã nhẩn mặt... Sinh nói chậm chậm khi Sinh bước dùn lại : Bây giờ anh mới biết là em không dành cho anh một bóng mát nào cả, một mối dây nào cả, một thể diện nào cả. Không biết em nghĩ sao lại mang anh ra chùng bày trước cái thế giới đông đảo của em. Em biểu diễn anh, em lộ bịch hóa anh... Trong lúc đám bạn bè mỗi người một câu nói, một nét mặt, một cử chỉ, thì anh dài tay dài chân ra ngượng nghịu, ngửa ngáy, mặt mày lơ lảo ngáy thơ... Anh là một tên hèn không địch nổi với ai hết, không so bì với ai được hết. Anh giận dỗi lắm, anh chơn chất lắm, anh thành thật rõ ràng như bản cử chương hai lần hai là bốn. Anh khư khư giữ chặt tình yêu còn em thì ngồi vắt vẻo trên cành cao để chỉ khẽ nhắc lên ở đầu ngón tay út... Vâng, em nhắc cao tình yêu bằng ngón tay út. Em giỡn, em chơi, em đùa nghịch với con cá mắc cạn là anh, với kẻ níu mạn thuyền là anh... anh như kẻ vịn và đeo vào mạn thuyền, nhưng

anh không phải đeo một cặp rồi bỏ, mà anh muốn đeo mãi để em kéo anh nhay vào thuyền... Anh dài công đeo đuổi, sao em không quyết định gì cho anh cả?... Yêu em, anh không phải cầu xin nhục thể mà chỉ cầu xin vinh dự làm ra một bồn phận, lãnh một phần trách nhiệm. Tại sao em chỉ cho anh xác thịt mà thôi? Bao nhiêu lần khởi chiếm thân thể em, bao nhiêu lần tái chiếm thân thể em, bao nhiêu lần anh khoắc khoải hoang mang, anh âm ỉ ray rứt nghe một niềm áy náy, xót xa... Trầm Trầm phải chăng em đã quyết định làm đi thật sự rồi, dịch xác rồi, khẳng nhận rồi, không còn chối cãi vào đâu được nữa, không còn trốn chạy vào đâu được nữa... Trầm ơi, người đàn bà không bao giờ nên sẵn sàng đưa ra cho giống đực của họ một tảng thân thể trần truồng, một tấm thân thể đầu thú, người đàn bà trong xã hội này, xã hội này vẫn còn một số lớn đàn bà rất hoàn hảo, họ biết xin đàn ông một chức vị làm vợ, một sung sướng, một hãnh diện làm vợ, một người vợ có tâm hồn mềm và một xác thịt thông minh hiểu biết. Trầm ơi ngày xưa em đóng kịch, em cải trang, đổi lột quá tâm tận tình để đến bây giờ, chất kịch đã biến thành chất sống thật, em trơ mắt cua, em công lạnh trước tình yêu đáng cảm động nhất của anh, trước tình yêu hết sức quý báu của anh. Với ai, em cũng đem cho loạn cả lên, em điên cuồng xoáy tit như chong chóng, em dậm dật ào ạt trũng mủ, em nhào lộn quay quay như thăng hê trong gánh xiếc, và đôi khi, đôi khi em mục rã, em lang thang vất vưởng như mây đại. Hối hận đi em, ăn năn đi em, tổn thương lòng tự ái đi em, mắc cỡ đi em, xấu hổ đi em, ê chề đi em, và, hãy nghĩ rằng tình yêu phải có luân thường đạo lý, bớt đa tình, đừng đa dâm. Đàn bà trong cái xã hội này vẫn còn ngoan lắm, hư hỏng như em là một số rất ít. Em cũng tự vớt em ra khỏi dòng sông tình dục vì em không cho anh vớt em, em hãy tự tụt xuống đỉnh nhọn mê hoang vì em không cho anh đỡ em. Xã hội có làm gì em đâu mà em phá phách tạo phản...

Sinh dìu Trầm đi bằng một tay quàng qua vai và ánh mắt trũng thấp xuống, Sinh bước một, Trầm bước một, Sinh bước hai, Trầm bước hai. Đôi vai người đàn bà xuội lơ, mặt nàng đỏ rần như ống thuốc bỏ máu B mười hai. Ừ ừ... tôi đứng như lời anh nói nhưng anh không được nói, có gì anh hãy để tôi nói... tôi

muốn tự thú hơn là bị xử. Hãy để tôi tự thú, đừng xử tôi như thế này... khai thật việc mình làm cũng chẳng có gì ngượng miệng. Tôi là một con chó, một con chó hai chân, tôi cũng ham tự mắng mình lắm lắm, tôi cũng ham khai thật cái cần cước mình ra lắm lắm. Tôi là một đũa đàn bà đóng vai quân tử giả không tròn nhưng đóng vai tiểu nhân giả thì rất tròn.

Trầm xô Sinh ra nói lớn : Anh Sinh, thả cửa cho anh chửi em đó. Em chứ đâu phải ai. Không câu chấp, không nề hà, can đảm đến liều mạng, tự tin đến đứng vững, bất cần thiên hạ, bất cần vũ trụ. Sinh cúi kính thêm : phải phải phải phải... cô bất biết, bất nghe, bất kè, bất cần, cô to gan, cô tin cô đến không hề nói xấu ai cả... cô cổ quái, cô sống nghịch đạo trời. Cô không cần ai chấp nhận cô cả.

Hai người bước vô nhà, Trầm bồng hất sãi tay Sinh ra, ngồi xuống ghế rút một điều thuốc đốt đỏ và thấy tinh cảm mình ùn ùn như khói nấu cơm chiều. Sinh nhìn trân trân Trầm, chàng thốt nhớ ra có lần chàng nói : đàn bà hút thuốc lá trông bần lắm, trông có cái đáng để thế nào... Trầm vào phòng ngủ đóng cửa, thay áo rồi nằm lên ra giường nhìn bức hình truyền chân của mình có bối cảnh một màu thật bò tươi nóng. Trầm lơ lơ ngó khắp gian phòng xốn xang chọi mắt. Gian phòng hoa hoè, lòe loẹt, nóng nảy tức tối : nền ca rô đỏ giao hoan ca rô trắng, tường vôi hồng, màu cửa hồng gạch, chiếc bàn đêm màu rượu chát, chiếc mền tiết canh vịt, cuốn sách bìa máu dề, hộp kẹo Nhật in hình chùm nho thâm thắm... Sao mình yêu thương màu đỏ thế này? — Ra cái sở thích của mình là mê say màu đỏ và những màu nghiêng về đỏ. Màu đỏ sống và tươi, màu đỏ táo bạo, màu đỏ cuồng nộ, màu đỏ sát chủ, màu đỏ quắt mắt hung dữ... Trong một cử động mau lẹ, Trầm muốn dong tay ngồi dậy cào cào vào mặt cái màu mê đỏ hoét đỏ và day tóc mình và đập chân dẩy đành đạch gào khóc cho nư cho đã.

Sinh đẩy cửa bước vô ngồi xuống giường vỗ mông Trầm : anh lơ có lời lỗ mắng với em, em đừng giận, em đừng phiền, đừng buồn. Những lời của anh không có lời nào vui cả, em bỏ qua, em xí xóa... Trầm lắc đầu : Em nghĩ rằng anh thương em mà em

không thương lại được, em nghĩ rằng mắng nhau như thế cũng được.

Sinh chổng hai bàn tay lên mông Trầm :

— Trầm đừng giận anh Trầm nhé!... Trầm... Trầm, anh vừa làm Trầm phát cáu, Trầm đừng giận anh Trầm nhé! Trầm nên thương anh đồn dập đi Trầm. Ngày mai lỡ anh ra trận anh chết thì sao Trầm?

Trầm im lìm một lát ngẩn rồi Trầm ngồi rột ngay dậy cười hắc hắc vui vẻ : ngày mai anh ra trận anh chết hả?... Thế thì ngày mai em sẽ xỏ tóc, em sẽ đội mũ mấn, em sẽ mang áo chít xỏ tròn để chế anh. Em sẽ khóc hu hu : Anh Sinh ơi là anh Sinh! Anh ơi Trời ơi! Anh Sinh ơi, anh chờ cái chết, cái chết đến với anh rồi! Đau anh quá anh Sinh ơi! Trời ơi! Khi chết anh đau đến chừng nào? Anh đau đớn lắm không anh ơi! Sau cái chết thì không biết gì nhưng khi đang chết chắc chắn là đau lắm. Anh ơi anh ơi! Anh chết đi, cả mớ đàn bà bù lu, bù loa...

Rồi Trầm nằm sấp lên giường úp mặt lên gối cười nhoe nhẩn lẹ. Sinh nhìn bạn gái, chàng thấy cả chàng và Trầm cùng mờ đi. Chiều ngày mai Sinh lên đường, Trầm tiễn Sinh ra tận bến xe đi Quảng Trị.

Trầm ra về âm thầm qua từng hàng cây đứng tuổi màu rong lục. Chiều đông đầy những tia sáng vàng kê lên cao tận những đợt mù u bàng hoàng xao xuyến. Con sông êm đềm đi trong một dáng lỏng lơng mát. Bước vô nhà, Trầm cảm thấy tất cả bàn ghế tường vôi nền gạch giường nệm đều phung phí một nỗi cô đơn trống vắng. Đầu óc Trầm gầy gầy cơn sốt rục rờ. Giữa nàng Sinh — Trầm chấp nhận — vẫn có một chuỗi bong bóng rã rời chấp nối. Tình yêu được cử hành như một đám rước để che dấu sự thật xác thịt, và nói đến tình yêu là nói đến nghi thức tụng niệm. Tình cảm, tâm hồn chỉ là cái tiếng, cái giả; chính xác thịt mới là cái miếng, cái thật. Nhưng trên nguyên tắc, Sinh vẫn là mối tình lớn hơn những mối tình nhỏ của Trầm vì có sự kéo lê. Thời gian là cái thước đo. Sinh là một hòn đảo rất nhỏ giữa lòng nàng là biển đại. Một biển mười mối tình cù lao. Chân chùn tình ái dẫm lên đường mòn cuộc đời tháo rút đè lên nhau rồi cũng tự bôi xóa vì thời gian không là người chẵn kỷ niệm. Người lặn qua đời tôi và

tôi lặn qua đời người. Người lặn qua trên tôi và tôi lặn qua dưới người. Đáng lẽ chúng ta nằm hai chiều, nhưng chúng ta lại nằm một chiều. Sự chung đụng cọ xát đó là tình yêu. Người yêu số một, người yêu số hai, ba, tư... Cuộc điếm danh có vẻ sống sượng khô cằn. Bước! Đứng trước! Bước! Những người đàn ông đã cùng tôi lướt thướt bước qua những hành trình ân ái nhưng lưa. Bước! Đứng sau! Bước! Những người đàn ông chúi bàn tay dơ vào áo dài tôi rồi bỏ đi cho tôi quay lui quờ quạng! Tôi không yêu ai nữa hết và những người đàn ông đều thủ nhận là không yêu tôi. Họ chỉ còn là những bóng ma lạng lờ để thỉnh thoảng tôi cầu kinh nhớ lại. Quá khứ những chuyện tình đáng lẽ dài như cây tre trăm đốt lại co rúm thành những chuyện ngắn và đời tôi thì đựng bao nhiêu chuyện ngắn. Không có mối tình cuối cùng, chỉ có mối tình kẻ cuối. Không có một người đàn ông cuối cùng mà ai cũng có thể là người cuối cùng. Tôi sẽ hét to vào tai Sinh cho ba hồn bảy vía chàng rách toạt ra : bỏ tôi ra, đừng ôm tôi, buông tôi ra đừng chụp đại tôi, đừng khư khư như ông Tư giữ oản nữa... Tôi độc lập tự do, nhưng tôi không thống nhất. Tôi là một thứ đàn bà tính nước lòng mây thay thay đổi đổi, cuộc đời tôi chia năm xẻ bảy. Thả cửa cho mọi người khằng định rằng tôi lắm bần, tôi đã làm từ đầu đến cuối... Không không, bình như thằng Phiến hay thằng Qua gì đó có nói rằng :

— Trầm vẫn còn một cái gì... Vẫn còn một cái gì. Còn một cái gì mà người ta không thể định hình gọi tên được.

Còn một cái gì, còn một cái gì. Sinh, Phiến, Viễn và các người đều nói một sách, mách một chừng : Trầm vẫn còn một cái gì, Trầm vẫn còn một cái gì. Họ đồng thấy tôi qua một sự mất mát còn để lại, qua một sự hủy diệt còn bỏ sót. Như một quẻ hương sau cuộc chiến. Như một khu phố qua cơn hỏa hoạn. Như một làng mạc sau trận đói. Như một khuôn mặt sau mùa đậu rỗ. Trầm mân mê đầu gối cúi gập người ho lên một tiếng. Người đàn bà này vẫn còn một cái gì và không còn đến hai cái gì. Vẫn còn một cái gì... âm thanh và trọng lượng những chữ gỗ đều nhịp ba và khua dòn trong mấy hồn mấy vía của tôi tạo thành những tiếng động ri rí, những tiếng nói nhỏ giọt thần bí lẫn lút ẩn núp dưới hang hốc tiềm thức mà không một lời ru êm ái, không một tiếng

đổ dành ngọt ngào, không một chiếc hôn rạo rực nào có thể gọi kêu chúng nó trôi lên, chúng nó nổi bông bênh trên bình diện tình cảm tôi được; chúng nó trốn mặt tôi, chúng nó trình diện trước người khác. Tôi không thể định hình, định tính bản chất, nhân diện của tôi được nữa rồi. Một chiều sâu, một đơn vị không ai buồn khám phá ra và không ai khám phá nổi.

Trầm vùng đứng dậy dang thẳng cánh tát bàn tay lên má mình! Trầm đánh Trầm chảy nước mắt rồi Trầm vào giường nằm cho tới tối!

Trầm mò dậy trong đêm. Đêm đen thui. Gian phòng là ly cà phê phin và Trầm đi lui đi tới là chiếc thìa khuấy qua khuấy lại. Trầm đưa tay bật đèn. Bức vẽ truyền chân của nàng treo trên tường có bối cảnh đỏ như thịt bò cường nộ sần sì. Trầm lấy làm tiếc không nuôi một con chó ở với mình cho có bạn. Nỗi cô đơn khô khốc, hừng hực, bức bối, nỗi cô đơn rang dòn. Những áo gối, khăn phủ bàn, nệm trải giường vẫn một màu hồng thật gần màu đỏ. Trầm mở tủ lạnh cầm miếng thịt bò khô đưa lên miệng nhai ăn. Có tiếng gõ cửa, Trầm mặc kệ không mở, không mời, không tiếp, không nói, không cười, không nhìn ai hết. Tiếng gõ cửa tiếp theo, Trầm hắt ra tiếng cười nhẹ cúi xuống cầm củ cà rốt gọt vỏ ăn sống. Củ cà rốt ngọt, dòn, giòn. Một con bạn bảo ăn cà rốt đẹp mắt và sạch răng. Trầm quẹt diêm châm cháy điếu thuốc và tự ví mình như cái mồi lửa cháy bùng và cháy ngấm khi những cuộc truy hoan lướt tới từng cuộn dài. Trầm nghĩ: Nếu bây giờ, cửa đóng chặt như thế này, mình cầm cái lưỡi dao cạo râu của đàn ông cửa một cái lên gân tay. Trầm nhún vai: đừng dại mà chết, đời đang xinh như cái bông hường.

túy hồng

KOBO ABÉ

người đàn bà trong cồn cát

Kobo Abé sinh năm 1924 tại Tokyo, song lại theo học tại Mukden, Manchuria, nơi cha ông có chân trong ban giảng huấn trường Y khoa. Hồi còn niên thiếu, Kobo Abé rất say mê toán học và sưu tầm côn trùng cũng như những tác phẩm của Poe, Dostoyevsky, Nietzsche, Heidegger, Jaspers và Kafka. Năm 1948, ông đậu bằng bác sĩ tại Trường Đại Học Hoàng Gia Đông-Kinh, nhưng lại không bao giờ hành nghề cả. Cũng trong năm đó, ông cho xuất bản tác phẩm đầu tay nhan đề Tám Bảng Chỉ Đường Nơi Cuối Phố (The Road Sign at the End of the Road). Năm 1951, ông được giải thưởng Akutagawa, một giải thưởng văn chương quan trọng nhất của Nhật Bản, với tác phẩm Tội Ác của Ông S. Karuma (The Crime of Mr. S. Karuma). Tác phẩm Người Đàn Bà Trong Cồn Cát (The woman in the Dunes) mà chúng tôi trích dịch một đoạn sau đây, đã đem về cho tác giả Giải thưởng văn chương Yomiuri năm 1960. Đến năm 1963, tác phẩm này được nhà đạo diễn trẻ tuổi lừng danh Nhật Bản là Hiroshi Teshigahara đưa lên màn ảnh và gây nên một tiếng vang không nhỏ tại Đại Hội Điện Ảnh Cannes.

Người Đàn Bà Trong Cồn Cát là câu chuyện kể về trường hợp một nhà côn trùng học bị mất tích không để lại một dấu vết. Bảy năm sau, một án văn tuyên bố người đàn ông đó đã chết. Song kỳ thực hẳn ta vẫn còn sống tại một làng nhỏ miền duyên hải, một

ngôi làng luôn bị rình rập bởi nạn hủy diệt của những trận bão cát. Dân làng vì cần người tiếp tay để cầm cự với cát, đã bắt cóc người đàn ông bỏ vào một cái hố lớn và sâu cùng với một người đàn bà người bản xứ. Ngày này qua ngày khác, họ bị bắt buộc phải xúc cát đi để bảo vệ ngôi làng khỏi nạn diệt vong. Ý muốn trốn thoát khỏi vùng này của người đàn ông thoát đầu được nuôi dưỡng bởi trực giác của hắn về một chỗ đứng trong xã hội văn minh của loài người, nhưng rồi dần dần vì lý do sinh tồn, hắn bắt buộc phải phấn đấu...

Sau đây là một đoạn trích trong tác phẩm Người Đàn Bà Trong Cồn Cát. Vì không đọc được tác phẩm qua nguyên tác bằng Nhật ngữ, nên bài dịch sau đây dành dựa trên bản dịch Anh ngữ của E. Dale Saunders.

NGƯỜI DỊCH

Hắn liếc nhìn đáng người đàn bà khi nàng lặng lẽ khởi sự gọt vỏ khoai tây. Liệu hắn có nên ngoan ngoãn tiếp nhận, hay không nên, đồ ăn nàng đang sửa soạn cho? Đầu óc hắn hoàn toàn bận rộn với vấn đề này.

Lúc này trời êm và mát. Vì rằng thái độ của nàng đã tỏ rõ ra như thế, tốt hơn nên nhìn thẳng vào tình thế thay vì cứ trừu tượng — tốt hơn là nên đặt ra vài kế hoạch thoát thân cho thật chắc chắn. Sau này hắn sẽ có thể tố cáo hành động phạm pháp của bọn họ. Song cái dạ dày trống không làm ý chí của hắn mềm nhũn hẳn đi. Hắn không thể nào tập trung được tư tưởng lại. Song nếu hắn không chinh phục hiểu rõ tình trạng khó khăn mà hắn đang mắc phải, thì có lẽ hắn đến từ chối cả thức ăn nữa. Kể cũng khó hài khi phải ăn một bữa ăn trong lúc hắn đang cảm thấy bất mãn. Ngay cả một con chó đang giận dữ đến xù cả lông lên cũng phải cúp đuôi xuống ngay khi được thả cho một miếng xương.

Nhưng tốt hơn cả là không nên vội có một kết luận nào hết. Lúc nào mà hắn còn chưa biết người đàn bà còn đi xa đến đâu thì không việc gì phải giữ mãi vai trò thụ động như vậy. Không có vấn đề người đàn bà làm một cái gì đó mà lại không nhận lại cái gì hết. Chắc chắn là hắn sẽ trả tiền ăn. Nếu hắn trả tiền ăn thì không có lý gì hắn lại phải cảm thấy man

nợ đối với nàng — không một chút nào hết. Các xương ngón viên trong các cuộc đánh bốc trên màn ảnh truyền hình vẫn thường tuyên bố tấn công là phương sách phòng vệ tốt nhất mà.

Nghĩ vậy, hắn cảm thấy nhẹ nhõm vì đã tìm ra được một lý do vững chắc để khỏi phải từ chối bữa ăn. Đầu óc hắn đột nhiên trở nên sáng suốt và hắn muốn thấy rõ mọi sự. Kẻ thù duy nhất của hắn chính là cát. Phải, chính nó. Không việc gì phải nêu ra những vấn đề phi lý, cố gắng một cách vô ích để vượt qua những trận song sát. Họ đã mang cái thang giầy đi — được lắm, hắn sẽ làm một cái thang bằng gỗ lo gì. Nếu bức tường cát quá dốc, hắn sẽ làm cho nó bớt dốc bằng cách bớt cát đi. Nếu hắn chỉ cần dùng đến cái đầu một chút thôi, mọi sự sẽ trở nên dễ dàng. Kế hoạch xem ra giản dị quá đáng, song kế hoạch càng giản dị bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu nếu nó còn phù hợp được với mục tiêu của hắn. Giải pháp tốt nhất — kiểu Kha-luân-Bổ với quả trứng — thường đơn giản đến độ khôi hài. Nếu hắn không nề hà sự phiền nhiễu, nếu quả thực hắn muốn chiến đấu, được rồi, trò chơi chưa kết thúc mà.

Người đàn bà đã gọt vỏ khoai tây xong; nàng xắt khoai ra rồi bỏ vào trong một cái nồi lớn đặt trên bếp lò, cùng với củ cải đỏ cắt mỏng, là rau và các thức. Nàng cẩn thận lỏi trong một cái túi ni-lông ra một cái hộp quẹt, sau khi quẹt lửa rồi, nàng lại bỏ hộp quẹt vào trong bao ni-lông gói lại chặt chẽ và cột bằng một sợi thung. Nàng bỏ gạo vào trong một cái sàng và đổ nước vào đó, có lẽ là để rửa cho sạch cát. Nồi thức ăn bắt đầu réo sôi sùng sục, mùi củ cải nồng nặc tỏa đầy trong không khí.

« Còn ít nước đấy. Ông có muốn rửa mặt không ? »

« Không, tôi thà uống nước đó còn hơn là rửa mặt ».

« Ồ, xin lỗi, cơ mà tôi để nước uống riêng ». Nàng mang ra một ấm nước lớn gói trong một cái bao ni-lông để bên dưới cái bễ. « Nước lạnh lắm, cơ mà đã được đun sôi rồi, vậy ông khỏi phải sợ... »

« Dầu sao, nếu cô không để một ít nước lại trong lu, rồi làm sao lát nữa cô có nước mà rửa chén ? »

« Ồ, không sao. Tôi rửa chén bằng cách dùng cát chà vào chén đĩa mà ».

Vừa nói, nàng vừa vơ một nắm cát bên cửa sổ bỏ vào cái đĩa nàng đang cầm nơi tay. Nàng chà cát trên mặt đĩa theo hình vòng tròn, biểu diễn lối rửa chén đặc biệt của nàng. Hấn không biết chắc làm như vậy cái đĩa có thực sạch không, song hấn có cảm tưởng là có lẽ sạch. Ít ra, về phương diện này, cát rất phù hợp với ý tưởng hấn có trong đầu từ lâu về nó.

Lại một lần nữa, bữa ăn được dọn ra bên dưới cây dù. Cả luộc sơ qua với canh rau. Thứ gì cũng có pha chút cát. Họ có thể dùng bữa chung với nhau, hấn nghĩ, nếu nàng treo cây dù lên trần nhà, nhưng hấn không muốn đưa ra đề nghị ngay. Nước trà tươi loại thường màu sậm, nhưng lại không có mấy vị thơm.

Khi hấn dùng bữa xong, người đàn bà trở lại bên cái bệ, và với một tấm vải ni-lông phủ trên đầu, nàng lặng lẽ ngồi ăn cơm dưới tấm vải đó. Trông nàng ta giống như một loài côn trùng nào đó, hấn nghĩ. Liệu nàng có định tiếp tục sống như thế này mãi mãi? Từ phía ngoài nhìn vào, vùng này chỉ có vẻ như một phần đất đai nhỏ bé, song một khi bạn ở dưới đáy cái hố này, bạn lại không thể nhìn thấy một cái gì khác ngoài cát và trời vô giới hạn. Một cuộc hiện sinh nhàm chán khép lại trong con mắt. Có lẽ nàng đã trải qua trọn cuộc sống ở dưới đáy hố này, không có đến cả một hoài niệm về một lời vỗ về của một ai. Có lẽ lúc này con tim của nàng đang thồn thức tựa như trái tim của một cô gái bởi vì họ đã đánh bẫy được hấn và trao hấn cho nàng. Thật tội nghiệp quá lắm!

Hấn cảm thấy muốn nói với nàng một điều gì; tuy nhiên, lúc đó hấn lại quyết định hút một điếu thuốc và hấn đốt một điếu thuốc. Rõ ràng là vải ni-lông là một vật tối cần ở đây. Hấn lấy que ra bật lửa, nhưng điếu thuốc lá không còn có thể dùng được nữa. Hấn hít vào thật mạnh nhiều lần đến nỗi hai má hấn hóp lại giữa hai hàm răng. Song mặc cho hấn muốn hít vào cách mấy đi chẳng nữa, hấn cũng chỉ cảm thấy vị của khói, một thứ khói sặc mùi mỡ làm lưỡi hấn khó chịu; hút thuốc như thế thành ra còn tệ hơn là không hút. Kinh nghiệm đó làm hấn nản chí, không còn một chút ý muốn nào để nói điều gì với người đàn bà nữa.

thong thả vun cát lên mấy cái đĩa. Sau đó nàng lên tiếng với vẻ do dự: « Tôi sắp phải bắt đầu dọn cát trên trần nhà xuống ».

« Dọn cát xuống? Ồ, được, không hề gì đến tôi cả ». Hấn thần nhiên tự hỏi tại sao điều đó bây giờ lại liên can tới hấn cho được chứ. Nếu mấy cây đà có bị mục và mái nhà có bị sập xuống thì cũng chẳng ăn chung gì tới hấn hết.

« Nếu tôi làm cản trở công việc của cô, cô có muốn tôi đi chỗ khác không? »

« Xin lỗi, nếu ông không nề hà... »

Nàng ta không việc gì phải giả bộ như vậy hết! Tại sao nàng ta không để lộ một chút cảm xúc chân thực của mình ra có được không? Trong thâm tâm, có lẽ nàng ta cảm thấy như thế mình đã cần phải một cử hành có tầm thuốc độc vậy. Song nàng không để lộ một chút cảm xúc nào khi nàng nhanh nhẹn, trong một động tác quen thuộc, choàng cái khăn bông gấp lại làm hai lên che nửa khuôn mặt dưới và buộc lại ở phía sau đầu. Nàng cắp theo một cái chổi tre và một miếng gỗ nhỏ dưới nách, rồi chèo lên phía trên bức vách ngăn của căn phòng xếp chỉ còn lại có một nửa khung cửa ra vào.

Đột nhiên hấn kêu lên: « Thành thật, tôi cho rằng cả hai chúng ta sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu cái nhà này sập xuống biến thành những mảnh vụn! »

Chính hấn cũng phải ngạc nhiên về câu nói có phần gay gắt vừa rồi của mình, và người đàn bà quay lại nhìn hấn với cái nhìn ngạc nhiên hơn cả hấn nữa. Hà, thì ra nàng chưa trở thành một giống côn trùng hoàn toàn.

Hấn nói tiếp: « Không, tôi không giận cô đâu. Đó là cả một vấn đề. Tôi không khoái cái âm mưu mà mấy người cho là có thể đem ra xích buộc một người đàn ông lại. Cô có hiểu là tôi đang nói gì không đấy? Không, dù cô hiểu hay không cũng chẳng thay đổi được gì hết trơn. Tôi sẽ kể cho cô nghe một câu chuyện vui. Trước tôi có nuôi ở đằng nhà tôi ở một con chó lai chẳng có giá trị gì. Nó có một bộ lông dày khùng khiếp luôn, vào mùa hè, không có chỗ cho nó thông hơi nữa. Trông thấy thật tội nghiệp

gi trong đầu ? — thỉnh linh rú lên một tiếng đau thương, ngọam lấy mở lòng, rồi chạy biến vào chuồng. Có lẽ nó cho là mở lòng là một phần của thân thể nó nên nó không muốn rời chẳng ? » Hấn kín đáo quán sát phản ứng của người đàn bà. Nàng vẫn cúi xuống trong cái thế đứng tự nhiên phía trên bức vách ngăn, đáng bất động. » Thôi được, thầy kẹ. Mỗi người đều có một triết lý riêng mà đối với người khác lại chẳng có chi là hay ho cả. Cứ việc sả thân ra mà quét cát hay bất cứ cái gì cô muốn. Song tôi chịt hết muốn nổi rồi. Thế đủ rồi ! Tôi có thể rời khỏi chốn này dễ dàng nếu tôi muốn. Và tôi vừa vụn hết thuốc hút. »

« Ô... Tôi đã định nói... về vụ thuốc lá... » nàng nói, vẻ vụng về và phục tùng, « khi nào họ đem nước lại, sau này... »

« Thuốc lá ư ? Bộ họ mang cả thuốc lá lại cho cô sao ? » Hấn cười lớn một cách miễn cưỡng. « Điều đó không thành vấn đề. Tôi đang nói về mấy bụm lông. Mấy bụm lông, cô không hiểu sao ? Cái mà tôi muốn nói là cái bụm lông vô dụng đó chẳng có một cái ý nghĩa nào hết trơn vậy đó. »

Nàng im lặng. Nàng không để lộ một dấu hiệu muốn giải thích nào. Nàng đợi một lát, và khi nhận thấy rõ hấn thôi không nói nữa, nàng thông thả quay đi như thể chẳng có chuyện gì xảy ra và tiếp tục làm nốt công việc bỏ dở. Nàng đẩy tấm trần phía trên căn phòng xếp về một phía và bỏ lên bằng hai khuỷu tay, thò nửa thân trên vào trong cái kẽ hở, đôi chân đưa qua đưa lại một cách vụng về. Cát bắt đầu rơi xuống đây đó từng sợi mỏng. Hấn có cảm tưởng là phía trên trần nhà có một giống côn trùng lạ. Cát và gỗ mục. Thôi, cảm ơn bạn, hấn đã gặp đủ những cái lạ lùng rồi !

Rồi từ một góc của trần nhà, cát bắt đầu rơi xuống rào rào thành những tia mỏng như băng nhạc. Sự thăm lặng lạ lùng trái ngược hấn với với sự tàn bạo của giòng cát đang tuôn xuống. Xuyên qua những lỗ hồng và tiếng gầy lác cắc của mấy tấm ván lót trần nhà, cát tuôn xuống thành từng ụ trên tấm chiếu rơm lót sàn. Cát đốt cháy bên trong lỗ mũi hấn và làm mất hấn muốn đồ lửa. Hấn vù chạy ra khỏi nhà.

Đột nhiên hấn có cảm giác như thể từ chân đến đầu hấn

đang bị nung chảy ra trong một khung cảnh ngùn ngụt lửa cháy. Song một vật gì tựa như một tảng băng vững chắc nằm lại nơi chính giữa thân thể hấn. Trên một khía cạnh nào đó hấn cảm thấy hổ thẹn. Một người đàn bà giống hệt loài vật... chỉ nghĩ đến ngày hôm nay... không quá khứ, chẳng tương lai... với một tâm hồn nhỏ xiu. Một thế giới mà trong đó nhân loại buộc phải tin rằng con người có thể bị xóa đi tựa như những vệt phấn trên bảng đen. Trong những cơn ác mộng nhất của hấn, hấn cũng không thể nào lại tưởng tượng được rằng một tình trạng man rí mọi rợ đến như vậy lại vẫn còn tồn tại ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Thôi được, dầu sao... nếu đây là một dấu hiệu báo rằng hấn đang bắt đầu lấy lại được sự bình tĩnh và thoát ra khỏi cơn xúc động lúc ban đầu, thì những mối lo âu của hấn không phải là điều tệ hại gì.

Song hấn không nên lãng phí thời giờ. Nếu có thể được, hấn mong kết thúc trước khi trời tối. Đôi mắt hấp hay, hấn ước lượng chiều cao bức tường cát lung linh sau lớp khi nóng tựa hồ như chất thủy tinh bị nung chảy. Mỗi lần hấn nhìn vào tường cát, dường như bức tường đó lại cao hơn lên. Khó mà đi ngược lại thiên nhiên và biến ngay được một bức tường dựng đứng thế kia thành ra thoải thoải — hấn chỉ muốn làm cho bức tường cát kia bớt dựng đứng chút đỉnh thôi. Không có lý do gì để mà do dự nữa...

Cách tốt nhất, lẽ dĩ nhiên, là san cát từ bên trên xuống dần dần. Song ưi không thể làm việc đó được, hấn không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc đào cát ở dưới chân tường. Trước hết hấn sẽ bới một số lượng cát ở dưới chân tường để ra một chỗ và đợi cho số cát ở phía trên rơi xuống lấp vào chỗ trống đó, rồi hấn lại tiếp tục bới cát đó ra để ra một chỗ và lại chờ cho lớp cát ở phía trên rơi xuống chỗ hấn vừa bới cát ra. Nếu hấn lập đi lập lại nhiều lần động tác trên, thì mực đất chỗ hấn đứng sẽ mỗi ngày một cao lên và cuối cùng sẽ tới đỉnh. Lẽ dĩ nhiên trong khi làm như vậy không chừng, hấn cũng có thể bị chôn vùi trong lớp cát đồ ụ xuống bất ngờ. Nhưng dù cát có ụ xuống bất ngờ cách nào đi chăng nữa, nó vẫn không phải là nước, và

hắn chưa hề bao giờ nghe nói có người bị chết đuối trong cát hết.

Chiếc xẻng dựng bên mấy cái thùng dầu hôi sát bên bức vách phía ngoài vây quanh khoảng sân nhà bằng đất. Lưỡi xẻng cắt theo hình răng cưa có sắc trắng tựa như một món đồ bằng sứ bị rạn nứt.

Hắn chú tâm đào cát một lúc. Mỗi lúc cát dưới chân hắn một cao thêm, và công việc của hắn xem ra có tiến bộ. Tiếng động của cái xẻng khi hắn cắm vào lòng cát cùng với tiếng thở của chính hắn đây, thời gian trôi qua. Tuy nhiên cuối cùng hai cánh tay hắn bắt đầu mỏi như. Hắn nghĩ rằng mình đã làm việc trong một thời gian đáng kể, song hiển nhiên là việc đó chẳng mang lại một kết quả đáng kể nào hết. Chỉ có một chút cát ngay phía trên chỗ hắn đào sỏi suy xuyền chút thôi. Bề nào thì những điều dự đoán có tính cách khoa học trong đầu hắn cũng chẳng ăn nhập gì với thực tế trước mắt cả.

Đề khỏi phải lo lắng thêm, hắn quyết định lợi dụng giai đoạn nghỉ dưỡng sức và thí nghiệm lý thuyết của hắn bằng cách tạo ra một mô hình của cái hố. May mắn là chất liệu sẵn cả đấy. Hắn chọn một bóng mát dưới hàng hiên và đào một cái hố sâu rộng độ chín tấc. Song độ dốc của nó không phù hợp với cái góc mà hắn ước lượng; tối đa chỉ được bốn-mươi-lăm-độ, gần bằng miệng một cái tội. Khi hắn moi cát ở dưới đáy ra, cát đổ xuống từ phía, nhưng độ dốc vẫn không thay đổi. Hiển nhiên đây là một cái góc cố định. Sức nặng và sự bền bỉ của hạt cát tỉ lệ thuận với nhau. Giả sử như điều này đúng với thực tế, liệu cái tường mà hắn đang cố gắng khắc phục có cùng một độ dốc không?

Không, không thể như vậy được. Nó có thể là một ảo tưởng, nhưng không thể là một thực tại được. Khi bạn nhìn vào một cái dốc từ phía dưới, cái dốc chắc chắn phải ít dốc hơn trên thực tế chứ.

Như vậy thì có lẽ hắn không nên coi đây là một vấn đề liên quan đến số lượng? Sức ép lẽ cố nhiên có thể thay đổi tùy theo lượng cát. Nếu sức ép thay đổi thì là thuận giữa trong lượng

lễ điều này tùy thuộc ở tính chất của những hạt cát. Đất sét trong đất lún và đất sét trong đất phù sa có sức đề kháng khác nhau. Hơn thế nữa hắn cần phải quan tâm đến độ ẩm nữa. Tóm lại, có lẽ hiện còn có một cái định luật khác khác với định luật mà hắn áp dụng trên cái mô hình do hắn tạo nên.

Mặc dù thất bại, cuộc thí nghiệm không hoàn toàn vô ích. Điều khám phá quan trọng mà bây giờ hắn phải nhận nhận là bức tường cát vững trải quá sức. Thường thường, việc biến đổi một bức tường vững trải quá thành một bức tường vững trải vừa phải thôi cũng không đặc biệt khó khăn gì.

Một giải pháp cực bão hòa sẽ giúp hắn tại nguyện ngay.

Đột nhiên hắn có cảm tưởng có một người nào đó ở gần bên mình, hắn bèn quay lại. Hắn vô tình không hay người đàn bà đã đến bên ngưỡng cửa đang nhìn chăm chú. Hắn trở nên lung tung một cách dễ hiểu và bối rối lùi lại một bước, liếc nhìn xung quanh như cầu cứu một cái gì. Hắn ngược nhìn lên, và trên bờ tường phía đông có ba người đàn ông đứng thành một hàng, ngó xuống chỗ hắn. Họ cùng quần khăn bông quanh đầu, che luôn cả miệng chỉ để chừa đôi mắt, nên hắn không chắc có nhận ra ai vào với ai, song họ có vẻ là ba lão già hôm qua. Lập tức hắn đứng thẳng người lên, nhưng chỉ lúc đó thôi, hắn đột nhiên đổi ý và quyết định tiếp tục công việc của mình, coi như bọn họ không có ở đấy. Chính vì bị dòm ngó mà hắn thấy cần phải tiếp tục cho họ biết.

Mồ hôi vã ra chảy cả vào mắt hắn, dò dọc theo sống mũi và đến chớp mũi thì nhỏ xuống đất. Vì không có thì giờ lau mồ hôi đi, hắn nhắm mắt lại và tiếp tục xúc cát đi. Hắn không được nghỉ tay với bất cứ điều kiện nào. Khi họ thấy hắn tiến từng bước không sờn lòng, họ sẽ hiểu, trừ phi họ tối dạ, bọn này thật dễ hèn biết bao.

Hắn nhìn đồng hồ. Hắn chùi cái mặt đồng hồ vào quần cho sạch cát; mới có 2g 10. Vẫn giờ đó từ khi hắn xem đồng hồ lúc này. Đột nhiên hắn mất tin tưởng vào công việc đang làm. Đối với một con rùa có lẽ mặt trời chuyển động với tốc độ của một trái banh. Hắn túm lấy cái xẻng và trở lại bên bức tường cát,

Thình lình cát chuyển động mạnh. Một tiếng động đĩnh tai như óc phát ra và rồi hắn thấy ngực bị ép mạnh. Hắn cố ngước lên xem cái gì đang xảy ra, song bản không còn một cảm giác nào về phương hướng nữa. Hắn chỉ mơ hồ cảm thấy một vệt sáng màu sữa nhợt nhạt úp chụp lấy hắn khi hắn nằm gập người xuống sắp sửa lộn mửa ra.

kobo - abé

trùng dương dịch

HUỲNH PHAN ANH

khuôn mặt ngày mưa

Không ngờ tên đứa con gái đột nhiên trở nên quan trọng, một đầu đề của câu chuyện, biết đâu lại là lý do của cuộc gặp gỡ giữa Hưng và chàng. Có lý nào như vậy được không. Có lý nào hắn tìm đến chàng mời chàng ở lại chỉ để gọi lên một kỷ niệm trong đó có Nguyệt đề rồi sau cùng. (cho tới lúc bấy giờ) gặng hỏi chàng bằng một giọng khản khoản đến mất cả tự nhiên về người tình cũ của hắn (Nguyệt) về người học trò cũ của chàng (Nguyệt); cũng có thể chính niềm im lặng đầy hoài nghi của chàng (chàng đã chỉ gục gặt với hắn nhưng trong bóng tối làm sao hắn có thể thấy được cũng như làm sao, hắn có thể dò xét phản ứng của chàng lúc bấy giờ) có thể đã là cơ hội để hắn tiếp tục (lập lại) câu hỏi bị bỏ lửng, một thắc mắc (tạm gọi như vậy) không được thỏa mãn. Nhưng ai biết được hắn nghĩ gì, những gì xảy ra trong hắn lúc hắn thốt lên, lập lại câu hỏi kia. Hắn nghĩ gì về chàng, về niềm im lặng của chàng. Hắn nghĩ gì về Nguyệt, về hắn, về những gì đã từng xảy ra giữa Nguyệt và hắn (tình yêu, hắn nói), về những gì không còn nữa giữa bọn họ (khoảng trống của một tình yêu, có lẽ), về... A! biết đâu chính hắn cũng đang lạc loài trong các ngõ ngách của trí nhớ, nhặt nhạnh từng viên gạch, từng miếng ngói để dựng lại đền đài của kỷ niệm, có phải thế không chú nhỏ, tâm hồn

u tối kia. Tự nhiên chàng nghĩ là hẳn phải có nhiều điều để nói về Nguyệt và những câu hỏi gặn của hẳn chẳng qua chỉ là một cách chuẩn bị cho chàng đồng thời cũng là chuẩn bị cho chính hẳn, một kẻ để tiếp nhận, lắng nghe và một kẻ để tiết lộ, dựng lên một câu chuyện, một vũ trụ của lời kể. Như vậy thì sự việc có vẻ trầm trọng rồi đây. Chàng không khỏi tức cười trong ý nghĩ đó bởi vì trong những câu chuyện trao đổi giữa chàng với hẳn từ nào tới giờ. Không hẹn nhau mà cả hai đều ít khi bàn đến việc tình ái nhất là những tâm sự về đời sống tình ái kín đáo của mỗi người là càng không có dịp nào để bộc lộ, nó trở thành vùng đất cấm không ai buồn, bèn mắng hay xâm phạm tới, dĩ nhiên là ngoại trừ những lúc vui miệng họ không ngần ngại kể lại cho nhau nghe những chuyện trai gái làm cầm mà họ đã trải qua, biết tới, kể lại không ngoài mục đích giấu cợt một cách vô hại, như thời còn đi học chàng đã từng liêu mạng hẹn hò với một cô bé mới 11, 12 tuổi đầu vào một đêm tối trời nọ để rồi trốn mất ngay khi thấy bóng dáng nó xuất hiện, như chuyện hẳn đã từng bị mẹ chủ nhà trọ nửa đêm nửa hôm mò mẫm tới giường ngủ tố giác tình hẳn ra sao... đại khái những mẫu chuyện vụn vặt thường tình của thời mới lớn, có phần thú vị và người ta tự thấy không cần giấu diếm làm gì. Điều khiến chàng nghĩ ngợi, thắc mắc trong cuộc gặp gỡ chiều hôm đó với Hưng không ở việc chàng được phát giác khá bất ngờ về chuyện tình của họ (Hưng, Nguyệt): rất có thể đó là điều chàng không hề nghĩ tới; mà là ở chính (hình ảnh của) Nguyệt. Vâng, Nguyệt như một khuôn mặt từ lâu bị bỏ quên chợt hiện lên, rõ ràng hơn bao giờ, tự khẳng định vai trò của mình, chẳng khác nào một diễn viên trên sân khấu. Thì ra trong trí nhớ của mỗi người, trong đời sống của mỗi người, mỗi một hình ảnh, mỗi một hiện diện đều đóng một vai trò đáng kể. Nó đánh thức. Nó kêu gọi. Nó rủ rê. Mỗi một kỷ niệm đều mang trong nó sức nặng của một đoạn đời, một thế giới. Mỗi một kỷ niệm là cơ hội trình diễn của một tấn tuồng lớn với đầy đủ những nhân vật, lớp lang. Và nhớ, điều này có nghĩa là trình diễn trước một đám đông, một khí hậu... người ta không nhớ rằng mình đã sống, người ta không nhớ bao giờ,

người ta chỉ sống lại một lần nữa (nhiều lần nữa?) một kinh nghiệm hay một số ngày tháng đã từng sống qua, biết tới. Sống lại một lần nữa? Đúng ra là sống một lần khác, một cách khác, như chưa hề sống như thế bao giờ, một cách nào đó, là sửa chữa những thiếu hụt lấp đầy những khoảng trống. Chàng vẫn nghĩ về chính mình: một đời người chưa sống trọn vẹn bao giờ, bị bỏ quên, chưa kịp sống, sẽ không đời nào biết tới những khoảnh khắc đầy ấp mãn nguyện và lạc thú: một đời người chưa hoàn tất nhưng lại là sự đã rồi: một trang bản thảo còn phải viết lại (thí dụ như thế), tức là viết chồng lên những dòng chữ đã một lần viết nên, tức là bôi xóa không ngừng những dòng chữ cũ. Nhớ lại. Viết lại. Đứng trước đời mình, như một trang giấy trắng, một sân khấu trống trơn đang mời mọc, đợi chờ. Chàng biết rằng mình còn phải nhớ lại (viết lại) mãi mãi không thôi tất cả những gì làm nên quá khứ đời mình mỗi lần một cách khác không như một cánh chim trên đường bay cũ, không như những bước chân trên một lối mòn, chàng nhớ, chàng không nhớ gì hết, chàng nhớ, chàng chợt thấy trí nhớ mình chỉ còn là một vùng đất hoang vắng chưa in dấu chân người, chàng nhớ, chàng phủ nhận chính trí nhớ của mình, trở nên một tâm hồn xa lạ, bàng quan, một kẻ đứng ngoài chính cuộc đời của mình, một kẻ ở bên lề (cuộc đời, trang giấy...), một diễn viên chợt bước khỏi sân khấu gia nhập vào đám khán giả vô danh, ẩn mặt, và... Nguyệt. Trở lại với Nguyệt. Tìm lại Nguyệt trước tiên. Một hình ảnh. Một cơ hội. Một điều kiện. Nguyệt như kẻ đưa đường dẫn lối, một tia sáng chiếu rọi vào khoảng tối tăm mịt mù, một tiếng gọi phiêu lưu. Sao, thầy nhớ Nguyệt rồi chứ. Hưng lại hỏi, không, có thể đó chỉ là âm vang của câu hỏi đã thành một điệp khúc giục giã trong chàng, không, có thể đó là câu hỏi của chính Nguyệt vọng lại từ vùng trí nhớ mờ toang. Nguyệt như một tiếng nói bị giam hãm vừa được dịp bộc lộ. Nguyệt như tên tội phạm không cần lẫn tránh nữa, đồng dặc xác nhận sự hiện diện của mình. Đúng rồi. Chàng đã nhận ra Nguyệt, cô học trò gương mẫu đồng thời là tâm hồn chực chờ bốc cháy: một thế giới bình yên với những khủng hoảng gần kề mà có lẽ chàng là kẻ đầu tiên, độc nhất khám phá được; tưởng tượng chàng đã bước

vào cái thế giới riêng tư thầm kín kia với tình cảm của kẻ phạm tội, một hành vi xâm phạm không thể dung thứ được; nhưng đó cũng là một cuộc chuyện trò kỳ thú: Nguyệt có bao giờ nghĩ rằng nàng đã có lần thổ lộ can tràng của mình như một tin đồn thành khẩn và ngoan ngoãn nhất: riêng với chàng điều đó lại trở thành niềm bí mật phải giữ kín như đề trung thành với một lời giao hẹn âm thầm thiết lập nên từ bao giờ, và cũng riêng với chàng, tâm hồn cô đơn nóng bỏng kia (Nguyệt) chợt trở nên gần gũi, thân mật hơn mặc dù giữa họ (chàng, Nguyệt) chưa có đến một lần tiếp xúc hay chuyện vãn với nhau bởi vì điều đơn giản là chàng không có thói quen đó nhất là đối với bọn học trò gái, tuy nhiên điều chàng có thể chắc chắn được là mai đây cô học trò kia đã trở thành một nhân vật, một huyền thoại dưới cái nhìn của chàng, đó cũng là cái cơ để chàng khỏi phải trở mặt ngạc nhiên mỗi khi nghe được một đôi tiếng xì xào về Nguyệt hoặc được dịp nhìn Nguyệt rõ ràng hơn (Nguyệt lãng mạn. Nguyệt kiêu hãnh. Nguyệt liều mạng. Nguyệt tàn nhẫn. Còn gì nữa?) rõ ràng? Thế nào là rõ ràng? Người ta nói về Nguyệt, nhưng người ta biết gì về Nguyệt ngoài những tiếng đồn đại nhỏ to, ngoài những mẩu chuyện tai tiếng được kể lại, thêm dệt thêm, tất cả vẫn không đủ làm nàng xáo xuyến hay xúc động; nàng im lặng, niềm im lặng như thách thức trước mọi trở lực bên ngoài, không hẳn thế, nàng không thách thức ai, đó chỉ là niềm im lặng của một kẻ giàu lòng chịu đựng, nhẫn nhục, chỉ muốn sống trọn vẹn với những mơ tưởng riêng tư của mình, không, có lẽ nàng chỉ là một tâm hồn sớm dừng đứng, lạnh nhạt, không, không, những ước đoán sẽ không bao giờ đúng cho Nguyệt, những ước đoán sẽ không bao giờ đúng cho một người. Nguyệt nói. Hẳn Nguyệt nói thế. Hẳn Nguyệt vẫn muốn mọi người xem mình như một cô gái bình thường với những ước mơ (học hành, dự tính tương lai, chồng con...), những niềm vui, những bất hạnh... tất cả có thể hiểu được, có thể chấp nhận được, tưởng tượng (chỉ cần tưởng tượng) một đời con gái lớn lên giữa một vùng đất hẻo lánh, một đời sống bỏ quên, bị vượt qua, đã đứng lại, và rồi những bất ổn chung quanh, những bất ổn đã xâm nhập vào đời sống, đã trở thành

chính đời sống, không ngừng lớn lên: chiến tranh với bom đạn, người chết, cây ngã đã trở thành cơn khủng bố liên tục, hung bạo. Hẳn nàng không muốn trở nên một nhân vật tiêu thuyết bao giờ. Trái lại, một con người thật. Một đời sống thật. Chàng nghĩ, tự hỏi tại sao, những lý do nào đã thúc đẩy chàng trong ý nghĩ rằng Nguyệt như một giấc mơ, nghĩa là một cái gì không có thật, ở ngoài những trật tự của đời sống. Ý nghĩ về Nguyệt trở thành ý nghĩ về một ý nghĩ, vâng, một ý nghĩ khó lòng soi sáng, tóm thâu, bởi nó chất đầy bóng tối, bởi chính nó là bóng tối không ngừng kêu gọi, quyến rũ. Thế rồi chàng đi tới kết luận (kết luận?), tại sao không quan niệm sự việc đơn giản hơn: thăm kịch nào rồi cũng đi qua, cơn khủng hoảng nào rồi cũng tan biến, đừng quên rằng ngày tháng là liều thuốc tốt, cũng như đời sống cũng có những cách giải quyết riêng cho nó: Nguyệt sẽ lớn lên chút nữa, già dặn hơn, ra đời, gặp một người lý tưởng để yêu và được yêu trả lại, tìm được thú vui và hạnh phúc, thành công, nàng trở thành một người đàn bà như bao nhiêu người đàn bà khác, biết đâu lại là người đàn bà nổi bật với một chút danh vọng nào đó mà nàng xứng đáng để được hưởng, chừng đó có thể nàng sẽ không còn nhớ lại gì, hoặc có dịp nào sẽ nhìn lại thời con gái của mình, nhìn lại những ánh lửa buồn bã đã từng nhóm lên trong quá khứ, tâm hồn dừng đứng quá xa lạ, tự nhủ thầm, tại sao mình có thể rõ đại đến như vậy được kia, sẽ bật cười thành tiếng, vô hại. Ừ nhỉ. Tại sao không. Nguyệt. Xin chúc em một tương lai tốt đẹp. Nguyệt. Hãy gắng lên. Nguyệt. Ngày mai tươi sáng đang chờ. Hẳn là lời cầu chúc (âm thầm) của chàng không quá lớn lao xa vời đối với Nguyệt bởi vì Nguyệt có đầy đủ điều kiện để thỏa mãn niềm mong đợi của mọi người: Nguyệt học thì luôn dẫn đầu trong lớp, Nguyệt thi là phải đỗ, chắc chắn như vậy rồi, không có gì phải thắc mắc, hoài nghi. Bởi vì ai cũng tin nơi Nguyệt. Bởi vì chính chàng, chàng cũng tin nơi Nguyệt. Duy có một kẻ không tin, đó là một tâm hồn mang nặng những lo âu, những bí ẩn, những tình khi bất thường, những run sợ, những ngã lòng, những ước muốn hủy hoại, những đam mê phá phách. Và đó là Nguyệt. Vâng chỉ có Nguyệt mới không đủ kiên nhẫn tin vào chính

Nguyệt. Lần đầu tiên, Nguyệt tìm đến tận chỗ ở của người thầy học (chàng). Và nói. Đó cũng là lần độc nhất chàng gặp Nguyệt ở ngoài phạm vi của lớp học (những nghi lễ, những ước lệ), không hẹn hò, không chuẩn bị, cuộc gặp gỡ vượt ngoài mọi sự mong đợi: tự hỏi, sức mạnh nào đã giúp cho đứa con gái đó đánh bạo tìm đến chàng: động lực nào đã khiến Nguyệt vượt lên trên chính qui ước của mình, một cách nào đó phản bội lại chính mình, bởi Nguyệt trước tiên là một tâm hồn cô đơn, khép kín đến độ lì lợm, ương ngạnh: Nguyệt bỏ cuộc, đập tan niềm im lặng từ lâu vây bọc lấy nàng như một lớp vỏ kiên cố, kín bưng: nàng lên tiếng. A! Nguyệt vẫn không ngừng lên tiếng, bộc lộ can tràng không dứt lời nữa. Nguyệt đó. Nguyệt của những khoảnh khắc thịnh nộ và tuyệt vọng, lần đầu tiên xuất hiện, một ngày mưa trong chuỗi những ngày mưa dai dẳng, kế tiếp nhau, ôi những ngày mưa cũ đạo nào, âm u, ướt át, buồn, chợt hiện diện hơn lúc nào hết trong chàng. Nhưng Nguyệt nói gì trong lần gặp gỡ kia. Đó là điều chàng đang nhớ lại, nghe lại. Tưởng tượng. Hãy tưởng tượng những ngày mưa, ôi mưa như căn bệnh của một đời người (đã đến những ngày vô tích sự ở thành phố rồi đây).

huỳnh phan anh

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

lý trí và hiện hữu

Bạo hành thường trực đe dọa con người trong xã hội ngày nay — ngoài đường phố, nơi giảng đường, dưới mái gia đình, trong bốn bức tường trắng — quanh cảnh thế giới chúng ta đó, một thế giới về chiều, con người đang run rẩy một mối kinh hoàng hấp hối. Có ai trong đời sống làm triết lý, bây giờ, mà không đặt vấn đề về sự cần yếu của triết học thực hiện trong thế giới bạo hành? Triết học dường như không phải chỉ để dành nói về con người, nhưng triết học cũng không khả hữu nếu không ngừng hỏi về yếu tính con người. Vấn nạn đó hàm ngụ sự tìm kiếm ý nghĩa cho chính con người một định nghĩa. Con người bản nhiên là một con vật — như muốn tự hữu, muốn là một cái khác để tự nhận biết là mình phải có lý trí. Người là một con vật được phú cho lý trí (ratio) và ngôn ngữ (logos). Logos hy lạp hàm ngụ ngôn từ, ratio là tính bao hàm khả năng dự tính và suy tưởng. Dự tính chỉ thị sự vén mở những mã số hữu thể luận — phải chăng con người được mô tả như một hữu thể là cái nó không là, bởi vì tự yếu tính người là chính sinh thành, như chính tự thành. Nói như Hegel người mang theo hủy thể tính của chính mình. Con người có lý trí bởi vì con người có khả năng thực hiện hủy thể chính mình, không những điều con người nói về mình, nhưng cả

những gì con người tạo trong cuộc đời của mình. Lý trí được phú cho không phải là một phẩm tính của sự vật, của đối tượng con người bắt gặp, tìm thấy trong thế giới như tìm thấy những cây cối; lý trí không về ra tự ngoại tại, như một tha thể, nhưng tự phác họa như thể trong khi vận chuyển, lý trí là chính lý trí tự phác họa, lý trí trong chính sự vật, lý trí tự suy và lý trí tự hủy. Khả tính phú cho không hiểu theo nghĩa con người có được những bàn tay hay đi đứng; con người được phú cho lý trí như chính lý trí gắn liền trong một thân xác động vật, phải biến đổi qua lý trí và dựa theo lý trí. Lý tính không còn mang theo niềm tin bí nhiệm đã xây dựng lên triết thuyết đại duy lý như thế kỷ XVII, bởi vì lý tính không đem lại những thỏa mãn cho những vấn đề siêu hình dựa trên một vô cùng vô hạn tích cực, ở đó ý niệm phủ định khả hữu, trong khi lý trí là chính sự hài lòng, như một hiện diện vô song, tồn tại ngay trong cả sự vắng mặt của mọi xác quyết tích cực, khẳng định. Hiện diện đơn thuần chỉ khả hữu, như hình dáng hiện vào trong bóng tối, như sự vắng mặt của ngày là đêm, như ý thức trải dần trên vô thức. Con người là chính mình — không gì khác hơn con người — là lý trí, không những chỉ hữu lý, nhưng bao gồm cả lý giằng buộc vào trong một thân xác khốn khổ, đầy những đòi hỏi, khao khát mù lòa, đam mê ngông cuồng. Công việc đời trong cần lao nhân tính, ngày lại ngày, vươn tới nỗ lực nhằm biến đổi hữu thân mang nặng những hành trang trên con đường tiến mà không bao giờ lùi lại được, giao kết trong thường hằng của cuộc sống trôi lên giữa hai vực thăm tương xứng của sự khai sinh và nổi chết. Chết — cái phi thực (Unwirklichkeit) ấy, là một điều khủng khiếp nhất (furchtbarste) phải đương đầu trong sức lực phi thường nhưng không bao giờ chạm mặt; sống là chịu đựng cái chết và tự bảo toàn trong cái chết; tinh thần chỉ đạt tới chân lý khi tự tìm thấy mình trong sự sâu xé (Zerissenheit) tuyệt đối. Con người tình nguyện chấp nhận cái chết, hướng về nó trong tri thức nguyên cơ, người là một hữu thể ý thức cái chết của mình (1). (Phải

chăng một triết học về điều chết bao giờ cũng tuyên xưng vô thần?). Biến đổi, đó là mục phiêu của cả cuộc đời triết lý nơi con người, giản lược cái phần còn hữu lý, nhiên hậu cả con người là lý trí, tưởng chừng như không bao giờ thành tựu. Vẫy vùng, phung phá, biến đổi như thể làm chủ tuyệt đối chính mình, khỏi sự rỗi thất bại, miên tục trong dòng luân lưu của đời sống tương tranh với Tha thể; không bao giờ con người toàn diện là lý trí nhưng cũng đôi lúc là lý trí, đôi lúc là tự do, là thượng đế trong một vài thời khoảng, hiện diện trước thế giới hiện diện, có tích cực bởi phủ định hủy thể tính vô thức; tuyên xưng hữu lý, con người vươn tới sự biểu lộ khao khát được tự do, người là chính niềm khát vọng trong những thời khoảng của hạnh phúc tuyệt đỉnh, của viên giác không thể diễn tả, ở đó người đã sống, đã chấp nhận không phải cho lý trí nhưng chính con người tự thành lý trí. Một lý trí ngay trong cuộc đời phục vụ cho cuộc đời, khát vọng và nhu yếu. Nhưng người là gì? Cùng lý trí đó, người không là cái gì là người, bởi vì người không muốn là cái gì là nó, vì không bằng lòng là cái gì tại hữu, không bằng lòng có cái gì tại hữu. Lý ưng, người lại là con vật biết nói, biết xử dụng ngôn ngữ để nói không trước cái gì tại hữu. Khát vọng tại hữu và tự do thúc đẩy nó biến đổi, nhưng nếu con người phải biến đổi, thì cái cần phải biến đổi, chính là con người. Khởi sự ly cách giữa con người của cuộc sống thông thường với con người triết lý từ đó. Bởi vì con người triết lý muốn trở thành nhà triết học, muốn lý trí mang ý nghĩa, đã bị kết án vào chọn lựa nhưng không phải ở đời sống thường nhật. Lý trí trở thành một cái khác; công việc của đời sống hàng ngày nơi con người thường làm bộ lạ mặt với công việc của nhà triết học; con người triết lý bởi vì hữu lý có thể tự thành nhà triết học, nhưng con người không triết lý bởi vì hữu lý cũng bận rộn với công việc một cánh hữu lý, giải quyết một cách minh mẫn mà suốt đời không cần bận tâm đến triết học là gì. Triết học chắc chắn chinh phục được người khác nếu họ muốn nghe; nhưng có điều là người khác không muốn nghe thì nhà triết học làm gì? Chọn lựa triết lý, không phải vì triết học đã hoàn tất chân lý nhưng chính vì chọn lựa hàm ngụ những khả hữu mà trong muôn vàn những khả hữu quan trọng đối với con người,

(1) X. Hegel: La phénoménologie de l'esprit (Bd Hyppolite, 29)

triết học là một khả hữu tính của con người phụ thuộc vào lãnh giới con người có thể làm hay không thể làm được gì. Người là một hữu thể biết suy nghĩ, biết nói, và lại, con người sống, cảm thấy đang sống trong cuộc đời này, con người có thể làm triết học, tìm kiếm hiểu biết và khôn ngoan. Triết lý trong tình trạng sơ sinh — in statu nascendi... Chọn lựa triết lý, trong khi triết học không thể minh chứng chân lý cho con người, bởi vì nhà triết học đã phải chọn lựa đối với chính mình trước khi chứng tỏ bất cứ điều gì mà mình chứng chỉ có giá trị đối với con người đã chọn lựa sự chứng minh. Khả hữu tính triết lý là một khả hữu của con người, nhưng đã là khả hữu chỉ thị điều có thể thì những khả hữu khác cũng xuất lộ như tự do đối với tất yếu, im lặng trước ngôn từ. Im lặng giả định ngôn từ. Nhưng ai nói? Đó là câu hỏi nguyên ủy chung quanh định mệnh con người, tương quan giữa hữu và ngôn ngữ, đặt lại số phận của văn hóa và tri thức. Ngôn ngữ, ký hiệu, lời thốt ra nhằm đối diện với hữu thể của con người biết nói, phải chăng câu trả lời chỉ tìm thấy nơi chính sự thực hiện cụ thể, chính nơi chữ nghĩa, như Mallarmé đã kiếm được, trong mỗi dòng chữ mỏng manh, mang chất liệu vẽ lại bằng mực trên trang giấy. Con người không ngừng tự xóa mình lẫn vào ngôn ngữ của riêng mình để thực hiện Tác phẩm phối hợp nơi diễn từ. Tư tưởng lại dẫn về diễn từ; ở đó hữu thể và biểu tượng trong tư tưởng cô điển không còn đặt thành vấn đề nữa. Con người hành động một cách hữu lý theo diễn từ. Đối với nhà triết học, chắc chắn diễn từ có một ý nghĩa tất yếu, ngay cả khi triết học phản kháng chống lại diễn từ, bởi vì phản kháng lại nhờ vào một diễn từ khác. Giữa những diễn từ kháng đối lẫn nhau, lý trí trở thành tính khả hữu nơi con người và triết học là một chọn lựa tuyệt đối. Đối diện với triết học, phi triết học biểu thị thái độ biến diễn từ thành thù hận (như trường Hàn-lâm định nghĩa: *Aphilosophia: èxis kath'en ô êchon misologos esti*). Yếu tính triết học dường như vén mở một bí mật trong cuộc tương tranh tư tưởng và giả tư tưởng, nhờ vào diễn từ của đối thủ đối nghịch với diễn từ hữu lý, nhờ vào phi triết học: cuộc tranh đấu thân hữu khởi sự nơi ngôn ngữ, chữ viết có tính cách phá hủy và tự hủy, ngôn ngữ trở thành bạo

động và nhà triết học muốn bạo động tan biến trong thế giới này. Bạo động không còn là vấn đề nhất thời, diễn biến của khoảnh khắc, biến cố trong lịch sử nhưng bạo động là hồi cổ của ngôn từ, khả tính của diễn từ, là thường hằng — mà thường hằng thì luôn luôn thách đố nơi con người. Lý trí và bạo động cùng có tính chất khả hữu: con người thường không chấp nhận luận ngôn của kẻ khác và tìm kiếm thỏa thích trong nỗ lực tranh đấu cho luận ngôn của mình không những có giá trị duy nhất cho mình, nhưng cho mọi người, nỗ lực thúc đẩy thành phổ quát, toàn diện hóa đối đầu với sự tiêu diệt những luận ngôn không phải là luận ngôn chọn lựa; con người chỉ muốn tự diễn như một hữu thể trong bộ diện cảm thấy nơi chính mình, với một ngôn ngữ có thể lãnh hội, chứng tỏ, không phô bày mâu thuẫn bởi vì không mâu thuẫn nào có thể tưởng được. Con người theo đuổi bạo động và bạo động đuổi bắt con người trong vòng luân lưu: tất cả trở thành khả hữu hay không có gì hết. Nhưng toàn thể là cái thực, lưỡng luận hàm ngụ sự hữu lý hoặc muốn trở thành hữu lý. Một lý trí như thể chỉ tại hữu đối với con người trong vòng cương tỏa của bạo động, bởi vì con người không bao giờ ra khỏi lãnh vực mà bạo hành và niềm kinh hãi đều khả hữu. Con người đơn độc trong việc đương đầu với bạo hành, với những gì có thể xảy đến trong dòng hiện hữu tại thế này. Điều nghịch lý phân cách triết học hiện đại với triết học chủ lý chính vì niềm tin nền tảng vào tính thuần lý cũng trở thành nghịch lý: con người tự do nói không trong mọi hoàn cảnh, nhưng không luôn luôn được tự do để hành động. Trước bạo động, con người phát kiến thân phận mọi người đều bình đẳng và diễn từ của mỗi người là phát biểu chung giá trị với tất cả nếu diễn từ ấy mang giá trị với chính mình — cách mạng chỉ có ý nghĩa với đám đông, không phải với kẻ cầm đầu. Lời than thở của mỗi người đóng góp vào triều kích động của tập thể. Vinh danh nơi người chứng thực trong hiện hữu thường nhật và đời sống trực tiếp nhất cũng trở thành triết lý. Thế giới mang ý nghĩa vén mở toàn diện chính nơi người đối với người. Không hình thái diễn từ nhân tính nào tuyệt đối phi lý. Bạo động không còn ra khỏi diễn từ,

nhưng trở thành nguồn thúc đẩy tích cực không một trào lưu nào thiếu được. Ở đó triết học khả hữu. Triết học là một khả hữu khác của con người : trong cuộc đời này con người có thể làm triết lý. Mọi diễn từ triết lý đều bắt nguồn từ động lực của bạo động. Bạo động là một vấn đề đối với triết học : đến đây, chúng ta cảm thấy thất vọng khi lần giở những trang triết lý mà sự lạnh nhạt của triết học, của bản viết vượt ra khỏi hiện tính khiến chúng ta nhản mặt — những vòng giấy kềm gai, khối lựu đạn cay, hay xao động thường trực trong cục diện thế giới hiện đại không để lại những đường nét bằng máu, bằng mực trên trang triết lý — chỉ có những chữ viết bạo động, hương khói của ngọn bạch lạp leo lét, khuôn mặt nhà thông thái cúi xuống trước án thư ? Không, không phải thế, gót giày xâm lược ngày nào vẫn rung động trong tâm hồn nhà triết học trẻ tuổi ngày nào ở Bá linh khi chàng đang soạn bộ Hiện tượng luận về Tinh thần mà tư tưởng vẫn không ngừng khai phá. Tư tưởng vươn mình trên bạo động (trong khi bản đồ thế giới của tinh thần trải rộng dần, triết học thấu gồm lịch sử và địa chí) ; thành quả nghịch lý là bạo động chỉ có ý nghĩa đối với triết học, trong khi triết học chối bỏ bạo động không ngừng. Tuy nhiên triết học chỉ có thể hiểu được và thực hiện với bạo động bởi vì đương đầu với bạo động, bạo động này là phương tiện tất yếu nơi tư tưởng, qua ngôn từ, phát sinh sự chống bạo động trong một thế giới của bạo hành. Diễn từ hình thành, con người lập ngôn trong bạo động chống bạo động, trong phủ định sự phủ định. Có dòng lịch sử đề cho con người tìm kiếm thấy mình, thấy dòng hiện hữu của mình, trong thường hằng chống thường hằng, nhưng chính nơi diễn từ con người có thể ý thức được sự khám phá, trong nỗi ngỡ ngàng và kinh sợ khôn cùng.

Thực hiện diễn từ trong lý trí này, đó là khởi nguyên lý tưởng của triết học. Chọn lựa triết lý, dòng hiện hữu của con người gắn liền với lý tính như chưa bao giờ minh bạch đến thế. Khởi từ bạo động, con người đã chọn lựa diễn từ về diễn từ này trong những thực hiện ở cùng thế giới và thực hiện chính mình, chúng ta có thể nhận thấy mờ mờ một kết luận đến quá sớm là

không những triết học đồng nhất với lịch sử triết học, chính lịch sử cũng đồng nhất với triết học, hiểu như vận chuyển bạo động ngăn chặn thác lũ bạo hành. Không có sự khác biệt giữa con người dưới phổ và nhà tư tưởng khi triết gia dẫn thân xuống đường, gõ cửa mọi xã hội để dán lên thành tri thế giới một biểu ngữ mang những chữ : Ultimi barbarorum.

đặng hùng quân

BÙI GIÁNG

thơ

MẤY ĐIỀU

Chèo ghe ra biển ghé vai
Hỏi thăm cá biển một hai ba điều
Nửa chừng quên băng bốn điều
Cuối cùng sức nhớ năm điều đã quên

CHUNG QUANH ĐỊA HẠT

Chung quanh địa hạt cây già
Trận vui còn uống nước bà trời ban
Chén xanh nhớ buổi chiều vàng
Chén vàng xin nhớ con đường đã xanh

ĐẠP THANH

Én vàng phơ phất ngàn mây
Mở trang trống rỗng trời tây du hành
Dịu dàng mái tóc người xanh
Chết từ buổi hội đập thanh năm nào

HỌC SINH CHUYÊN CẦN

Vội vàng lá đỏ cây xanh
Chẻ hai khoảng vắng tam bành giờ qua
Lá tre chiều đỏ giang hà
Mù sương phồn thịnh thanh trà hải tân
Nam triều phấn đại phân vân
Binh minh cung bậc chuyên cần nhiệm trao
Trời xuân đội nón đi vào
Đất sâu giờ mũ điệu chào năm năm

ĐÊM QUA

Chép lời
Bờ cỏ ra hoa
Muộn từ
Cánh hạt trong tà huy bay
Hang rừng
Thiêm thiếp
Ngủ say
Giờ xuân tao ngộ
Di hài
Thu đông

MỘT

Chân đi bước gió xuân già
Tình sương đánh mất chan hòa tử sinh
Trái cây phồn thịnh rập rình
Giậu rào vây bọc phính đình thâm u
Mười thương em mọi sa mù
Một thương em mọi cũng mù sa luôn

VU VƠ

Gấu buồn
 Beo cộp cũng buồn
 Mưa rừng rất lạnh
 Từng luồng
 Gió đi
 Trông về đồng ruộng đôi khi
 Thị thành tâm sự
 Hoài nghi
 Trắng tà

Ở TRONG RỪNG

Cộp đi từng bước
 Héo hon
 Voi đi lững đững đá mòn
 Trăng soi
 Chị em gái núi u hoài
 Rừng mang dấu vết
 Ai đời
 Hối
 Ai

BUÔNG CẦM

Buông cầm xốc áo vội ra
 Rượu vang đáy cốc còn xa xôi nhiều
 Trái cây hàng xóm tiêu điều
 Kề
 Đà
 Thiều
 Nỗ
 Nắng chiều
 Quanh năm

CỎ LỤC

Xuân đi bước với một ngàn
 Con chim chết với một ngàn cánh bay
 Đạp thanh thời tiết phơi bày
 Rừng cô tịch chết đi hài cuối sương
 Bình minh xuân sắc chán chường
 Màu bông đã chết trên đường đã xanh

XUÂN CỎ LỤC

Ra sông nằm ngủ hai bờ
 Bỏ xuôi ngọn gió theo giờ nảy hoa
 Giẫm sương rớt hột giang hà
 Chắc gì lễ hội gọi là sử xanh
 Gót chân phổ vọng qua thành
 Mừng xuân viễn vọng đêm dành cho đêm

TẶNG THƠ

Tặng về hàng sản lá khoai
 Cây tre hàng xóm bóng soi xuống hồ
 Điệp trùng thịnh vượng để đồ
 Tử sinh trình diện phần tỏ mặt người
 Trang buồn kể tục trang vui
 Trường giang tiếp giáp ngậm ngùi hoàng hoa
 Tặng về cổ quận trời xa
 Mây tuôn gần gũi cũng là chiêm bao
 Người điên cổ lục yêu đào
 Kẻ điên phương cáo điệu chào hồng nhan
 Cơn điên cuộn cuộn ngập tràn
 Tam bành tứ hải ai càng xa ai

TÓC BỐI RỐI

Tóc bối rối xếp vào tờ giấy
 Một hôm nay về thấy hôm kia
 Đạm tiên về rốn đêm khuya
 In pha từ điệu vào rìa mép hoang
 Lá ngậm đủ chữ vàng chữ trắng
 Thu ngàn thu vẫn ngần như thường
 Đi về nô rồn du dương
 Với thiên bạc mệnh một chương cuối cùng

Ở TRONG NÚI

Du dương hai lẽ lên bờ
 Một lai rai bước một lơ dờ đi
 Sông khô biển cạn ngủ khì
 Trận voi sầu khổ sân si đã từng
 Chân mây rậm rạp núi rừng
 Đèo truông beo gấu vui mừng gọi nhau

BÌNH MINH

Bình minh hoa rụng hơi nhiều
 Dư vang ở lại giấu liều điệu vui
 Chung quanh bờ nước không người
 Một vùng khí hậu tươi cười trộm ghi

BÀN CHÂN VỚI NƯỚC

Người con gái lội qua khe
 Bàn chân với nước lạnh đề lên nhau
 Nổi niềm tưởng lại xưa sau
 Bàn chân với nước cùng nhau lại đề

CHÙM HOA XUÂN MỘC

Bây giờ con lại về đây
 Con làm con gái thừa thầy thừa cô
 Tan hoang ngoài lũy trong hào
 Nam đình bữa nọ rồi sao em Kiều
 Đại doanh quân nhạc dập dìu
 Ngàn thu rót hột trang liễu lĩnh hoa
 Phố sau ở lại nhìn qua
 Không gian buồn khổ như là thiên thâu
 Em đi tơ cổ loạn màu
 Chùm hoa xuân mộc có sầu chia không
 Bứng cây về cõi vụn trồng
 Chiêm bao nam diện quên lồng bóng dương
 Bình minh xuân sắc chán chường
 Ở bông quá thắm trên đường quá xanh

SO GIÂY

Chân đi ghềnh đá bước mòn
 Tơ chùng phím loạn linh hồn so giây
 Vĩ dù giải kiết đầu tay
 Cuối cùng trắng mộc di hài sao rơi

CHIỀU MAI

Ùn lên ngọn nước bốn mùa
 Núi phơ phát tuyết cổng chùa tịch liêu
 Hai hàng phượng đỏ giấu liêu
 Từng cơn quạnh quẽ nắng chiều rỉ hoen

NON NƯỚC THANH NIÊN

Các em đầu đội tay mang
 Triều dẫu biển rộng trần gian hẹp hòi
 Ngoảnh về sông cạn cây soi
 Tà huy ngậm bóng hiên ngoài lục lam
 Nội tâm tình tự hội đàm
 Muôn vắn thơ đại khôn hàn cho thơ
 Cõi tuy nhiên ấy bao ngờ
 Giở chừng cổ lục bấy giờ giở ra
 Các em đầu mộng tay hoa
 Tử sinh trình diện chút quả phụng dâng
 Gió sương năm tháng chuyên cần
 Trước đèn hội ngộ nhịp vần hư không

SỬ XANH

Lên rừng rú vượn gầm voi
 Sử xanh hồng lệ đội hoài tiếng than
 Chân đi hồi phục dặm đàng
 Bước đi trùng ngộ mưa vàng xuống sông
 Tinh sương tuế nguyệt lục hồng
 Năm năm cây trọt trái trồng vườn hoang
 Hai bờ mây rộng đã man
 Một miền bốc khói khôn hàn đêm đêm

CHIÊM BAO

Chết từ trận gió sử xanh
 Trước đèn câu chuyện âm thanh không lời
 Gót đi đứng giữa khung trời
 Lang thang lịch kiếp luân hồi vọng qua

Thâm u mộng đồ hiên nhà
 Ngoảnh về thượng đế thừa là chúng con

RẠC RỜI

Bấy giờ mây đứng giữa khung
 Dù lòng biển rộng mông lung sông dài
 Rời chân bước một ra hai
 Bước về chấp nhật ngày mai khôn hàn
 Nỗi vui dừng sống giữa đàng
 Chết từ cuối phố điều tàn thâu đêm
 Tin nhà không dám mở xem
 Chưa từng đã biết hay quên bao giờ
 Mù sương bốc khói hai bờ
 Tiền trình nhật báo nửa tờ trầm luân

MAI SAU

Em về Ải Hạng mai sau
 Nghiêng đầu đón gửi thơ đầu ra sao
 Nước non từ viễn tượng nào
 Về pha bến tịnh mưa trào cõi mây
 Ta đi thương nhớ voi đầy
 Bỏ sông xứ sở sương ngày hoàng hoa
 Trong vườn tím lá mù sa
 Dâng tràn ải lạnh nguồn ma lên trời
 Một giờ tỉnh thức ra khơi
 Sầu reo bến trước đi rời cõi sau
 Em về còn nhớ thương nhau
 Đây hồn vắng sự trong màu cũ se

bụi giáng

NGUY NGỮ

mùa thu

Khung cửa mở trống. Buổi chiều im tĩnh mênh mang, da trời xanh cao, mây trắng nhạt tẩn mạn. Ông Mẫn ngồi bất động trên cái ghế nhỏ, đôi mắt trông ra dọc vơi theo giòng sông dưới chân đồi sáng lóa giữa nắng chiều, trải xa về mạn trên, tầm tắp giữa hai bờ cây, khuất vào vùng núi. Mặt trời chênh dần về hướng Tây. Trước cửa thềm, dưới bóng mát của cây sấu đông già, trên chiếc chõng tre, Quyên đang ngồi đọc sách. Tập sách được mở lớn giữa hai bắp vế, khuôn mặt con bé cúi xuống, mái tóc hơi ngả hoe đồ dài sóng soải quanh vai, cổ áo rộng, màu vải thâm chùng và màu da trắng mát. Có tiếng chim sẻ như vừa đậu đó cả đàn kéo nhau lại rộn ràng reo hát trên cây. Đang chậm chú đọc, Quyên gác cây bút chì ngang lòng sách, ngẩng lên nhìn, quay vào gọi hỏi :

- Bác à, chim sẻ mỗi lần đẻ mấy trứng à ?
- Bốn trứng.
- Bốn trứng. Con cứ quên hoài.

Quyên nói, cười thành tiếng nhỏ co tay trở đầu cây viết gỗ gõ vào trán mình. Bao giờ cũng thế, tiếng cười trong trẻo của Quyên, cười những câu hỏi nói, ông Mẫn cười theo. Tiếng cười và niềm vui xa mờ thì thầm trở dậy lan ấm suốt thịt da. Ông đem thuốc

hút. Gói thuốc mới mua hồi sáng bây giờ chỉ còn một điếu. Gắn thuốc vào môi, gấp chiếc vỏ không ném ra sau, ý nghĩ thoáng qua, tan hăng theo ngọn lửa bùng cháy đầu que diêm : mình hút hơi nhiều. Ngậm khói hít đầy chậm chạp thở tràn khỏi miệng mũi, lừng khừng bay đi giữa vùng vắng gió. Quyên đã trở lại trang sách, đôi mắt đắm đắm, dáng lẽ loi tách biệt với tất cả. Lâu lâu bàn tay nhỏ nhắn đưa lên làm một động tác vắn vơ : hất gọn mái tóc, quay tròn cây bút chì, kẻ một đường dài trên mặt chõng, trải úp xuống lòng sách. Trang này gấp, tiếp sang trang kia. Tập sách kẻ một cuộc đi chơi giữa đồi cây của đám trẻ gái thành phố. Ông Mẫn thở dài. Từng đợt khói thuốc bay đi, tan loảng ngoài khung cửa. Những tầng mây trắng tụ lại chập chùng trên vùng núi đầu sông, cuối tầm mắt.

Cùng cái im lặng của buổi chiều bao la, những sinh hoạt của vùng cửa nhà cuối chân dốc cũng từ từ trầm lắng xuống. Thỉnh thoảng một chuyến xe về, tiếng động cơ mỗi một hất văng lên, tiếng người kêu nhau lạc giọng, tiếng vài ba viên đạn của đám lính gác cầu. Tất cả mê mê tiếp dần vào đêm, như tuổi già, những đời người. Bao nhiêu đời người đã khuất vắng. Đêm sẽ đến, bóng tối sẽ lấp ngợp cả buổi chiều và trăng sao và tiếng gió lùa xô lá cây đen vờ vạt. Rồi mùa thu đông, mưa. Ông Mẫn áp má trên lưng bàn tay, tôi mắt chờ dần trống rỗng. Trông vào Quyên, trông vơi vào cái im lặng bất ngát. Giữa cái im lặng đó, Quyên là một chút ân phúc tinh cờ, man mác pha lẫn ra vơi đất trời sông núi. Điếu thuốc cầm quên đầu ngón tay. Khói xông lên nhoè cả mắt. Và dáng Quyên đứng trước mờ xa đi. Quyên. Khúc hát thì thầm từ những bày biện đã mất : buổi chiều vắng nắng muộn xé soi vào hiên cửa, bà Sinh ngồi vin 4 dây nói ru thẳng Bình ngủ, tiếng hát buồn rượi à à chim quyên đại lắm không khôn, núi Lâm Sơn không đậu đi đậu còn cỏ hoang. Quyên, núi Lâm Sơn, cỏ cỏ hoang ; Quyên xa ngắt bên kia đường chân trời, một khoảng sân gạch nâu mát dưới những bóng cây cau cao ngã dài, Quyên vỗ tay hát cười chờ trăng 45 năm xưa và Quyên thơ ấu trên tập sách giữa buổi chiều cuối hạ nơi này. Chim quyên đại lắm, quyên ăn trái nhãn lồng, quyên bới đất ăn trùn, quyên con bạn mình ơi... Những hình ảnh lan man với cơn buồn ngủ, ông Mẫn tựa lưng

vào tường đuổi dài 2 chân. Điều thuốc cháy đầu bàn tay rủ xuôi, hững hờ, rơi xuống đất, lụn tàn.

Trước hiên, Quyên vẫn ngồi yên lặng cúi vào trang sách. Một lúc lâu sau chợt con bé quay lui nhìn ông già, bắt gặp đôi mắt khép im, nhòe miệng cười gọt khế.

— Bác. Bác nè.

— Gì con ?

Đang mơ màng, ông Mẫn choàng ngồi thẳng dậy, chút thẳng thốt thoảng nhanh qua, đôi mắt trở lại tỉnh táo.

— Bác ngủ à ?

— Không, ngủ đâu nào

— Thế mà con tưởng bác ngủ rồi.

— Ai lại ngồi mà ngủ bao giờ.

— À. Bác đọc quyền Paul và Virginie chưa ?

— Paul et Virginie. Rồi. Mà làm sao con biết quyền đó.

— Trong này người ta có nhắc tới đây nè.

Ông Mẫn mỉm cười. Quyên đọc đoạn sách người ta nhắc đến hai đứa bé thánh thiện, Paul và Virginie, trong tác phẩm của B. de Saint Pierre. Câu hỏi lặp lại một lần nữa cuối đoạn sách : bác đọc rồi à ? Ông Mẫn gật đầu, rồi, và nhớ tới điều thuốc ông quay tìm quanh. Mẩu tàn đã tắt lạnh, âm thâm trên nền đất, ông lượm lên, ném ra xa. Một chút im lặng, câu chuyện được hồi tưởng lại, xếp gọn gàng từng chi tiết mà thời nào còn đi học ông đã thuộc nằm lòng, và bắt đầu chậm rãi kể. Hai đứa bé không cha, hai người mẹ, vùng đất hoang, đám nô lệ da đen trung thành, mấy con chó, người đàn ông lảng giềng, bà cô giàu có của Virginie ở thủ đô nước Pháp gần gũi vua chúa quan quyền, chuyến đi của Virginie, chuyến trở về, tai nạn, những năm mộ chôn cạnh nhau giữa hoang tàn, người đàn ông lảng giềng già nua ngồi buồn rầu kể khóc với kẻ mới đến. Cuối câu chuyện, Quyên thở dài : tội quá bác há, tội mà hay quá bác há. Hai người lặng yên. Rồi câu nói cũ, như vừa chợt nhớ ra, không thể thiếu : bác tài nhất thế giới thiệt. Và cũng như vừa nhớ ra, không thể thiếu được, ông Mẫn vuốt râu cười.

Biết những điều Quyên hỏi đến, đọc rồi những câu chuyện Quyên chưa đọc chưa nghe ai kể là tài ; kể bịa thêm cho đẹp để

thăm thiết vui tươi hơn một chút là tài quá, nhất thế giới rồi. Tiếng nói cười trong trẻo tán thưởng của con bé đã trở thành một thứ âm nhịp quen thân với đôi tai già nua meo mốc của ông Mẫn, một tiếng chim chan hòa.

55 tuổi, rời bỏ hẳn cái ghế đặt khuất sau lưng quầy cao ở ty bưu điện ở trên tỉnh, ông Mẫn trở về nơi này. 59 tuổi đời, bốn năm đã trôi qua ở đây. Bốn năm, không một mong ước đợi chờ. Từng ngày nối tiếp nhau dần trải ra, hút khuất đi ; hôm nay ngó về hôm qua là một đoạn đường vắng tanh khuất nẻo. Căn nhà gỗ, những cánh cửa mở khép hững hờ bên lưng dốc cao, trông xuống vùng nhà cửa quận lỵ nghèo nàn, trông ra giòng sông, trông lên những hương trời vô vị. Một mình ông giữa đám sách vở của đứa con trai đã chết và những dấu vết của người vợ mệnh yếu từ 20 năm xưa đang vương vất còn. Ngày tháng u ám lẽ thê, những kỷ hưu trí cố định, những buổi chiều trong quán nước đầu phố, những tình cảm còn lại ở gia đình bà Sinh và cái ý định loảng rọng lơ mơ với nỗi cô đơn : sẽ chết nơi này. Chết gởi nơi này, nằm vào khoảng đất bên cạnh vợ con, như một ngày nào 37 năm trước đã gói khăn tìm đến. Hai mươi tuổi, ông Mẫn, đứa con trai hoang nghịch của gia đình, sau những xô đẩy, những lỗ thua khốn đốn, đã cầm cái chai lớn ném tung vào mặt người anh, chạy thoát đi, thề không trở về. Mấy chục bạc trong túi, chút vốn liếng học hành, bộ quần áo cũ nhàu độc nhất trên thân thê, ông tìm nạp bọn với đám phu phen đi theo thực dân Tây, qua sông, về miệt Nam, dọc theo con đường xe lửa. Vốn liếng học hành sẵn có cộng thêm sức lao động, sự cần mẫn và tính lạnh lẽo tháo vát, ông được thăng tiến một cách dễ dàng. Hai mươi sáu tuổi, ngừng lại nơi này, ông là xếp của nhà ga MC, một trong những nhà ga quan trọng dọc đường miền Trung. Hai mươi bảy tuổi, cuộc đời lòng bóng của ông đã rơi vào một điểm niu giữ êm đềm : bà Sinh. Bà Sinh son trẻ duyên dáng, nổi bật lên giữa đám gái đi buôn theo tàu. Tháng giêng hai người quen nhau, tháng sáu, lễ cưới được làm với tất cả sự bảo bọc thương yêu của gia đình nhà gái. Tháng tám năm sau, tháng Bính ra đời. Mừng ngày khảm tháng Bính, ông

bà ngoại dành riêng cho đôi vợ chồng trẻ ở căn nhà này. Bà Sinh không đi buôn nữa, ở nhà lo chăm sóc chồng con. Tóc vấn cao, bà vừa làm vừa hát thì thầm, nụ cười thường trực trên môi, đôi mắt sáng vui. Mỗi trưa mỗi tối, ông từ ga về ngồi bằng phẳng Bình đưa trên chiếc võng mành giữa hai gốc mít lá rậm xanh bốn mùa có trái, nhìn lại bà Sinh nấu ăn cuối hiên nhà. Rồi những biến chuyển dồn dập đến. Ông bị đòi lên ga lớn thay người sắp vừa chết, ga lớn bị dội bom, ông tiếp sang ga khác và bắt đầu liên lạc với đám bạn bè trong hàng ngũ kháng chiến. Nhà ga liên tiếp hết cái này sang cái kia bị bom Nhật dội nát, đường sắt đứt tung nhiều đoạn, giao thông như bị đình trệ hẳn. Ông bỏ ga, sau những suy nghĩ ngắn gọn, ông chính thức theo bạn bè bước vào hàng ngũ, cầm súng bắn Tây. Người em trai bà Sinh học chưa xong thành chung cũng theo ông, bỏ trường lên rừng. Cuộc đời của ông, của gia đình bà Sinh, đã hoàn toàn ở vào một chiều hướng, một kiến trúc mới đầy bất trắc kinh hoàng.

Năm Bình được 3 tuổi, bà Sinh bị bọn Tây bắt hiếp chán chê rồi bắn đổ sập xuống giữa đám người chúng đi lùng kiếm bắt được đâu những miệt dưới. Bình eo uột lớn lên trên cánh tay bà ngoại, 6 tuổi, được theo một người di mang về tỉnh cho vào trường mẫu giáo. Chiến tranh chấm dứt, năm 1945, giòng sông mà ngày nào ông Mẫn hẳn học vượt qua đã trở thành một thử biên giới khốn nạn: Bến Hải. Ông ở lại với con, nhìn theo từng đợt bạn bè nổi nhau tập kết, lời hẹn điệp trên môi: hai năm tổng tuyển cử xong tôi vào. Hai năm qua, những hai năm khác qua, hình ảnh cuộc tổng tuyển cử nhạt mờ dần, và giòng sông càng lúc càng đen sâu thêm. Bình lớn khôn bên sự chăm sóc của cha, mỗi năm học lên một lớp, hết bậc này sang bậc kia, ngoan ngoãn và cương quyết một cách lạ lùng. Ông Mẫn được thu vào làm ở tòa hành chánh tỉnh một năm rồi qua ngồi luôn ở ty bưu điện cho tới ngày hồi hưu. Hai cha con ở chung một căn nhà nhỏ số lượng hàng tháng vừa đủ đắp điểm qua ngày Bình 3 tuổi mồ côi mẹ bệnh hoạn xanh xao đã trở thành một thanh niên hai mươi tuổi, học xong bậc tú tài, mạnh khỏe khôi ngô đầy tin yêu, bước chân vào đại học.

Bao nhiêu năm ông Mẫn đi qua những bưng biển kháng chiến,

những sở ty tòa quán phố, những chung đụng gần gũi, vài ba người đàn bà thoáng tiến lại với ông, gọi lên những mơ màng nhà cửa vợ chồng; nhưng rồi cũng chẳng đâu vào đâu cả. Bà Sinh với tình yêu nồng ấm, những hẹn hò xếp đặt và cái chết đôn đau khốc liệt, đã hòa tan vào mộng mệnh, ám giữ lên tất cả, không người mất trong mắt nhìn, trên khuôn mặt của đứa trẻ. Bình là niềm an ủi, là điểm tựa cho tất cả hy vọng của ông thu góp nhăm vào là cái mầm cây non hồng mà ông phải mang hết sức mình và che chở vun quén. Bình đỗ đạt ra đời, đi dạy và còn hăng say tiếp tục học lên nữa. Năm 1963, đang dạy học, Bình bị gọi vào lính; năm 1964, ra khỏi trường bộ binh, bỏ đi đơn vị tác chiến, chưa kịp làm thủ tục lý do gia cảnh xin về nguyên quán, một tháng sau, tử trận. Tai họa gọn gảy tàn khốc như một nhát mả tấu to bằng sắt ngọt chém bổ thẳng vào mặt không thể né tránh chống chọi. Ông Mẫn khóc lóc, ngơ ngẩn hẳn. Suốt cả năm dài nằm bệnh viện, về nhà nghỉ dưỡng, trở vào bệnh viện. Năm 1965, ông được phép hồi hưu. Cái ghế sau quầy cao đã được thay một người con gái lạ.

Từng sự kiện kết nối vào nhau chập choạng giữa thời gian như một vùng rừng già đầy tiếng vầy kêu cho nhóc, ông không đủ sức quay ngoắt tìm về. Bên kia sông những cửa nhà mở mã của thời ấu thơ xa gần. Bên này sông, nhà cửa quê quán vợ và mã mồ vốn liếng một đời tròn tha hương thu nhặt. Sau lưng vùng nhà ga hoang phế đầy cả tranh, cuối bãi tha ma lớn, nắm mộ Bình được đặt nằm bên mẹ, hai tấm bia trắng ửng và một miếng đất trống có cọc đóng rào quanh để dành phần cho ông. Một mai một chiều nào đó, hơi thở cuối cùng hắt ra, tay chân xuôi rũ, ông được mang đến với vợ con. Có tấm bia đã đúc sẵn, dựng lên: Hoàng Đăng Mẫn, sinh ngày tháng năm, chết ngày tháng năm, thọ...

Căn nhà cũ, những bờ tường vôi hư lỗ không buồn tưởng tới chuyện sơn đổi, những lớp mái lợp thay qua bao nhiêu lần, những tấm gỗ mục rã dần và cái bia ciment dựng nghiêng vào

gốc cây sau hè, khoảng cỏ xanh trải ra giữa bốn hàng cọc thấp, âm thầm cuối bãi tha ma trên đồi. Nơi này lầy lất ra vào, nơi đó mê man với trời đất nghìn năm, Sinh kỷ, tử qui. Đi dần rồi cũng đất đai và sự tàn úa quên lãng, có con cháu đầy đàn, tộc họ đàng đàng rồi cũng chừng đó. Không cần tìm kiếm gì hơn nữa.

Những quyền sách gối đầu, vung vãi trên giường chiếu, những bữa ăn một mình, những cánh cửa mở ngó ra và cái im lặng điệp trùng. Bây giờ giá quân viễn chinh Mỹ có đổ qua thêm vài triệu nữa, chiến tranh có dài thêm vài trăm năm nữa hoặc mai sớm có hòa bình phổ đầy cờ bay đường sá ngập người hay lực lượng bên kia bắn hỏa tiễn vào, tàu bay Mỹ dội bom xuống nát bét hết; với ông, cũng chẳng ăn thua gì cả. Ông là kẻ đứng ngoài hết những biến động, cái bóng già nua xiêu tàn trong một xứ sở riêng. Cõi chết như tấm thảm xanh sâu dẫm trước, nơi ông đã đầy áp hèn hờ: vợ con, những bạn bè thân quen, những người hôm qua hôm trước. Ông đang nhìn tới nhân hạ bước tới, bao nhiêu vương bận đã sạch sẽ dần dần sau không quê quán, không tài sản, không con cháu, không luyện thương 59 tuổi, những buổi tối quay đầu vào tường cầu kinh cho đến khi mỗi rời nằm xuống lã vào giấc ngủ, mai sáng thức dậy muộn, né vui khỏe trong người ông sẽ đi mức nước tưới mấy chậu hoa bằng không, sẽ nằm đến khi dậy nấu ăn trưa luôn, và buổi chiều một mình đi xuống dốc, vào vùng quán chợ, ghé lại quán café của người em họ bà Sinh mua gói thuốc, ngồi uống tách nước ngó ra sông, ngó mông lên núi xanh mờ.

Rời từ đầu mùa hạ này, những buổi sáng ông Mẫn không có dậy trễ nữa. Sáng nào nước cũng được xách đồ đầy thùng, tưới hoa, tưới cây, tưới rau, tưới ướt cả khoảng sân và nền nhà. Những chậu hoa đặt lộn xộn, suốt năm bỏ bê, bây giờ được sắp xếp lại vui mắt trước hiên, không còn một ngọn cỏ hoang quanh gốc. Mặt trời vừa lên, nắng còn mát, tiếng gáo nhôm đã khua chạ vào miệng thùng với tiếng cười đùa già trẻ. Từng gáo nước tưới xối mát rượi qua bàn tay, đôi bạn vừa chăm sóc cho hoa và chuyện trò. Một đầu tóc đã ngã bạc gần hết, một đầu tóc mới dài rủ lòa xòa chấm vai và những ngọn lá ướt xanh sáng lên gi

nắng. Ông Mẫn và Quyền. Quyền không bay lên Đalat núi cao lại tìm về vùng cỏ hoang nghèo khó này. Sao thế? Con thích thế mà, năm ngoài con lên Đalat rồi, Đalat đẹp nhưng lạnh và sương mù ghê quá, bác lên Đalat rồi chờ, bác sợ sương mù không?

Quyền là con của người em trai bà Sinh — người ngày trước đã theo ông bỏ học lên rừng, bây giờ đang được thăng quan tiến chức với chính phủ bên này. Quyền ở với cha mẹ trên tỉnh từ thuở mới lọt lòng, lâu lâu tết nhất cũng giỗ gì đó lại về thăm quê nội một lần. Mùa hạ mỗi năm, nghỉ học. Quyền được cha mẹ gọi đến những gia đình bà con ở Đalat, Nha trang để thay đổi không khí. Năm nay thay vì lên Đalat với ông cậu như năm ngoài, Quyền lại về đây với bà nội. Sau một tuần đầu lạ lẫm sợ sệt, Quyền đã trở nên thân mật với ông Mẫn. Để được thân mật hơn, ông Mẫn đề nghị xin cho bé Quyền đổi cách xưng hô, tiếng xưng được thay bằng bác: bác Mẫn. Bác Mẫn của Quyền tài ghê, bác của con giỏi nhất thế giới, bác trồng hoa đẹp quá nội à, bác sống cả năm thế này mà không buồn sao, bác thương Quyền không, bác quen với cụ Hồ chí Minh không, bác thấy vua Thành Thái nữa à, bác nhất thế giới thiệt. Bác nhất thế giới, bởi lẽ không có một chuyện nào Quyền hỏi mà bác không biết đến cả. Từ vua Thành Thái bị đày về cho đến cụ Ngáo cụ Trâu, từ ông Hồ chí Minh cho đến Nguyễn Trường Tam, từ La Fontaine cho đến Nguyễn văn Vĩnh. Bác Mẫn nhất thế giới. Quyền vẩn vơ quanh ông suốt ngày để nghe chuyện, theo ông lên đồi thăm mộ, theo ông đi lang thang dọc đường sắt nát hự, nghe nhắc đến những con tàu chạy đường dài cả ngày lẫn đêm qua hàng trăm ga trạm thăm mù, theo ông vào những thung lũng hái hoa trái dại, nghe nói về từng thứ: trái ăn được, trái ăn thì say, trái ăn có thể chết, hoa chỉ nở một ngày trong năm, cây có rễ độc, cây có thể làm thuốc bắc... Cứ thế, gần hết cả mùa hè. Bao nhiêu câu chuyện kể mà đầu óc non nớt của Quyền chưa thể tưởng tượng tới. Bao nhiêu hoang đại lạ lùng phơi mở ra trên từng phiến đá, thân cây. Và những câu ca dao ví von, những khúc hát ngộ nghĩnh của đám trẻ ngoài ngõ, nghe quen dần, thuộc nằm lòng, hát theo. Trong một câu hát, tình cờ bắt gặp cái tên mình là tên của một giống chim, Quyền vỗ tay cười ròn tan. Chim quyền huỷ, ăn trái ý a nhãn lồng, ời con bạn mình ời...

Quyên hát, ông Mẫn hát, bốn bàn tay vỗ đều nhịp, hai con mắt già nua đắm đắm trông vào khuôn mặt ấu thơ, tiếng kêu nhập nhòe xa trong khúc hát điệp tới điệp lui : ơ con bạn mình ơi.

Mùa hạ, Quyên là ngọn gió ấm nhỏ hoang đường từ một vùng mùa xuân nào đầy hoa trái bên trời xa, lạc hướng lẽ loi thời về, tràn vào đất đai vắng lạnh của ông Mẫn, khua thức dậy những niềm vui mờ dưới lớp bụi đầy. Ông tìm đọc lại tài liệu, bước mớ tri nhớ, tưởng tượng thêm đề những câu chuyện kể cho Quyên nghe được đầy đủ chi tiết, hấp dẫn hơn, khó quên hẳn. Mỗi sáng mặt trời chưa mọc, Quyên đã sang, len vào cánh cửa khép hờ, gọi thức ông dậy lo ăn sáng, uống café, xách nước tưới hoa. Buổi trưa, Quyên ở lại ăn cơm, ngủ, thức dậy, đọc sách, đợi nắng nhạt mát theo ông đi lên đồi, xuống xóm dưới hoặc ra phố chợ đi lang thang. Ngày nào cũng ngần đó, đã trở thành một thứ thói quen, như tất cả đám dân ở đây đã quen mắt với cái dáng của hai người : ông già tóc bạc áo lụa rộng thùng thình, đi chậm rãi và đưa bé gái tóc bay lòa xòa, hai cánh tay trần, bước chân sáo, miệng riu rít chuyện trò.

Và với ông Mẫn, từ cái nhí nhảnh vui đùa của Quyên, một khuôn mặt khác trong ngôi ngoai vắng vẻ chợt thì thầm thức dậy, máng vào vóc dáng Quyên, vờ vật xa gần. Quyên ngại ngùng lễ phép thưa đáp, Quyên thân mật rồi rít vầy tay bác ơ bác nê. Quyên, và niềm vui xa xưa mơ hồ tác động vào tất cả. Một hôm nào đang đùa giỡn ông chợt nhận được điều đó, lặng yên đi một lúc. Khoảng sân nắng, bóng cây che im, gió nhẹ, đưa bé gái, khúc hát ngộ nghĩnh và một khoảng sân khác, màu gạch đỏ nâu dưới bóng cây, những thân cau cao nghều thẳng tắp, những đứa bé khúc hát buồn cười. Có một đứa bé gái ở đó. Có một đứa bé gái tên Quyên. Quyên. Đứa bé gái tên Quyên 12 tuổi, trong trò chơi thẹn thùng không dám nắm lấy bàn tay ông. Đứa bé gái tên Quyên, đứa bé trai tên Mẫn, hai đứa ở chung xóm, nhà gần bên bến đò ngang sang tỉnh ; Quyên có giọng hát cao vút, Quyên nuốt tóc dài vấn gọn lại như người lớn ; Quyên 12 tuổi, 13, 15 tuổi Quyên lấy chồng. Hình như Quyên lấy một người nào đó đã được

gia đình đính ước từ thuở mới sinh, hình như sau Quyên có về làng tay bồng con gặp ông cười chào cúi mặt, hình như đời sống vợ chồng Quyên không được hạnh phúc lắm, Quyên áo trắng phơ phất trên con đò ngang sông. Rồi sao. Ông cũng chẳng còn nhớ được nữa. Đã quá xa quá lâu đi rồi. Nhưng Quyên, tên Quyên, tên của giống chim đào đất ăn trùn. Bởi lẽ đào đất ăn trùn là cái đề tài được đem làm bài hát trong trò chơi dung dăng dung dề dưới trăng. Bây giờ Quyên ngày trước đó đang ra sao. Câu hỏi ngẩn ngơ thăm thăm căng lên trên đường chân trời phương Bắc. Quyên đã chết, đã khuất vào cát đất im lìm hay còn già nua tay lấm chân bùn trên ruộng đồng buồn thảm, giữa con cháu đầy nhà, trong hợp tác xã, trên công trường, dưới hầm trú ẩn bùng mặt ngó lên từng bầy tàu bay ngang trời, run rẩy thoi thóp theo tiếng bom gầm xé, miệng đầy những danh từ cách mạng vô sản cần lao.

Quyên bây giờ ra sao ? Ba mươi bảy năm ở bên này sông, mặt mù phân lý tang tóc, hầu như chưa bao giờ ông ngoài đầu quay lại, đặt câu hỏi. Quyên ngần ngất với tuổi nhỏ. Ba mươi bảy năm giữa cuộc đời, đã qua, đã rồi.

Tuổi già, cái chết chơi vơi đợi chờ đằng trước và bên cạnh, tiếng hát thơ ấu trên đôi môi non hồng của Quyên. Ông Mẫn cúi xuống nhìn vào khuôn mặt con bé, nhìn sâu vào đôi mắt sáng trong, mơ hồ thấy những cây cau lay lắt giữa chiều. Quyên. Có một kết nối nào giữa Quyên ngày trước theo chồng qua thị trấn bên kia sông và đã chết, đầu thai vào kiếp mới, đắm đắm theo nỗi tiếc xưa, tìm đến gặp lại ông nơi này. Câu hỏi hoang vắng xưa những lớp gai ốc mọc dậy trên da thịt với con rừng mình : Quyên, con có nhớ gì không ? Giá mà ông hỏi thành tiếng, chắc con bé sẽ không hiểu, sẽ ngạc nhiên một chút rồi phá cười ròn. Nhớ. Làm sao con bé Quyên bây giờ có thể nhớ đến được màu da trời xanh thắm trên những ngọn cây cau hàng đỏ dài xuống nền sân gạch, những bàn tay vỗ, tiếng hát cười, ngọn tóc vấn gọn quanh khuôn mặt bầu bĩnh của bốn mươi mấy năm về trước, trong tuổi thơ ơng. Quyên vẫn hồn nhiên hát. Ông Mẫn ngồi lặng yên nhìn. Đôi mắt nhìn Quyên, nhìn về phía trước, mở ra một mờ.

Câu hát cuối cùng : ơ con bạn ý chàng hiu. Bao giờ Quyên cũng hát kéo dài ra nghiêng đầu hay làm dáng và cười ngật nghiêng.

Ông Mẫn vuốt nhẹ mái tóc mềm nhàu của Quyền, cười theo, lắng nghe con mơ phai nhạt và chút tiếc nuối xa xăm : con bạn mình ơi.

Con bạn mình, Quyền 12 tuổi, bàn tay mát lạnh, con bạn nhỏ êm đềm ngày xưa. Cùng tất cả, Quyền bị bỏ rơi hững hờ sau sự liều lĩnh của chuyến đi, rồi khuất hẳn vào cái bóng bà Sinh, lấp sâu dưới những thu dọn, lấp sâu dần. Không còn dấu vết để bới đào ra được nữa. Quyền là người tinh đầu của ông. Quyền và tình yêu ban sơ thánh thiện, thứ tình cảm đẩy lên từ sự thiếu vắng nghìn đời vạn kiếp mà tuổi 14, 15 của ông chưa thể cảm nhận được, nhưng nó đã bắt ông mơ mộng kiếm tìm. Ông nhớ nhung thần thờ đợi Quyền, ông cảm động nôn nao khi cầm bàn tay nhỏ nhắn của Quyền, ông giận hờn khi thấy Quyền thân mật với một đứa trai khác, ông nghe Quyền hát hay hơn mọi đứa gái khác, ông tìm cách để gần gũi Quyền. Rồi Quyền lấy chồng khi chưa đủ lớn khôn, tình yêu non yếu đó là nỗi buồn mệnh mang thăm kín. Bao nhiêu mơ mộng loảng tan và hàng trăm ngàn biến động khác mọc nổi theo, chồng chất lên, chập ngạt hết một đời người, mãi tới hôm nay với con bé Quyền bây giờ, tất cả được băng khuâng thức dậy. Tiếp sau cái tuổi thơ đã bỏ quên đó, từng cảnh đời được lan man vẽ dài theo. Không có bà Sinh, không có ga CM, không có thằng Bình, không có chiến khu, bom Nhật, đường Tàu, không có người công chức già ở ty bưu điện. Không có gì hết. Cuộc đời ông sẽ ra sao đó trên khoảng sân gạch đầy bóng cây cạnh ngõ nhà Quyền. Không còn gì hết.

Con bạn Quyền ngày trước đã muôn trùng, con bạn Quyền bây giờ đang thơ ngây cười hát. Khúc dân ca miền Nam. Ôi con bạn mình ơi... ơi con bạn chàng hiu...

Trên khoảng sân mùa hạ, dưới bóng cây sồi đông, một đôi bạn, trong sự sắp đặt lạch lạch buồn rầu : đưa con trai gần đất xa trời và đưa gái còn tình sơ bé bỏng.

Con mơ thấp thoáng phai, thấp thoáng hiện lên, suốt những ngày mùa hạ. Từng món ăn nhỏ ông Mẫn đề dành cho Quyền, nấu ra vì Quyền, ăn chung với Quyền. Quyền thích ăn canh rau dền ;

bát canh được nấu ra, đặt giữa chiếc chõng tre cạnh nồi cơm nhỏ, và trong trí tưởng xa mờ của ông có dáng con bạn Quyền ngày trước bên bát canh hiu hắt ngồi chờ. Hình như Quyền cũng thích ăn canh rau dền. Hình như những gì đang có ở Quyền bây giờ đều đã có ở Quyền ngày trước. Từng câu hỏi ngây thơ, từng cử chỉ biểu lộ lòng dễ xót thương, từng thói quen, từng ý thích, từng tật xấu, từng tính tốt. Năm mươi chín tuổi già, ông Mẫn lang thang giữa thời gian không gian nhập nhòa lú lẫn đó. Hai bác cháu trong những trò chơi trẻ nít, những khúc hát ngộ nghĩnh, những lúc im vắng với mông mênh. Và mùa hạ từng ngày với dần đi. Một điều hiển nhiên không thể quên được : Quyền sắp xa. Niên học mới, Quyền trở lại trường, mùa hạ năm sau, Quyền lên Đà-lạt như năm ngoài năm kia. Quyền lập lui lập tới lời hẹn mỗi lần nhắc đến chuyện ra đi : sang năm con sẽ về đây với bác, Đà-lạt lạnh ghê mà, con sợ lạnh lắm. Quyền nói, co vai rùng mình cười. Ông Mẫn cười, gật đầu, biết Quyền sẽ quên lời hẹn rất nhanh, sẽ không bao giờ về đây trong những mùa hạ khác, và tin : chắc sang năm con bé lại về.

Buổi chiều dịu mát, mặt trời sa thấp xuống dần, ông Mẫn sửa soạn nấu cơm. Quyền áp cây bút chì vào giữa ruột, gấp sách lại, gác lên chõng, đi tìm củi khô bẻ nhỏ mang lại nhúm bếp. Ông Mẫn đứng đong gạo bên sau cánh cửa, cầm cái lon nghiêng đầu hỏi ra :

- Tối này con nghe đói không, Quyền ?
- Dạ đói ghê mà. Gì thế bác ?
- Gì đâu, để bác đong thêm gạo.
- Ăn cho thật no rồi mình đi xuống phố chơi bác hà.
- Ừ, ăn no rồi đi chơi.

Quyền mang cây đèn dầu hỏa và hộp diêm đến sau gốc sồi đông quẹt đốt, đẩy bóng lại, mang về bếp bắt đầu mồi vào đồng củi. Quyền lúi húi một mình có vẻ quen thuộc, sành sỏi. Đồng củi bắt cháy, đợt khói trắng theo gió tạt tràn lên, Quyền nhắm nghiền hai mắt chờ khói tan, củi xuống thoi cho lửa bùng dậy. Ông Mẫn mang nồi gạo vừa vo xong đến đặt lên bếp, ngồi xuống bên Quyền.

Hai người trên hai cái đôn nhỏ, bốn mắt chăm chú nhìn vào ngọn lửa vương vít ôm quanh đít chiếc nồi đất. Nhớ đến một câu đố, ông Mẫn đem đố, Quyền đoán trúng và cả 2 cùng bật cười. Nước trong nồi chớm sôi, Quyền dõ vung ra, nói đến cơm nấu nồi đất bếp củi ngon hơn cơm nấu son nhôm bếp điện. Ông Mẫn khêu khêu cái que nhỏ, nheo mắt làm bộ:

— Thế à. Thế mà bác không biết kia.

— Chắc bữa nào lên phố con thêm cơm nấu thế này lắm bác hả?

—Ừ, thêm mà về, không thêm con quên mất cả bác, còn gì.

— Quên sao được.

— Gì không được.

— Đề bác xem, gì rồi sang năm con cũng về mà.

— Sang năm.

Ông Mẫn định nói gì đó chợt quên lửng. Hai tiếng nói lạc rời vô vị thoát khỏi miệng, môi lưỡi khựng lại với đầu óc tối tăm. Con bé tranh lấy cây que khêu lửa, vắn vơ kẻ kẻ xuống đất.

— Sang năm con lên lớp đệ ngũ rồi.

—Ừ, con nhất thế giới mà.

Nghe ông Mẫn nhại theo cách nói của mình, Quyền ngửa mặt cười:

— Còn bác sang năm bác đứng thứ mấy?

— Bác đứng cuối cùng hết, đứng chót.

— Sao thế bác?

— Bác già rồi.

— Sang năm bác bao nhiêu tuổi?

— Sáu mươi tuổi.

Một khúc củi cháy ra tận phần bên ngoài, Quyền cầm lên dục gậy đoạn than, gác vào bếp, lửa chụp vắn quanh lấy, màu da củi sạm dần, mù đi. Hai người ngồi lặng yên. Một lúc sau, hình như biết người bạn già đang nhìn mình, con bé quay lại, đưa tay vén ngọn tóc đỏ trước trán, nhoẻn miệng cười. Quyền cười, ông Mẫn cũng cười. Cười, theo hướng mắt Quyền, lặng lẽ nhìn vào bếp lửa, cơm đang sôi, bọt trắng đùn lên trên miệng nồi, chảy nhai xuống và nổi ngậm ngùi rưng rưng: mai mốt, những nồi cơm đun

nấu một mình. Những nồi cơm nấu một mình, ăn một mình, chén dĩa lẽ loi giữa ngày tháng dài đằng cho đến một hôm nào đó, vắng hoe. Sáu mươi tuổi già, không còn một bếp củi mâm cơm nào với những giận hờn, so đo cho nhau, chén đơm chén mời, ăn, chuyện trò lo lắng về hôm mai những bữa cơm chung khác. Trẻ nãi hết cả rồi. Những bếp lửa đâu đó giữa đất trời lồng lộng phân ly. Từng que củi khô, từng chút khói mờ, từng ngọn lửa hiu hắt cháy. Bếp lửa của Quyền ngày xưa không có phần cơm cho ông, bếp lửa của mẹ con thằng Bình trên cõi khác ngồi nấu đợi chờ, bếp lửa của Quyền ngày mai ở nơi khác. Và bếp lửa chiều nay, giữa tàn úa của một ngày cuối hạ. Lửa cháy, tiếng củi nổ tí tách, cơm cạn, đôi đũa xới, cái vung đập vào, hai người già trẻ ngồi bên nhau. Cơm sắp chín, sắp được bày ra ăn trước khi hai người đi tản bộ một vòng dọc vùng quán phố dưới chân dốc như chiều hôm qua hôm kia. Rồi một sáng sớm nào mai mốt đây, Quyền ôm cặp ra đi, mùa thu đông đến, ông miên man nằm tưởng tới khoảng cỏ xanh trống giữa mấy chiếc cọc nhỏ, trên đồi. Mùa hạ năm sau, năm sau nữa, ở xa xôi nơi này, Quyền khôn lớn chồng con, và ông là năm mộ hoang lạnh, những ngày cúng giỗ rạc rời cho đến một hôm nào tất cả đều quên bằng, chợt nhớ ra: trước ở đây có một người tên Mẫn.

Mẫn, một người, một khoảng nhỏ huyệt trống trên trái đất thăm thẳm trong chiều quay. Không còn bao lâu nữa.

Chợt ông Mẫn gọi khẽ:

— Quyền à.

— Gì bác?

Quyền quay lại, chờ nghe câu nói. Không có câu nói nào sau tiếng gọi cả. Ông Mẫn không biết nói gì, không biết vì sao mình gọi. Ông lắc đầu, gập mặt vào gối, nhìn khoảng đất khô trắng giữa hai bàn chân. Chắc cũng cảm thấy sao đó, Quyền không hỏi gặng như bao nhiêu lần trước nữa. Một lúc sau dọ chừng cơm vừa đủ chín, Quyền kéo hết củi còn cháy trong bếp ra, dập tắt, lùi vào tro, vun than đỏ lại dưới nồi, đứng lên nói khẽ:

— Đi hái rau bác à.

—Ờ, hái một nắm rau.

Như vừa thoát khỏi giấc ngủ mê, ông Mẫn đứng dậy theo Quyền chậm chạp đến bên hàng đậu. Quyền lảng nhãng nhắc đến một loại rau có lá giống như rau dền mà hai bác cháu bắt gặp bữa nào trên thung lũng và đi dọc bờ đậu lom khom nhặt hái. Suốt mùa hạ, Quyền đã quen hết những công việc. Quyền biết phân biệt nhiều loại rau dền, biết đổ đúng mực nước, đúng lúc cơm sôi cơm chín, cách nhen lửa, gạt lửa, và cùng lúc phá bung hết những thói quen, những sắp đặt của ông Mẫn. Rồi mai mốt Quyền đi, tất cả đó ông có còn tìm kiếm níu giữ lại được không? Gối thuốc xanh mua từ chiều hôm trước đến chiều hôm sau mới mua lại, sau bữa im tối ngồi nấu đun nhai nuốt một mình. Quyền đi, lượng gạo mỗi bữa sẽ trở lại như cũ, mực nước sôi không quá miệng nồi, đôi đũa cái chén sắp thêm và Quyền sẽ bỏ không, những sáng dậy trễ, những tối ngồi bất động nhìn vào mặt tường đến mỗi mê đi. Từng thứ, từng chút một, nhỏ bé và buồn thảm. Quyền vẫn lom khom bên đậu. Ông Mẫn tựa lưng vào thân cây sấu đông, lặng lẽ trông xuống vùng quán chợ nghèo nàn héo khô dọc bờ sông cuối chân dốc. Mặt nước sông sáng lóa giữa nắng chiều, và tít trên xa, mây trắng lớp lớp ủ chùng trên những đỉnh Trường sơn. Mây đã về, những cơn mưa sắp đến.

Một đợt gió kéo tròn qua rì rào trong lá cây. Vài ba ngọn lá rụng bay quay quay ra xa. Hình như chim chóc đã rủ nhau đi đâu hết cả, ông Mẫn nhìn quanh, không còn nghe một tiếng hót réo nào. Mùa hạ đã hết. Mùa thu, những cơn mưa man thiên ngợp trời trắng đất, hoà hũ gạo trên mái nhà, gió bắc từ mạn núi thổi về suốt đêm ngày giá buốt, da trời trắng ửng, những bếp lửa củi khói âm ướt, những bữa cơm chén đũa một mình. Tất cả, như một đồng lửa quá đời rộng lớn chật chội, xô ông rơi sắp xuống sâu vào cái quạnh vắng của đoạn đời tàn. Làm sao cho ông còn nghe được tiếng đùa cười của Quyền trong các phòng học cửa kính khép kín sáng đèn, giữa ngàn thông xanh muốt hơi sương, trên bãi biển cát vàng. Ơi con bạn mình ơ. Quyền chăm chỉ ngắt hái, cái dáng bé nhỏ bên triền dốc nổi rõ lên trên nền mây xa và câu hát thấp thoáng trong trí tưởng ông Mẫn, với nỗi buồn, lặng lẽ nổi dài thêm, chia hăng ra bay vào bao la : ơ con bạn mùa thu. Quyền là con bạn nhỏ sắp xa với mùa thu. Quyền đi, không bao

giờ trở về lại nữa và dù trở lại cũng bằng thừa. Nỗi buồn như những đợt sóng lớn từ thăm thẳm ủa tràn lên, đôi mắt nhìn nhòe nhòe.

Tiếng nói Quyền trong vắt và nắm rau đũa cao bên bờ đậu :

— Bác ơi, bác xem vừa chưa nè.

— Chắc vừa rồi đó.

Quyền bỏ nắm rau vào cái thau nhỏ, tiếp tục hái thêm : tối nay mình nấu cơm nhiều mà bác há. Ông Mẫn thờ thần ngồi xuống trên cái rễ cây nổi vồng, tựa ngửa ra sau, trông về phía trước. Dáng Quyền nhỏ bé bên hàng đậu bị mờ dần đi, mờ dần khuất hẳn, như đã đi vào một vùng sương mù dày đặc trên miền núi. Mùa thu. Ông Mẫn mơ hồ thấy cái chén không, đôi đũa gác ngang qua cạnh bát canh rau xanh tối và văng vẳng nghe tiếng Quyền kêu bác ơi bác nè bác. Ông muốn ngồi thẳng dậy trả lời nhưng không thể được, không làm gì được cả. Ông đang giữa mù sương.

nguyệt nữ

thời sự và

sinh hoạt

● Chó và nhà văn

Chó trắng là tên một truyện dài mới của Romain Gary nhà văn từng được giải Goncourt của Pháp. Nhan đề truyện có vẻ bất chúc Jack London, nhà văn chuyên môn viết về những giống chó vùng tuyết trắng Alaska, nhưng chó trắng của Romain Gary là một câu chuyện ngụ ngôn mới thật cảm động được viết bởi một nhà văn biết quá rõ nước Mỹ cùng là nghề viết văn của mình : Chuyện một con chó berger Đức, tác giả nhận nuôi trong dịp sống cùng vợ là nữ tài tử Jean Seberg tại vùng Californie. Chỉ ba ngày sau khi nhận nuôi, tác giả khám ra Batka — tên con chó — là một « con chó trắng », tức là một con chó cảnh sát chuyên môn săn đuổi những người da đen. Romain Gary liền bỏ con chó vào một vườn thú tư nhân một nơi chuyên dạy những con thú đóng trò trong những phim ciné với hy vọng ở đó người ta có thể gột rửa óc con chó khiến nó không còn bị chứng bệnh kỳ thị điên cuồng đó nữa. Nhưng uốn nắn một con chó đã 7 tuổi là một chuyện khó khăn vô cùng, chính vì vậy mà Romain Gary tính giết chết con chó nếu không có một nhân viên vườn thú đã khẳng khái tình chuyện không thể làm được. Đó là một nhân viên da đen và

người này đã muốn « sửa, trị » tất cả những giống vật da trắng qua công việc huấn luyện con chó này.

Kết quả công trình đó ra sao, theo ý bạn đọc Vấn Đề ? Xin thưa, công việc tưởng chừng như quá vất vả đó lại trở nên thật dễ dàng dưới con mắt của những tay thầy kiện : Đó chỉ là một trò « đổi trắng thay đen ». Bởi vì con chó Batka sau khi đã được một ông da màu tẩy não đã trở thành một « con chó đen » chuyên săn đuổi những tên mọi « da trắng ».

Ngụ ngôn mới mà !

● Vấn đề văn chương trẻ thơ

Nền văn chương nhi đồng từ lâu nay cố gắng trở thành một loại văn chương độc lập, đó là bởi vì trẻ con đã từ lâu chưa hề được hưởng sự tự do. Tự do là trẻ con, tự do là tuổi nhỏ với tất cả quyền lợi và nhu cầu. Cho tới thế kỷ thứ 18, bên Âu Châu trẻ con vẫn bị coi như là một người lớn thu nhỏ (adulte miniaturise) và ngay cả sau thế kỷ thứ 18, sách vở cho trẻ con vẫn được quan niệm như là một sự thu gọn những sách vở của người lớn. Cho tới nay vẫn còn khuynh hướng chừng thực văn chương trẻ thơ bằng cách kéo nó về với đám đông độc giả người lớn : Jules Verne được coi như là kẻ tiên phong của văn chương khoa học giả tưởng, Lewis Carroll như là kẻ siêu thực, trước cả phong trào siêu thực, bà bá tước de Ségur được nhắc nhở tới vì những chất « sadique » trong những tác phẩm dành cho tuổi thơ của bà !

Thực ra, cũng rất ít tác giả thực sự sáng tác cho tuổi thơ và vì tuổi thơ. Trong số những tác phẩm dành cho tuổi nhỏ; một phần lớn đều là những cuốn sách được rút gọn : La chanson de Roland, Don Quichotte, Robinson Crusé... Chính vì vậy mà trẻ thơ thường phải với tới những cuốn sách bị cấm đoán hoặc không dành cho chúng : Truyện thần tiên chẳng hạn và thường còn là những câu chuyện kể bình dân, văn chương truyền khẩu. Và chính những câu chuyện bà ru cháu ngủ mới thực sự là cuốn sách đầu tiên viết (nói) cho trẻ thơ.

Trong một thiên khảo cứu lớn lao về những nguồn gốc những chuyện kể của Perrault do Marc Sariano viết nhà Gallimard ấn

hành năm 1968; tác giả đã nói về sự đồng tình của những lớp người bị xua đuổi ra khỏi văn chương, văn hóa. Lớp người thất học và lớp người trẻ thơ. Sự đồng tình giữa hai lớp người này còn thấy trong cả những chuyện kể của Andersen. Chính Andersen cũng đã chỉ diễn lại bằng chữ viết những câu chuyện bình dân ông ta nghe được ở trong nhà.

Ở Việt Nam ngày nay, sự xuất hiện của những cuốn truyện kể bằng tranh, những trang báo Mai Bè Bi, những vườn hoa Xuân, nghĩa là những trang báo nhỏ dành riêng cho trẻ thơ hàng ngày trong một tờ báo lớn, tất cả những sự kiện đó nói rõ tầm mức quan trọng của văn chương trẻ nhỏ. Vấn đề không phải là chê trách những cuốn sách bằng tranh quá bậy bạ, thô tục do một số người sản xuất nhằm mục đích thương mại hơn là giáo dục, nhưng chính vấn là vấn đề nan giải từ xưa cho đến giờ: Làm sao để có cho được một nền văn chương thực sự cho trẻ thơ. Và làm sao sản xuất đủ cho những nhu cầu của trí tưởng tượng của lớp độc giả trẻ con? Sự khó khăn chính yếu vẫn là thứ ngữ phù hợp với trí tưởng tượng của trẻ thơ thường thấy nhiều trong những siêu-văn-hóa (infra-cultures) nghĩa là trong những câu chuyện bình dân, bà ru cháu ngủ, trong những hoạt họa Cu Tý, Thăng Còm... hơn là trong thứ văn hóa bác học. Chẳng thế mà từ xưa tới nay nhiều người viết vẫn phải than viết truyện tuổi thơ thật là cực khó. Hơn nữa lâu đài tưởng tượng của trí óc trẻ thơ không phải đều được xây cất tất cả bằng những ý hướng tốt. « Nhân chớ tính bản thiện » vẫn là một đề tài bàn cãi muôn đời của triết học. Những trò nghịch độc ác của trẻ con không phải đều do người lớn sáng tạo ra rồi chúng bắt chước. Nhân vật Huckleberry Finn của Mark Twain, chẳng hạn đã chỉ cưỡng lại dự định bắt vợ óc người cha đang ngủ chỉ vì vấn đề chính xác mà thôi!

tuần anh

cáo nhấp nháy đầu đường. Em thêm được đứng phát phơ ngoài cửa rạp hát, nghe cộp một vài câu vọng cổ. Em thêm đủ thứ. Thế rồi... em chợt thấy tối xăm. Trăng xế lúc nào không biết, bóng chiếc trần song lấp đúng mắt em. Không hiểu sao, em nghĩ ngay đến cái bụng lão gác. Em nghĩ rằng nếu cái trần song kia mà to bằng cái bụng lão gác thì... bỏ mẹ, thì chẳng bao giờ, chẳng bao giờ em lại còn được nhìn thấy ánh trăng ngoài cửa sổ. (Một lát.) Cái bụng lão gác biến thành cái trần song. Cái trần song biến thành cái bụng lão gác. Em đang luẩn quẩn như vậy thì... thì lão gác mở cửa bước vào.

— Thế rồi cậu bẻ gãy chiếc trần song.

— Em đâm chết lão gác.

Trích trong « Những người không chịu chết »

của VŨ KHẮC KHOAN

ĐÓN ĐỌC

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CHỊU CHẾT

của

VŨ KHẮC KHOAN

vũ khắc khoan

những người không chịu chết

SEP 22 1970
UNIVERSITY LIBRARY

— Kể cả giết. Em đâu có ngán ? Ít nhất thì trong tay em cũng đã có một mạng rồi, đại ca ơi.

— Lão gác ?

— Lão gác nhà Trùng giời. (Một lát.) Đại ca ạ, lúc trước em cũng tưởng là khó. Lùi cả một con dao vào một cái bụng bầy nhầy. Cứ nghĩ đến mà đã thấy ớn cả người rồi. Thỉnh thoảng, phải dọa tui nhỏ con, em vẫn lấy cớ tay dao, đâm làm phép, đâm cho nó thủng sơ sơ, chứ đâu có dám đâm thẳng cánh ? Ấy thế mà... hôm qua... đêm hôm qua, chẳng hiểu sao em lại dám thẳng tay lút cán vào giữa cái bụng lão gác. Bụng nó bầy nhầy như bụng heo. Ngực nó ưỡn ra, hai mắt đỏ ngầu, trừng trừng nhìn thẳng vào mặt em. Nó không ngờ, đại ca ạ. Rồi nó vươn tay lên nắm lấy vai em, lần lên cổ em. Em vội ngoáy thêm một phát. Nó rùng mình, há hốc mồm, hơi rượu để phà cả vào mặt em, tởm quá. Người nó nhũn ra, chùng xuống. Nó từ từ, từ từ ngồi xếp xuống đất. Tỉnh dậy, em mê đi mà, em thấy một đồng thịt và một bãi máu dưới chân và... và một con dao đồ lõm trong tay... (Một lát.) Thế là hết. (Một lát.) Cũng chả khó. Em thấy giết người cũng chả khó, đại ca ạ. (Một lát.) Thật tình em cũng chẳng muốn giết ai. Kể cả cái lão gác. Mà cũng tại nó cả. Nó béo quá, đại ca ơi. Bụng nó phệ ra từng ngấn. Hai cái vú thì nhún nha nhún nhẩy như vú đàn bà. Mỗi khi vào phòng, nó phanh áo, nó khuỳnh tay. Em nhìn thấy cả mấy cái lông quanh đầu vú. Nó bắt chúng em ngồi xôm dưới đất. Rồi... ghét thẳng nào là nó đập ngay vào mặt thẳng đó, tối mắt tối mũi. (Một lát.) Một đêm, đêm qua, ở mới đêm qua mà em thấy xa quá, em đang ngủ bỗng tỉnh giấc, ánh trăng tràn ngập gian phòng. Em chợt thấy thêm ngoài kia quá cỡ. Lá cây xào xạc, em nhớ đến những ngọn gió bắt ngờ thổi bay những tờ giấy bọc hàng ngoài chợ nửa khuya. Em thêm được nằm ngửa ngoài hè. Em thêm được ngắm ánh đèn néon quảng